

Dương Thu Ái
Nguyễn Kim Hanh

Minh
Triết

Phương
Đông

ĐẠO
LÝ
NGƯỜI
XƯA

CỔ HỌC
KỶ THU



SBOOKS

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

ĐẠO LÝ CỦA NGƯỜI XƯA

VÀI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI CỦA LÃO TỬ

Cuộc đời và sự tích của Lão Tử, được sử sách ghi chép không nhiều. Trong bộ: “Sử kí” phần “Lão Tử truyện”, Tư Mã Thiên viết:

“Lão Tử, người thôn Khúc Nhân, làng Lê, huyện Khổ, nước Sở. Ông họ Lý Thị, tự là Đam, coi giữ sách sử trong kho nhà Chu”.

Khổng Tử đi tới đất Chu, vào viếng thăm Lão Tử, Lão Tử nói: “Người mà ông đang nói chuyện đây, thân thể và xương cốt ông ta đều đã mục nát già yếu rồi, chỉ còn biết nghe lời nói được thôi. Hơn nữa, người quân tử gặp thời thì đi xe cưỡi ngựa, chẳng gặp thời thì xoa tóc mệt mỏi mà lê bước chân đi bộ. Ta nghe nói, người đi buôn tài giỏi giấu giếm như chẳng có gì, người quân tử có thịnh đức, dung mạo tựa như ngu đần. Hãy vứt bỏ tính kiêu ngạo cùng với nhiều ham muốn, hãy vứt bỏ thái độ hám sắc và ý chí dâm tà của ông đi, tất cả những thứ đó chẳng có lợi ích gì cho bản thân ông cả. Những điều ta muốn nói với ông chỉ có như vậy mà thôi!”.

Khổng Tử ra về, nói với các đệ tử rằng: “Chim, ta biết nó có thể bay được; cá, ta biết nó có thể bơi được; thú, ta biết nó có thể chạy được. Thú chạy có thể dùng lưới bắt, cá bơi có thể dùng cước câu, chim bay có thể dùng nỏ bắn. Đối với rồng, ta không thể biết được nó cưỡi gió mây mà vút lên trời cao. Ngày hôm nay được gặp Lão Tử, giống như ta được gặp rồng vậy!”.

Lão Tử tu dưỡng đạo đức, lấy việc học vô danh tự ẩn làm nhiệm vụ của mình. Ngài ở đất Chu một thời gian khá lâu, nhìn thấy nhà Chu suy thoái, ngài liền bỏ đi. Đến đất Quan, Lệnh doãn đất Quan vui mừng nói: “Ông sẽ ở ẩn, gắng viết sách cho ta!”. Tức thì Lão Tử bèn viết sách được hai thiên thượng hạ nói về ý nghĩa của đạo đức, được trên trăm năm nghìn chữ, rồi bỏ đi. Không biết cuối cùng ngài đã đi tới đâu.

Ngoài “Sử kí” ra, các sách như “Tả truyện”, “Lễ Kí”, “Khổng Tử gia ngữ”, “Trang Tử”, “Liệt Tử” v.v... cũng đều có ghi chép những mẩu vụn vặt, có liên quan đến cuộc đời và sự tích của Lão Tử. Căn cứ vào ghi chép của một số sách sử này, đời sau được biết Lão Tử là người nước Trần thời kì Xuân Thu, sống vào khoảng giữa năm 571 đến năm 471 trước Công nguyên; những năm đầu ông đảm nhận chức quản lí viên coi giữ sổ sách

của vương thất nhà Chu. Năm hai mươi sáu đời Lỗ Chiêu Công (năm 516 trước Công nguyên), vương thất nhà Chu phát sinh nội loạn, Vương Tử Triều mang theo một khối lượng lớn điển tịch chạy trốn sang nước Sở. Những sổ sách mà Lão Tử quản lí lẽ dĩ nhiên cũng được mang theo, vì vậy ông đã bị cách chức, trở về ở quê cũ. Sau đó ông đã tới nước Lỗ, sống ở đó trong nhiều năm. Năm thứ nhất đời Lỗ Định Công (năm 505 trước Công nguyên), Khổng Tử theo Lão Tử “Trợ táng ư Hạng Đẳng (địa phương của nước Lỗ)”. Khi Lão Tử ở nước Lỗ, Khổng Tử đã có nhiều lần trao đổi qua lại với ông. Năm thứ chín đời Lỗ Định Công (năm 501 trước Công nguyên), Lão Tử cư trú ở nước Bái, “Năm 501 Khổng Tử đã tới phía nam nước Bái, gặp Lão Tử”. Những năm cuối đời, Lão Tử trở về quê cũ cư trú ở nước Trần. Năm thứ mười bảy Lỗ Ai Công (năm 478 trước Công nguyên) “Sở diệt Trần”, Lão Tử gặp nỗi đau đớn của việc mất nước, không thể không chạy trốn sang nước khác, cuối cùng ông đã chết ở nước Tần, “Tần thất điều chỉ”.

“ĐẠO ĐỨC KINH” RA ĐỜI NHƯ THẾ NÀO?

Cuộc đời và sự tích của Lão Tử tuy sử sách ghi chép không nhiều thế nhưng bộ sách “Đạo Đức Kinh” mà ông biên soạn được lưu truyền đến ngày nay, đã lưu lại cho dân tộc Trung Hoa và cả thế giới một di sản văn hóa tinh thần vô cùng quý báu. “Đạo Đức Kinh” được coi là một bộ trước tác triết học có nội dung tư tưởng phong phú, nó thực sự không phải là một ý tưởng nảy sinh từ trong đầu óc của Lão Tử để viết ra mà là sự phản ánh những tồn tại trong xã hội thời Xuân Thu, là bộ trước tác có căn nguyên xã hội và nguồn gốc tư tưởng sâu xa mang ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

Một khối lượng lớn sử sách và văn vật được khai quật từ dưới lòng đất, đã chứng minh rằng khoảng giữa thời Xuân Thu, kỹ thuật luyện kim đã rất phát đạt, theo đà ngày một phát triển của kỹ thuật luyện kim, phạm vi sử dụng đồ sắt cũng ngày càng được mở rộng. Nó không chỉ được ứng dụng vào trong sản xuất nông nghiệp, mà cũng đã được ứng dụng vào trong sản xuất thủ công nghiệp, mở rộng được các lĩnh vực sản xuất và nâng cao được sức sản xuất xã hội. Việc nâng cao mức sản xuất xã hội, khối lượng sản phẩm vật chất xã hội được tăng thêm, đã thúc đẩy được sự phát triển sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh được sự phát triển thương nghiệp; Sự phát triển của thương nghiệp, đã sản sinh ra một khối lượng lớn thương nhân, hơn thế, còn xúc tiến đẩy mạnh việc tự do mua bán ruộng đất, làm tăng nhanh tốc độ biến đổi chế độ kinh tế, khiến cho nền kinh tế của chế độ nô lệ nhanh chóng chuyển biến sang nền kinh tế của chế độ phong kiến.

Sự biến đổi mạnh mẽ của chế độ kinh tế đã dẫn đến tới sự chao đảo sôi động bất thường trên mặt chính trị. Vương thất nhà Chu sớm bị suy vong, nên cũng có năng lực duy trì được nền thống trị của mình, tầng lớp người thống trị của các nước chư hầu thì không ngừng đánh chiếm lẫn nhau để thỏa mãn dục vọng cá nhân và dã tâm của bản thân mình. Căn cứ vào những ghi chép của sử sách, năm 242 thời Xuân Thu, các nước đã tiến hành chiến tranh tới 483 lần tranh thành cướp đất, chém giết lẫn nhau. Trong cuộc chiến tranh của các nước chư hầu, sự tranh giành bá chủ giữa các nước

lớn như: Tề, Sở, Tần, Tấn... đã diễn ra ngày càng kịch liệt. Các nước nhỏ không những phải tiến cống nạp thuế cho các nước lớn, mà còn dựa vào các nước lớn để sinh tồn; đồng thời lại luôn phải đề phòng mối nguy hiểm bị các nước lớn xâm lăng thôn tính. Chế độ thuế má cống nạp phức tạp mà các nước thực hành, chính là đã phản ánh sự biến đổi của chế độ kinh tế và nhu cầu kinh phí của những cuộc chiến tranh quân sự. Trong tình hình như vậy, vô luận là nước lớn hay là nước nhỏ, nhân dân lao động cũng đều phải gánh chịu nỗi đau khổ của nhiều tầng bóc lột.

“Nhân dân bệnh tật khổ sở”, “nhìn nhau chết đói đầy đường”, đó chính là sự miêu tả chân thực về tình cảnh sống đau đớn khổ sở của nhân dân lao động. Trái ngược lại với cảnh tượng đó, bọn thống trị phong kiến của các nước chư hầu lại có một cuộc sống: “cung thất ngày càng đổi mới, dâm ô trụy lạc đến vô cùng”. Một bên là sức nghèo nàn và đói khổ của dân chúng, còn bên kia là sự giàu có và xa xỉ của bọn thống trị. Những người không cam lòng chịu chết ở nơi ngòi lạch khe núi, thường liều lĩnh thân đứng lên đi làm kẻ cướp. “Có nhiều kẻ cướp” đó là hiện tượng phổ biến của các nước chư hầu lúc đó; đây cũng là một loại phản kháng đối với sự bóc lột tàn khốc, bọn thống trị dốc sức tăng cường “Hình phạt của chính quyền” để loại trừ tiêu diệt “trộm cướp”, nên đã lần lượt xuất hiện ra “hình thư”, “hình đỉnh” dùng pháp luật để thay thế cho roi vọt, để trấn áp sự phản kháng của dân chúng.

Những điều kể trên chính là tình hình kinh tế và chính trị xã hội trong thời đại Xuân Thu, đây cũng chính là căn nguyên xã hội đã sản sinh ra tư tưởng của Lão Tử. Quan điểm triết học “Thiên chi đạo” (Đạo của Trời) và chủ trương chính trị “Nhân chi đạo” (Đạo của người) được đề ra trong “Đạo Đức Kinh” của Lão Tử, chính là sự phản ánh tồn tại của xã hội lúc đó.

Sự sản sinh ra triết học Lão Tử, cố nhiên cũng phản ánh sự tồn tại của xã hội thời đại đó, vậy nên cấu thành của nó tất có nguồn gốc sâu xa từ trong tư tưởng của tiền nhân. Trước tiên, từ thuật cổ mà xét, hơn trăm nghìn chữ trong “Đạo Đức Kinh” kim bản, những chỗ thuật cổ của ông thực sự không ít thấy, có chỗ ghi rõ trực tiếp viện dẫn những lời nói của cổ nhân, có

chỗ chưa ghi rõ, hoặc chỉ viện dẫn lời nói của sách cũ nhưng chưa ghi rõ xuất xứ. Các chương ghi rõ viện dẫn lời nói của cổ nhân là chương hai mươi hai, chương bốn mươi một, chương năm mươi bảy, chương sáu mươi chín, chương bảy mươi tám v.v..., các chương viện dẫn ngôn ngữ trong sách cổ mà không ghi rõ xuất xứ là chương năm, chương bảy mươi chín lấy ở “Chu Dịch”, chương sáu mươi tư gốc “Chu Thư”, chương ba mươi sáu xuất tự “Thi Kinh”. Vậy nên điều cần nói là, học thuyết của Lão Tử vốn gốc từ học thuyết cổ, có quan hệ nguồn gốc sâu xa với tư tưởng của “Thi”, “Thư” và “Dịch”.

Thứ nữa, từ việc kế thừa quan điểm triết học của tiền nhân mà xét, đối với những quan điểm duy vật biện chứng như “Đạo” là nguồn gốc của vạn vật, “Thiên chi đạo”, âm dương đối lập, “Hòa” trong thống nhất đối lập, vật cực tất phản), đều là hệ thống triết học của bản thân Lão Tử, trên cơ sở những tư liệu tư tưởng hấp thu được của các bậc hiền triết đi trước, tăng cường chặt lọc, cải tạo, phát triển rồi cấu thành mang tính chất sáng tạo, có tác dụng nối tiếp đời trước chuyển cho đời sau kế thừa trong lịch sử triết học cổ đại Trung Quốc.

1. Vật cực tất phản: có nghĩa là quần cùng tất phản, hễ có việc gì lúc đầu cứ cố làm to và cuối cùng tất sẽ có tác dụng ngược lại; cũng có nghĩa bóng là con người không nên làm thái quá.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA “ĐẠO ĐỨC KINH”

“Đạo Đức Kinh” tuy chỉ có trên năm nghìn chữ thể nhưng tư tưởng sâu sắc của nó, chứa đựng nội hàm cực kỳ phong phú. Nói một cách khái quát, nội dung cơ bản của nó có thể phân chia thành sáu phương diện, đó là Tư tưởng duy vật chủ nghĩa, Tư tưởng biện chứng pháp, Nhận thức luận, Nhân sinh quan, Chủ trương chính trị và Lý tưởng xã hội.

1. TƯ TƯỞNG DUY VẬT CHỦ NGHĨA

Tư tưởng trung tâm của triết học Lão Tử chính là “Đạo”. Trong “Đạo Đức Kinh”, với trên năm nghìn chữ, tám mươi một chương Tổng cộng “Đạo” đã xuất hiện 74 lần ở trong 17 chương; đó là chương 1, chương 4, chương 8, chương 9, chương 14, chương 15, chương 16, chương 18, chương 21, chương 25, chương 32, chương 37, chương 40, chương 42, chương 47, chương 51, chương 73. Đối với “Đạo”, Lão Tử đã có sự biểu thuật quan trọng. Đặc biệt là chương 42, ông đã biểu thuật một cách tập trung và chính xác rõ ràng quan điểm “Đạo” sinh ra vạn vật, đã trả lời rất rõ vấn đề nguồn gốc của thế giới, đã phản ánh rõ bản thể luận của Lão Tử.

Nhìn chung, biểu thuật của Lão Tử, “Đạo” có sáu loại hàm nghĩa:

1. “Đạo” là một loại thực thể mang tính vật chất, vừa là thứ vô hình lại vừa là thứ hữu hình, “Vô, danh thiên địa chi thủy; Hữu, danh vạn vật chi mẫu”.

2. “Đạo” đã có từ trước khi vạn vật xuất hiện, “Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh”.

3. “Đạo” là một loại thể khí tai nghe không rõ, mắt nhìn chẳng thấy, vạn vật đều từ “Đạo” mà sinh ra. “Đạo chi sơ vật, duy hoảng duy hốt”; “Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật, vạn vật phụ âm nhi bảo dương, xung khí dĩ vi hòa”.

4. “Đạo” là thứ vận động theo quy luật, vĩnh viễn không ngừng không nghỉ. “Độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi”, “Đại viết thệ, thệ viết viễn viễn viết phản”.

5. Quy luật của “Đạo”, vừa là quy luật tự nhiên, cũng là quy luật của xã hội, tức là cái gọi là “Thiên chi đạo” và “Nhân chi đạo”.

6. Có thể dựa vào quy luật của “Đạo” để làm việc, chính là đã nhận thức được “Đạo”. Người thống trị của lý tưởng chính là “Thánh nhân” đặt mình vào “Đạo”.

Số loại hàm nghĩa kể trên, nói một cách khái quát, chính là vạn vật đều do “Đạo” mà sinh ra, vạn vật bị tiêu diệt đều quay trở về với “Đạo”. Mỗi thứ sinh ra và bị hủy diệt của vạn vật, đều là quy luật tuần hoàn tuân theo “Đạo”. Quy luật vận động của “Đạo” chính là thứ có thể được mọi người nhận thức và nắm vững. Loại biểu thuật đối với việc coi “Đạo” làm bản thể vật này, đã xuyên suốt trong hơn năm nghìn chữ của “Đạo Đức Kinh”, đã phản ánh một cách hệ thống tư tưởng triết học duy vật chủ nghĩa của Lão Tử.

Trong triết học của Lão Tử, căn bản đã phủ định sự tồn tại của “Thần”, phủ định việc sáng tạo và làm chúa tể đối với vạn vật trong thế gian của “Thần”. Sớm từ hơn 2.000 năm trước, “Đạo Đức Kinh” đã bao hàm tư tưởng vô thần luận, đó là điều nổi bật rất phi thường.

Thế nhưng, tư tưởng duy vật chủ nghĩa biểu thuật trong “Đạo Đức Kinh” vẫn còn có những khiếm khuyết.

Thứ nhất, đó là sự biểu thuật khái niệm về “Đạo” và khái niệm về “Vô” có rất nhiều chỗ hàm hồ, hỗn độn không rõ ràng. Có khi “Đạo” là chỉ thực thể của thế giới vật chất, cũng tức là bản thể của vũ trụ; Có lúc “Đạo” lại chỉ quy luật phổ biến biến hóa vận động của sự vật, không phân rõ được sự khác biệt của thực thể vật chất với quy luật vận động của vật chất. Cuối cùng “Đạo” với “Vô” có mối quan hệ như thế nào? Thế nào là “Vô”? Hàm nghĩa chân chính của “Vật chất trong thiên hạ sinh ra hữu, hữu sinh ra vô” là thế nào? Đều không biểu thuật được rõ ràng.

Thứ hai, sự biểu thuật khái niệm về “thiên đạo” và khái niệm về “quỷ thần” không rõ ràng, không sáng tỏ chính xác, ít nhiều còn mang theo một số màu sắc của chủ nghĩa thần bí. Sự tồn tại của hai loại khuyết điểm này đã phản ánh tính trực quan, tính ấu trĩ, tính không triệt để trong tư

tưởng duy vật chủ nghĩa của Lão Tử, nó hạn chế bởi điều kiện lịch sử xã hội và trình độ khoa học lúc đó, ấy là điều không thể tránh khỏi. Chính vì những khuyết điểm này đã bị những nhà triết học duy tâm và những nhà hữu thần luận của đời sau lợi dụng và phát triển; còn những nhà triết học duy vật và những nhà vô thần luận đời sau thì kế thừa và phát triển nội hàm chính xác những tư tưởng duy vật chủ nghĩa của Lão Tử.

2. TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG

Bộ sách “Đạo Đức Kinh” này chỉ có hơn năm nghìn chữ ngắn ngủi, thế nhưng tư tưởng mang phương pháp biện chứng mà nó bao hàm thì lại rất phong phú. Ở trong bộ sách này, Lão Tử đã vạch rõ một cách tương đối có hệ thống việc tồn tại của sự vật là nương tựa vào nhau để tồn tại, mà không phải là độc lập với nhau. Ông đã miêu thuật thế giới tự nhiên và xã hội loài người đang tràn đầy những hiện tượng mâu thuẫn thống nhất đối lập. Những hiện tượng mâu thuẫn thuộc thế giới tự nhiên, có lớn nhỏ, nhiều ít, cao thấp, xa gần, dày mỏng, nặng nhẹ, tĩnh ồn, đen trắng, nóng lạnh, sáng tối, đực cái, thật giả, chính phản, đồng dị... những hiện tượng thống nhất đối lập này, đã đề cập tới rất nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực Toán học, Vật lý học, Thiên văn học, Địa lý học, Sinh vật học,... điều này cũng đã nói rõ tư tưởng biện chứng pháp của Lão Tử tuy có tính chất trực quan phiến diện, nhưng cũng đã phản ánh rằng, Lão Tử từng có được những kiến thức khoa học tự nhiên tương đối phong phú và trình độ nhận thức tương đối cao; những hiện tượng mâu thuẫn của xã hội loài người, gồm có đẹp - xấu, thiện - ác, thật - giả, phải - trái, lợi - hại, họa - phúc, sống - chết, vinh - nhục, khôn - ngu, lành - dữ, hưng - phế, tiến - thoái, chủ - khách, khéo - dở, khó - dễ, thông - tắc, công - tư, sang - hèn, giàu - nghèo, yên - loạn ... ; Những hiện tượng đối lập thống nhất này đã đề cập tới rất nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội như kinh tế, chính trị, quân sự, đạo đức, tu thân, thẩm mỹ, ngôn ngữ... điều này cũng đã nói rõ tư tưởng biện chứng pháp của Lão Tử, đã phản ánh những nhận thức sâu sắc đối với việc hiện thực xã hội.

Lão Tử không chỉ đã miêu thuật những hiện tượng mâu thuẫn đối lập thống nhất của thế giới tự nhiên và xã hội loài người, nói rõ được một phía

không tồn tại, thì thế kia cũng sẽ không tồn tại được. Hơn thế, ông còn cho rằng, sự đối lập thống nhất là quy luật phổ biến, vĩnh hằng của mọi sự vật. Ông nói: “Hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương doanh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy”. Lão Tử không chỉ cho rằng giữa sự vật này và sự vật khác có sự đối lập thống nhất với nhau, hơn thế, ông còn cho rằng trong nội bộ mọi sự vật cũng tồn tại sự đối lập thống nhất với nhau. Ông nói: “vạn vật phụ âm nhi bảo dương”. Đây là sự phản ánh sâu sắc đối với biện chứng khách quan trong tư tưởng biện chứng pháp của Lão Tử.

Lão Tử không chỉ vạch rõ quy luật đối lập thống nhất của sự vật, hơn nữa còn vạch rõ quy luật chuyển hóa lẫn nhau song phương đối lập của sự vật. Ông nói: “họa hề, phúc chi sở ỷ; Phúc hề, họa chi sở phục... chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu”. Tại đây, sự biểu thuật đối với quy luật chuyển hóa sự vật của Lão Tử, cũng có điều không toàn diện và không đầy đủ. Ông chỉ nhìn thấy sự thực một phía của sự vật đối lập chuyển hóa tới một phía khác, mà không nhìn thấy sự chuyển hóa cần phải có điều kiện, không hiểu biết được tác dụng của điều kiện trong sự chuyển hóa. Thoát ly điều kiện mà chỉ nói tới sự chuyển hóa của mặt đối lập, là đã coi mặt đối lập là vô điều kiện, là tuyệt đối. Không có điều kiện mà cứ nhất định phát huy tác dụng, thì họa sẽ không có khả năng chuyển hóa thành phúc, hay phúc cũng không có khả năng chuyển hóa thành họa được.

Trong tư tưởng biện chứng của Lão Tử không có quy luật hỗ biến chất lượng của sự vật, thế nhưng lại chú ý tới sự tích lũy của lượng sự vật, có thể dẫn tới sự biến đổi của chất. Ông nói: “Hợp bão chi mộ, sinh ư hào mạt; Cửu tăng chi dài, khởi ư lũy thổ; Thiên lí chi hành, thủy ư túc hạ”. Những lời nói này đã nói rõ một cách hình tượng và sinh động mối quan hệ lượng biến chất biến của sự vật, sự tích lũy không ngừng của lượng, dần dần sẽ dẫn tới sự biến đổi của chất, sự vật sau này sẽ không phải là sự vật lúc trước. Loại trừ tư tưởng biện chứng pháp giản dị chất phác này là những kiến giải sâu sắc trong thời cổ đại, ở thời đại ngày nay vẫn có ý nghĩa tích cực.

Trong tư tưởng biện chứng pháp của Lão Tử, cũng không có quy luật phủ định của phủ định phát triển sự vật từ thấp lên cao, thế nhưng cũng đã sơ bộ tiếp xúc tới những vấn đề thuộc phương diện này. Ông nói: “Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột”, ý nghĩa là: Cái thẳng thẳng nhất tựa như cong, nhưng thực ra không phải là cong. Thực sự, khéo léo nhất tựa ngu đần, thực ra không phải là ngu đần thật sự, giỏi biện luận nhất tựa như ngớ ngẩn, thực ra không phải là sự ngớ ngẩn thực sự, chúng đều là chất mới trên cái chất của giai đoạn đầu tiên bước tới giai đoạn sau cao hơn. Ông còn nói: “Minh đạo nhược muội, tiến đạo nhược thoái... Quảng đức nhược bất túc, kiến đức nhược thâm”, đều là chỉ chất mới ở giai đoạn cao với chất của giai đoạn ban đầu vừa giống nhau mà lại vừa khác nhau. Ông dùng “hàn đức chi hậu, tử ư xích tử”, ví dụ một cách hình tượng những người tu dưỡng đạo đức sâu sắc trung hậu, cũng sẽ giống hệt như đứa trẻ ngây thơ chất phác thuần hậu. Tư tưởng biện chứng pháp chất phác giản dị này đã phản ánh một cách sâu sắc biện chứng pháp khách quan.

3. NHẬN THỨC LUẬN

Nhận thức luận mà Lão Tử tự biểu thuật ở trong “Đạo Đức Kinh” đã nhấn mạnh tính khách quan của sự vật khách quan, nhưng coi thường nhận thức cảm tính mà chú trọng nhận thức lý tính. Đối với điều trước mà nói, đó là tư tưởng duy vật chủ nghĩa; đối với nhiều sau mà nói, đã khó tránh khỏi mang màu sắc duy tâm chủ nghĩa.

Trong bộ sách ”Đạo Đức Kinh”, Lão Tử đã nhiều lần đề xuất, quan sát cần phải khách quan. Ông nói:

“Dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ hương quan hương, dĩ bang quan bang, dĩ thiên hạ quan thiên hạ.

Ngô hà dĩ tri thiên hạ chí nhiên tại! Dĩ thử”.

Tại đây, nhận thức luận của Lão Tử bao hàm ý nghĩa có sự thống nhất với nhau giữa chủ quan lẫn khách quan. Tuy những điều ông nói là dùng bản thân tu đạo để quan sát ích lợi của việc lấy thân tu đạo, dùng gia đình tu đạo để quan sát ích lợi của việc dùng gia đình tu đạo v.v... thế nhưng điều

nhấn mạnh cuối cùng của ông vẫn là việc quan sát sự vật trước tiên cần phải đặt tâm nhìn ở trên đối tượng khách quan. Đó là điều rất đúng, bởi đã tiếp cận với phản ứng luận duy vật chủ nghĩa. Đồng thời với những điều đó, ông còn phản đối sự ước đoán chủ quan, không có căn cứ, và cho rằng “Tiền thức giả, đạo chi hoa”. Sở dĩ ông cho rằng sự vô đoán chủ quan là vô căn cứ, chỉ biết được những hiện tượng phù hoa bên ngoài của “Đạo”, chứ không thể nhận thức được thực chất của “Đạo”. Đây cũng là phần mang những tính hợp lý của ông. Từ đó, tiến thêm một bước, ông còn đề xuất chủ trương con người cần phải luôn biết người biết mình, phản đối việc tự cho mình là phải. Ông nói: “Tri nhân giả, trí dã; Tự tri giả, minh dã”, cho rằng: một người làm được điều biết người biết mình mới là người có trí tuệ sáng suốt. Ông còn nói: “tri bất tri, thượng hĩ; bất tri tri, bệnh hĩ”, cho rằng một người chỉ có khiêm tốn, cẩn thận, bản thân mình đã có tri thức, thế nhưng không tự cho rằng mình có trí thức, thế mới là một loại đạo đức tốt đẹp; trái lại, một người chẳng hiểu biết gì mà cứ tự cho mình là biết, chính là khuyết điểm của anh ta. Những cách nhìn này, được coi là nhận thức luận, đó là những kiến giải sâu sắc trong thời cổ đại; ở ngày nay, vẫn có sự gợi mở, có ích lợi trong sự giáo dục đối với tư tưởng của con người.

Nhận thức luận của Lão Tử đặc biệt nhấn mạnh, con người cần phải nhận thức chính xác đối với sự vật, cần phải thoát khỏi ảnh hưởng của dục vọng tình cảm. Với Lão Tử mà xét, cái gọi là những quan điểm về Trí, Nhân, Lễ v.v... đều là những sản vật của dục vọng tình cảm “Biện luận giả dối” của bọn thống trị, nên nếu không thoát khỏi những ảnh hưởng của chúng, thì không thể nhận thức được chân tướng của sự vật. Cho nên ông nói: “Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa; trí tuệ xuất, hữu đại ngụy”, nghĩa là đã có nhân nghĩa, thì đại đạo sẽ không tồn tại nữa, vậy đâu còn có thể bàn tới được nhận thức chúng? Đại ngụy là thứ xuất ra từ trí tuệ, có trí tuệ, như vậy đương nhiên sẽ không thể nhận thức sự vật một cách chính xác được. Từ đó ông cho rằng: “Vi học giả nhật ích, vi đạo giả nhật tổn”, ở đây “học” chỉ là học vắn của nhân nghĩa lễ phép “nhật ích” là chỉ dục vọng tình cảm ngày càng tăng lên nhiều; “Đạo” là chỉ đạo của tự nhiên, “nhật tổn” là chỉ dục

vọng tình cảm ngày càng tăng lên nhiều. Chỉ có “Khí trí”, “Tuyệt học”, mới có thể thoát khỏi ảnh hưởng của dục vọng tình cảm, mới có thể nhận thức được chân tướng của sự vật khách quan. Có người giải thích “Đạo Đức Kinh”, cho rằng “Khí trí”, “Tuyệt học” của Lão Tử là cần phải vứt bỏ mọi trí tuệ, ngăn chặn mọi học vấn, đề xướng chủ nghĩa ngu muội, đó là do không hiểu nhận thức luận của Lão Tử. Có điều cách nêu ra “Khí trí”, “Tuyệt học”, cũng khó tránh khỏi khiến cho mọi người nảy sinh ra sự hiểu lầm.

Từ những điều nêu trên có thể nhận thấy rằng nhận thức luận của Lão Tử đúng là có tư tưởng duy vật chủ nghĩa về tư tưởng biện chứng pháp; thế nhưng do tính chất không triệt để của tư tưởng duy vật chủ nghĩa và tính chất không triệt để trong tư tưởng biện chứng pháp của Lão Tử, mà điều này đã không tránh khỏi, đã khiến nhận thức luận của ông có những khuyết điểm nghiêm trọng mang tính phiến diện, quá chú trọng vào tác dụng của nhận thức lý tính, xem nhẹ tác dụng của nhận thức cảm tính, phủ nhận tác dụng của thực tiễn. Ông nói: “Bất xuất hộ, tri thiên hạ; bất khuy dụ, kiến thiên đạo, là xuất di viên, kì tri di thiếu, thị dĩ nhi thành”, “Tắc kì đoài, bế kì môn, chung thân bất cần”. Đại ý của những lời này là: con người sống ở trong nhà, không cần ra khỏi cửa, mắt không nhìn, tai không nghe, không làm bất kỳ một việc gì, suốt đời cũng không dính đến thực tiễn, mà chỉ cần tiến hành tư duy lý tính, sẽ có thể biết được mọi việc trong thiên hạ, sẽ có thể biết được quy luật vận hành của mặt trời, mặt trăng và các vì tinh tú. Lão Tử đã tuyệt đối hóa nhận thức lý tính như vậy, nên không thể không khiến cho một phần nhận thức luận của ông mắc phải sai lầm của chủ nghĩa duy tâm và triết học siêu hình.

4. NHÂN SINH QUAN

Như trên đã nói, triết học Lão Tử, những điều ông giảng giải là “Đạo”, là Đức, là Trời, là Đất, đều là Đại tự nhiên. Đại tự nhiên là thứ dựa vào quy luật vốn có của nó để vận hành, cho nên Đại tự nhiên (thiên nhiên) là thứ không có trí tuệ riêng, không có ý nghĩa riêng, không có tình cảm riêng, không có dục vọng riêng, chỉ làm những điều vô sự, nói một cách tổng quát,

đây chính là vũ trụ của Lão Tử. Nhân sinh quan của Lão Tử được quyết định bởi vũ trụ quan của ông.

Nhân sinh quan được giảng giải trong “Đạo” Đức Kinh” của Lão Tử, có nguyên tắc chung là “Pháp tự nhiên”, thuận theo tự nhiên mà làm, không làm ngược lại tự nhiên. Phân tích nội dung đó, sẽ có mấy ý nghĩa quan trọng dưới đây:

a. Vô tư

Lão Tử cho rằng: “Đạo” sinh ra vạn vật, “Đức” nuôi dưỡng vạn vật, đó là điều vô tư. Con người dựa vào “Đạo” để làm việc, cũng cần phải như vậy. Những điều mà ông đề xuất như là: “Thánh nhân vô tư”, “Thánh nhân vô tàng”, “Kí dĩ vi nhân, kí dĩ dĩ nhân”, “Chấp tả quyện nhi bất trách ư nhân” v.v... đều là những biểu hiện của vô tư. Đem những lời nói của ông dịch thành ngôn ngữ ngày nay để nói, thì chính là: những người có “Đạo” đức không chiếm hữu nhiều tiền bạc của cải, hãy dùng hết năng lực của mình để phục vụ con người khiến cho họ giành được lợi ích, cũng không đòi hỏi họ phải báo đáp. Sự vô tư của Lão Tử cũng không phải là đòi hỏi mọi người hoàn toàn không có của riêng, mà là: cần phải tiên nhân hậu ki, tiền công hậu tư (Người trước tư sau, công trước ta sau). Với cách nhìn của ông thì: “Thánh nhân vô vàng”, ngược lại bản thân mình: “Hữu dư” dốc sức vì người khác “mình sẽ có nhiều hơn”, dùng sự vô tư của ông, “cố nhiên sẽ trở thành của riêng mình”.

b. Dung nhân

Lão Tử cho rằng: “Thiên địa chi gian, hư chi bất khuất”, ý nghĩa là đất trời rộng lớn, không gì không dùng được, con người học theo cách của tự nhiên chính là phải “Hư kì tâm”, tấm lòng trống rỗng như hang sâu, đó là “thượng đức”. Duy chỉ có hư (trống rỗng) mới có thể dung nhân, cho nên “nhân vô khí nhân”; duy chỉ có hư mới có thể dung vật, cho nên “Vật vô khí vật”; duy chỉ có hư mới có thể khoan dung độ lượng cho nên “Báo oán dĩ đức”; duy chỉ có hư mới có thể biến thông mà không thiên lệch cố chấp; cho nên đối với người lương thiện, cố nhiên có thể dùng thiện để đối đãi, đối với những người bất thiện cũng có thể dùng thiện để đối đãi.

c. Khiêm tốn

Lão Tử cho rằng: Đại Đạo “vi nhi bất thị, công thành nhi bất cử”, cho nên con người cũng nên tự khiêm tốn. Biểu hiện của tự khiêm tốn là: không tự đại, không tự biểu hiện mình, không tự cho mình là phải, không được đánh phá người, không tự kiêu căng. Người khiêm tốn sẽ thu được lợi ích, cho nên không tự đại mà có thể trở thành vĩ đại, không tự biểu hiện mình mà lại có thể trở thành rục rờ, không tự đánh phá mà lại thành có công không tự kiêu căng mà lại trở thành tài giỏi. Mặt trái của sự khiêm tốn là kiêu ngạo. Biểu hiện của kiêu ngạo: Tự đại, tự hiện, tự thị, tự phạt, tự kiêu căng, mà kiêu ngạo thì sẽ “tự dẫn đến sai lầm”. Tự đại sẽ không trở thành vĩ đại, tự biểu hiện sẽ không thể sáng suốt, tự thị sẽ không thể rục rờ, tự phạt sẽ không thể có công lao, tự kiêu căng sẽ không thể tài giỏi.

Do khiêm tốn, cho nên không tranh chấp với người, “phu duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh”, chỉ có không tranh chấp với người, mới có thể khiến cho thiên hạ không ai có thể tranh giành được mình. Những người không tranh giành là người thượng thiện. “Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng chi sở ố, cố cơ ư đạo... Phu duy bất tranh, cố vô vu”; ý nghĩa là: những người thượng thiện (tài giỏi nhất) giống như nước, có lợi cho vạn vật mà không tranh giành với ai, tình nguyện sống ở những nơi kém cõi mà mọi người chán ghét. Đó là điều tương đối phù hợp với “Đạo”. Chính vì những người thượng thiện không tranh giành, cho nên họ không có sai lầm.

Bởi khiêm tốn, cho nên “không dám giành trước thiên hạ”, tình nguyện ở sau, tình nguyện ở ở dưới. Thế nhưng, sự phát triển của vạn vật là sự phát triển của biện chứng ở đằng sau mà bản thân có thể vươn lên trước, ở phía dưới mà lại có lợi ích, cũng giống như sông biển ở hạ du của trăm dòng suối, mà trăm dòng suối đều chảy về với sông biển.

d. Thủ nhu

Lão Tử cho rằng ở trong thiên nhiên, những vật mới sinh luôn nhu nhược (mềm yếu), thế nhưng những vật mới sinh mềm yếu, luôn luôn tràn đầy sinh khí, tràn đầy sức sống, cho nên nhu nhược là phép tắc tự nhiên của

“Sinh”. Con người học theo phép tự nhiên, chính là phải thủ nhu (giữ lấy sự mềm mại). Ông nói: “Thủ nhu viết cường”, “Thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên”, “Nhu nhược thắng cương cường”; ý nghĩa là: hãy để cho bản thân mình ở vào địa vị nhu nhược, khiến cho những tiềm lực phát triển sẵn có trong nội bộ bản thân mình có thể phát huy được đầy đủ tác dụng sẽ có thể chiến thắng được tất thảy!

Ý nghĩa quan trọng của nhân sinh quan Lão Tử là tuân theo phép tắc của tự nhiên, giảng “Đạo”, tu đức, thực ra không chỉ hạn chế ở người thân cá nhân, mà mục đích của ông là từ việc tu thân mà suy rộng ra việc cai trị thiên hạ, cho nên Nhân sinh quan của Lão Tử có mối liên hệ mật thiết với chính trị.

e. Chủ trương chính trị

Những chủ trương chính trị của Lão Tử được quyết định bởi vũ trụ quan Thiên đạo tự nhiên của ông. Trong “Đạo Đức Kinh”, đối với chủ trương chính trị “Vô vi” của mình, Lão Tử đã tiến hành luận thuật rất đầy đủ. Nói một cách khái quát, những chủ trương chính trị của Lão Tử có mấy điểm dưới đây:

Một là “Vô vi”¹. Từ bản thân ông mà xét, vạn vật trong thiên hạ đều do “Thiên chi đạo”, “Sinh chi, súc chi, “Sinh nhi phát hữu”, “Vi nhi phát thệ”, “Trưởng nhi phát tể”. Để mặc cho vạn vật tự sinh tự trưởng, chính là “Vô vi” của “Thiên chi đạo”. Vì vậy ông cho rằng: “Nhân chi đạo” cần phải bắt trước phép tắc “Vô vi” của “Thiên chi đạo”. Để mặc cho dân chúng tự sinh sôi, dựa theo quy luật tự nhiên của Đạo trời, “Xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo”. Nhưng ai sẽ thực hành đạo cai trị “Vô vi”?

Lão Tử gửi gắm hi vọng lên thân “Thánh nhân” hoặc “Hầu vương” đang thực hiện “Đạo”. Chỉ cần “Thánh nhân” hoặc “Hầu vương” thực hành sự cai trị “Vô vi” thì sẽ xuất hiện được tình cảm như sau: “Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác”. Bắt chước theo phép “Thiên chi đạo”, thực hành chế độ cai trị “Vô vi”, sẽ không thể “Tồn bất túc dĩ phụng hữu dư”, sẽ có thể “dân mạc chi lệnh, nhi tự quân yên”, thế gian sẽ có sự công bằng. Những người

thực hành chế độ cai trị “Vô vi” Sẽ được nhân dân ủng hộ yêu quý, “thiên hạ lạc suy nhi bát yểm”. Căn cứ vào điều này mà nói, trong chủ trương chính trị của Lão Tử mà nói, ít nhiều có bao hàm một số thành phần dân chủ.

Lão Tử đã chủ trương “Vô vi”, lí đương nhiên ông cũng phản đối “Hữu vi”. Với ông mà xét, bọn thống trị đi ngược lại lẽ tự nhiên của đạo trời mà “Hữu vi”, thì không thể có kết cục tốt đẹp được. Ông nói: “Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi ngộ kiến kì bất đắc dĩ. Thiên hạ thần khí, bất khả vĩ dã. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi”. “Cập kì hữu sự, bất túc dĩ thủ thiên hạ”. “Dân chi nan tự, dĩ kì thượng chi hữu vi, sở dĩ nan sự”. Ý nghĩa của những lời nói trên: Kẻ thống trị cai trị thiên hạ nếu cưỡng ép làm càn làm bậy thì sẽ không thể có kết quả tốt đẹp được. Thiên hạ này chính là thiên hạ của mọi người trong thiên hạ, sự việc của mọi người trong thiên hạ thì không thể cưỡng ép làm càn làm bậy được. Nếu ai cưỡng ép làm càn làm bậy, thì tất nhiên sẽ làm hư hỏng sự việc của mọi người trong thiên hạ, nếu ai muốn chiếm đoạt làm bá chủ thiên hạ, thì tất nhiên sẽ bị mất thiên hạ. Sở dĩ dân chính không tuân theo sự thống trị của bọn thống trị, bọn thống trị cứ khẳng khái một mực cưỡng ép làm càn làm bậy, tất nhiên dân chúng sẽ phản kháng. Xem ra Lão Tử đã đầy lòng phẫn hận bọn thống trị đương thời.

Hai là công bằng. Với Lão Tử mà xét, “Nhân chi đạo” mà bọn thống trị thực hành, đã làm “Tổn bất túc dĩ phụng hữu dư”, người giàu càng giàu thêm, người nghèo càng nghèo khổ, xã hội như vậy thật quá mất công bằng. Vì vậy, ông ôm ấp sự thông cảm sâu sắc đối với nhân dân, ông đã vạch trần sự bóc lột tàn khốc mà bọn thống trị tiến hành. Ông nói: “Dân chi cơ, dĩ kì thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ”, “thiên hạ đa kị hủy, như dân bị bần”. “Triều thậm trù, điều thậm hoang, thương kì hư; Phục văn thái, đãi lợi kiểm, yển âm thực. Tài hóa hữu dư, thị vi đạo vu. Phi đạo dã tai”. “Dân chi khinh tử, dĩ kì thượng cầu sinh chi hậu”. Ý nghĩa của những lời nói này là: Sở dĩ nhân dân đói khổ là vì sưu thuế cống nạp mà bọn thống trị ăn sống nuốt tươi quá nhiều, do đó đã sa vào cảnh đói khổ. Lệnh cấm của quốc gia càng nhiều, nhân dân sẽ càng sa vào cảnh bần khổ. Triều chính hủ bại thối

nát, tất nhiên sẽ tạo thành cảnh tượng ruộng đất nông nghiệp rất hoang vu, kho tàng rất trống rỗng; thế mà bọn thống trị vẫn mặc gấm lụa thân đeo kiếm báu sắc nhọn, ăn no những thức ăn ngon lành quý hiếm, chiếm hữu những tài sản của cải giàu có. Đây được gọi là đầu sỏ của bọn cường đạo. Đó là điều vô đạo biết bao! Nhân dân sợ hãi không tiếc thân mạng hiểm liều chết, chính vì bọn thống trị tham cầu cuộc sống phong phú xa xỉ mà bóc lột của cải của dân chúng bức bách dân chúng liều chết mạo hiểm chống lại bọn chúng. Nhắm thẳng vào tình trạng này, Lão Tử đã lên tiếng hô hào của chính nghĩa, rồi thủ tiêu chế độ tội ác của “Nhân chi đạo” dùng chế độ công bằng của “Thiên chi đạo” để thay thế, làm tổn hại bọn có thừa để bổ sung những người thiếu thốn. Ai có thể lấy cái thừa ra để phụng thờ thiên hạ? Duy chỉ những người có “Đạo”? Ai có thể đem tiền bạc của cải dư thừa lấy ra cung cấp cho mọi người dân trong thiên hạ? Điều này chỉ có những người có “Đạo” mới có thể làm được. Hai câu nói này của Lão Tử đã có ảnh hưởng sâu xa đối với nhân dân lao động hậu thế. Các vị lãnh tụ của nông dân khởi nghĩa đời sau không ai không sử dụng những hình thức khác nhau, dùng câu nói “thế Thiên hành Đạo, kiếp Phú tế Bần” làm lời kêu gọi. Số lãnh tụ nông dân khởi nghĩa này chính là “Hữu Đạo giả” (người có Đạo) mà Lão Tử gửi gắm hi vọng.

Ba là giản chính. Bọn thống trị tiến hành bóc lột tàn khốc đối với nhân dân, tạo thành sự phá sản và bần khốn cho nhân dân, đến nỗi đã gây ra một xã hội bệnh hoạn “trộm cướp đầy rẫy”. Để đối phó với “Đa Đạo” (nhiều kẻ cướp), bọn thống trị không thể không mượn sự hỗ trợ của hình phạt pháp luật. Lão Tử cho rằng bọn thống trị thi hành hình phạt, không những không thể giải quyết vấn đề, ngược lại sẽ dẫn đến tai họa lớn. Ông nói: “Thiên hạ đa kị huy (nhiều lệnh cấm), nhi dân di bần;... Pháp lệnh tư chương, đạo tắc đa hữu”. Bọn thống trị chỉ có thể “Vi vô vi, sự vô sự”, mới có thể xóa bỏ được hiện tượng “Đa Đạo”. “Vi vô vi” chính là nói theo đạo trời tự nhiên, thực hành nền thống trị “Vô vi” thì thiên hạ không đâu không cai trị được; “Sự vô sự” chính là dùng vô sự để cai trị thiên hạ, là không thực hành pháp lệnh luật hình hoặc chính quyền phức tạp phiền hà, không tăng thêm sự quấy

nhiều dân chúng để cho dân chúng ai nấy đều được sống yên ổn, ai nấy đều được vui vẻ với công việc của mình, để nuôi dưỡng sinh con đẻ cái; làm như vậy thì sẽ không thể nhiều bọn cướp được. “Trị đại quốc như phanh tiểu tiên” là một ví dụ sinh động trong chủ trương giản chính của Lão Tử. Đạo lý cai trị nước lớn giống như ninh nấu con cá nhỏ vậy, không thể lật lên lật xuống nhiều, lật lên lật xuống nhiều sẽ làm cho con cá nhỏ tan nát. Với Lão Tử mà nói, chính giản tức là an dân, thiên hạ sẽ thái bình. Lão Tử cảnh cáo bọn thống trị, không thể thực hành pháp lệnh luật lệ phiền phức hà khắc khiến cho nhân dân bị bức bách không có cách gì sống nổi. Ông nói: “Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi?”- Nhân dân không sợ chết, dùng cái chết để hù dọa họ là điều chẳng có ích lợi gì. Ông lại nói: “Dân bất úy uy, tắc đại uy chí” - Hễ một khi đã tới lúc nhân dân không sợ uy lực của bọn thống trị nữa, thế thì sự việc đáng sợ nhất là phản kháng bọn thống trị sắp sửa phát sinh.

Bốn là phản chiến. Trong 81 chương của “Đạo Đức Kinh”, có tới 6 chương chuyên bàn về binh sự, có 2 chương bàn bạc đề cập tới binh sự, tư tưởng chủ đạo là phản đối chiến tranh xâm lược bất nghĩa, thế nhưng không phản đối chiến tranh tự vệ. Lão Tử cho rằng, chiến tranh là thứ không thể tốt lành, là thứ cần phải giết người, cho nên người có “Đạo” không làm. Ca ngợi chiến tranh chính là thích giết người. Những kẻ thích giết người thì không thể giành được thiên hạ. Từ Lão Tử mà nhìn, thiên hạ vô đạo, thì chinh chiến không ngừng. Nguyên nhân căn bản của chiến tranh, đó là sự ham muốn và dã tâm của bọn thống trị. Vì vậy ông nói, tai họa không gì lớn hơn là sự bất tri túc, tội ác không gì lớn hơn sự tham lam không biết chán. Lão Tử cực kỳ phản nộ, nói: chiến tranh xâm lược là bất đạo, những kẻ bất đạo sẽ chết sớm. Thế nhưng nước thù địch đem quân xâm lược, Lão Tử cũng chủ trương phải đánh trả. Ông nói, đối với chiến tranh ta không dám giành thế công đi xâm lược nước khác; mà chỉ giành lấy thủ, bảo vệ quốc gia của mình. Ông lại nói: những người dùng “Đạo” phò tá nhà vua, không dựa vào binh lực để cưỡng bức thiên hạ, dùng binh lực tác chiến chỉ mong cầu đạt được mục đích bảo vệ quốc gia là được. Lão Tử tin tưởng rằng kết

quả của chiến tranh, từ giả tất thắng, ai giả tất thắng. Từ giả là những tướng sĩ yêu nước yêu dân; ai giả là những tướng sĩ vì đất nước bị xâm lược mà cảm thấy đau buồn. Khi những tướng sĩ như vậy tác chiến thì sẽ không tiếc hi sinh, sẽ dũng cảm phấn chấn chiến đấu, cho nên sẽ tất thắng.

5. LÝ TƯỞNG XÃ HỘI

Căn cứ vào chủ trương chính trị của mình Lão Tử đã suy nghĩ xây dựng nên một quốc gia lý tưởng ở chương thứ tám mươi của “Đạo Đức Kinh”, ông đã tiến hành miêu thuật cụ thể và sinh động đối với quốc gia lý tưởng này như sau:

Tiểu quốc quả dân, sử dân hữu thập bá chi khí phí nhi bất dụng; sử dụng trọng tử nhi bất viễn si; Tuy hữu châu dư, vô số thặng chi; Tuy hữu giáp binh, vô sở trần cho, sử dân phục kết thặng nhi dụng chi, Chí trị chi cực, dân các cam ki phục kết thặng nhi dụng chi, Chi trị chi cực, dân các cam ki thực, mĩ kì phục, an kì cực, lạc kì tục. Lân quốc tương vọng kê chuyển chi thanh tương văn, dân chí Lão Tử, bất tương vãng lai.

Trong đoạn miêu thuật cụ thể sinh động này đã phản ánh một cách trung thực lý tưởng xã hội của Lão Tử. Trên thực tế, cảnh tượng tươi đẹp nước nhỏ dân ít chỉ là một xã hội nông nghiệp tiểu nông được lý tưởng hóa, là sự quay trở lại của Công xã nguyên thủy, nhưng lại không phải là sự quay trở lại đơn giản, mà là sự quay trở lại trên giai đoạn càng cao hơn. Thứ nhất, ở trong Công xã nguyên thủy, tất cả các thành viên người người đều bình đẳng, cùng sản xuất, cùng hưởng thụ, không ai được chiếm hữu nhiều sản phẩm của cải làm của riêng, tuy có thủ lĩnh thị tộc quản lý công việc của công xã, nhưng không có kẻ thống trị, không có Hài Vương. Trong không gian lý tưởng của Lão Tử, đây là quốc gia có kẻ thống trị, chỉ có nước nhỏ ít, kẻ thống trị noi theo đạo trời tự nhiên, thực hành nền cai trị “Vô vi”, khiến cho công cụ sản xuất nông nghiệp ở trong tay nhân dân (thập bá chi khí) được dùng vào lao động sản xuất, không bị quốc gia trưng dụng không cướp đoạt thời vụ nhà nông, mệnh lệnh hành chính không rườm rà, khiến nhân dân yêu quý nuôi dưỡng cuộc đời, không cần phải dấn thân liều mình di chuyển tới nơi xa để mưu sống. Thứ hai, ở trong Công xã nguyên thủy

không có thuyền xe, không có binh lính mặc giáp sắt. Ở trong đất nước lý tưởng của Lão Tử lại có thuyền xe, chỉ là thuyền xe không có người ngồi; Lại có binh lính mặc áo giáp sắt, chỉ là không có nơi bày đặt áo giáp và binh khí để đi đánh trận. Cũng chính là nói, giữa nước này với nước khác không có chiến tranh. Thứ ba, trong Công xã nguyên thủy, trình độ của sức sản xuất rất thấp, nhân dân chỉ có thể được ăn no bụng đã được coi là tốt lắm rồi, đâu còn dám bàn đến có được sự hưởng thụ nào khác? Trong quốc gia lý tưởng của Lão Tử, nhân dân lại có thể được ăn những thức ăn ngon ngọt, được mặc những quần áo đẹp lộng lẫy, có nhà ở yên ổn thoải mái, có phong tục tập quán vui vẻ sung sướng. Đối với việc “Sử dân phục kết thẳng nhi dụng chỉ”, cũng không thể đơn giản cho rằng đó là lùi trở về phụ cổ, mà là ý đồ của Lão Tử dùng sức thuần hậu chất phác của công nhân để thay thế sự xảo trá gian dối của con người đương thời. “Lân quốc tương vọng kê khuyến chi thanh tương văn, dân chí Lão Tử, bất tương vãng lai”, chính là sự phản ánh tính chất phổ biến của nền kinh tế tiểu nông ở nông thôn lúc đó, trên mặt kinh tế thì tự cấp tự túc, trên mặt chính trị thì “Vô vi” nhi trị, không có sự “Hữu vi” của kẻ thống trị, nhân dân sống cuộc sống tự túc tự trị, bình đẳng, đầm ấm, yên ổn tĩnh mịch. Từ đó có thể nhìn thấy, quốc gia lý tưởng của Lão Tử, là một xã hội ở giai đoạn cao hơn hẳn so với Công xã nguyên thủy. Lý tưởng xã hội này của Lão Tử, là một xã hội căn bản không thể thực hiện được, sự cấu tưởng đối với quốc gia lý tưởng của ông, chẳng qua chỉ là ước mơ theo kiểu utopia² mà thôi.

Sự sản sinh ra lý tưởng xã hội của Lão Tử chính là do những nguyên nhân lịch sử xã hội sâu sắc. Lão tử sống ở cuối thời kỳ Xuân Thu, tình trạng xã hội lúc đó là chế độ nô lệ đang chuyển biến thành Chế độ phong kiến, về phương diện kinh tế, kỹ thuật luyện kim phát đạt, đồ sắt đã được sử dụng rộng rãi, sức sản xuất nông nghiệp đã được nâng cao ở mức tương đối, đã xuất hiện nền nông nghiệp tự canh tương đối lớn; về phương diện chính trị,

Thiên tử nhà Chu sớm đã mất đi năng lực thống trị thiên hạ, các nước chư hầu xâm chiếm cướp đoạt lẫn nhau, đặc biệt là các nước chư hầu lớn. Để thực hiện mục tiêu đất rộng dân đông họ tiến hành cuộc chiến tranh thôn

tính lẫn nhau, gây cho nhân dân tổn thất sâu sắc nặng nề. Để truy cầu cuộc sống xa xỉ, họ đã tranh đoạt của cải vật chất, bòn rút thành quả lao động của nhân dân; sử dụng những thủ đoạn xảo trá quỷ quyệt để thực hành thống trị đối với nhân dân, dẫn đến sự bất mãn và phản kháng của nhân dân, nhưng lại nói là nhân dân khó trị v.v... Sự tồn tại hàng loạt những vấn đề hiện thực xã hội này, nên giải quyết như thế nào? Xã hội lý tưởng mà Lão Tử đề ra là nền kinh tế tiểu nông đã được phản ánh trong tư tưởng Lão Tử, đã diễn đạt được nguyện vọng giản dị chất phác của nông dân trong thời kỳ chế độ nô lệ chuyển biến sang chế độ phong kiến, vậy nên lý tưởng xã hội của Lão Tử đã có ý nghĩa rất tiến bộ.

TÁC PHẨM
“ĐẠO ĐỨC KINH”

CHƯƠNG MỘT

ĐỀ GIẢI

“Đạo” là một danh từ triết học, là từ mà Lão Tử đề xuất ra đầu tiên. Tư tưởng trung tâm của triết học Lão Tử là từ là “Đạo”, hàm nghĩa của nó là: Một, “Đạo” là một thứ mang tính vật chất, là nguyên tố cấu thành vạn vật trong vũ trụ. Hai, “Đạo” là thứ luôn luôn vận động biến hóa, mà sự vận động biến hóa đó đều có tính chất quy luật, mọi sự vận động của thiên nhiên, xã hội loài người và tư duy, không có thứ gì không tuân theo quy luật của “Đạo”. Ý nghĩa của chương này nói: “Đạo” là thứ không thể dùng ngôn ngữ để nói ra được, thế nhưng vạn vật trong thiên hạ lại đều do “Đạo” sản sinh ra. Sự sâu xa kỳ diệu của “Đạo” cần phải bắt đầu tăng cường quan sát từ “Vô” và “Hữu” (không mà có).

* Để giải là lời giải thích, lời giới thiệu.

NGUYÊN VĂN

Đạo khả Đạo, phi thường Đạo; Danh khả Danh, phi thường Danh(2)

Vô, Danh thiên địa chi thủy; Hữu, Danh vạn vật chi mẫu(3)

Cổ thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu; thường hữu dục dĩ quan kì khiêu(4)

Thử lưỡng giả, đồng xuất như dị danh(s), đồng vị chi huyền(6). Huyền chi hữu huyền, chúng diệu chi môn (7)

Chú giải:

(1) Chữ “Đạo” thứ nhất và chữ “Đạo” thứ ba, là danh từ chuyên hữu trong triết học Lão Tử. Chữ “Đạo” thứ hai là động từ, là ý nghĩa dùng ngôn ngữ để nói rõ. Các chuyên gia, học giả qua các thời kỳ lịch sử đã có các dạng giải thích và nêu ý nghĩa đối với "Đạo", một khái niệm triết học của Lão Tử; thế nhưng từ ý nghĩa của "Đạo" được miêu thuật trong sách Lão Tử mà xét, trên đại thể có hai phương diện, một phương diện chỉ bản thể của vũ trụ, cũng chính là thực thể của thế giới vật chất, là nguyên tố cấu thành vạn vật trong vũ trụ; một phương diện khác là chỉ quy luật phổ biến chi phối sự vận động biến hóa của thế giới vật chất hoặc sự vật hiện thực. Bởi không có vật chất nào không vận động cũng không có sự vận động nào không có vật

chất. Hai phương diện này vừa là thứ không thể tách rời, lại là thứ có thể phân biệt được.

(2) Chữ “Danh” thứ nhất và chữ “Danh” thứ ba là danh từ đặc hữu trong sách của Lão Tử, dùng để gọi để nói về "Đạo". Mỗi quan hệ giữa "Danh" và "Đạo", cũng chính là mối quan hệ giữa “Danh” và “Thực”, cũng chính là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại. Với Lão Tử mà xét, tư duy là sự phản ánh của tồn tại. Chữ “Danh” thứ hai được sử dụng làm động từ, chính là dùng ngôn ngữ để biểu đạt ý tứ.

(3) Lão Tử cho rằng, bản thân của "Đạo" bao gồm hai phương diện "Vô" và "Hữu". "Vô" là tên gọi lúc trời đất còn hỗn mang u u minh minh; "Hữu" là tên gọi nguồn gốc sản sinh ra vạn vật.

(4) Diệu: là sâu xa kỳ ảo, Khiếu: Vốn chỉ ý nghĩa của viên giới, ở đây mượn nghĩa bóng chuyển hóa thành mở đầu.

(5) Thử lưỡng giả: chỉ "Vô" và "Hữu". Đồng xuất: chỉ cùng xuất ra từ "Đạo".

(6) Huyền: xa xôi mờ ảo, có nghĩa là không thể đoán biết được.

(7) Chúng diệu chi môn: Cánh cửa chung do vạn vật vận động biến hóa ra, tức là nói về "Đạo".

Dịch văn:

“Đạo” có thể dùng ngôn ngữ để nói rõ, thì không phải là thường "Đạo"; "Danh" có thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt miêu thuật, thì không phải là thường "Danh".

"Vô" là tên gọi từ lúc trời đất còn u minh hỗn mang chưa khai phá; "Hữu" là tên gọi nguồn gốc sản sinh ra vạn vật.

Cho nên, cần phải thường xuyên quan sát để lĩnh hội giác ngộ sự ảo diệu của "Đạo" từ trong "Vô"; cần phải thường xuyên quan sát để lĩnh hội giác ngộ được đầu mối của "Đạo" từ trong "Hữu".

Hai thứ "Vô" và "Hữu" này đều là thứ cùng xuất ra từ một nguồn gốc, nhưng không cùng tên gọi, đều có thể nói là có hàm nghĩa sâu xa. "Vô" và

"Hữu" có hàm nghĩa sâu xa mà lại càng sâu xa hơn, bởi đó là cánh thư ở chung của mọi sự ảo diệu trong vạn vật trời đất.

CHƯƠNG HAI

ĐỀ GIẢI

Nửa phần trước của chương này nhấn mạnh sự thật về tư tưởng biện chứng pháp, chỉ ra tất cả mọi sự vật đều có mặt đối lập, và nếu mất đi một phía của mặt đối lập thì phía bên kia cũng sẽ không thể tồn tại được. Lão Tử đã dùng mối quan hệ tương hỗ của đẹp với xấu, thiện với ác, không với có, khó với dễ, dài với ngắn, cao với thấp, âm với thanh, trước với sau để nói rõ, mọi sự vật đều có sự đối lập với nhau, lại đều dựa vào nhau để tồn tại, trong mối quan hệ trái ngược đã thể hiện rõ tác dụng tạo thành lẫn cho nhau.

Nửa phần sau của chương này, Lão Tử đã đề xuất ra quan điểm “Vô vi”, là vận dụng tư tưởng biện chứng pháp để chỉ đạo đời sống xã hội. “Vô vi” của ông thực ra không phải là không làm nên công trạng gì, mà là thuận ứng theo tự nhiên, tuân theo quy luật phát triển của sự vật mà làm nên công trạng, mà lại không chủ quan ý vào sức mạnh làm càn làm bậy để rồi tự cậy mình có công lao. “Thánh nhân” mà ông nói, là chỉ những nhân vật lí tưởng có trí tuệ, hiểu biết được quy luật tự nhiên, có phẩm cách cao thượng. Có khi cũng chỉ cả những kẻ thống trị lý tưởng nữa.

NGUYÊN VĂN

Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ở hì(); giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện hĩ.

Hữu vô tương sinh(2), nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương doanh, âm thanh tương hòa(3), tiền hậu tương tùy, hằng dã.

Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự(4), hành bất ngôn chi giáo, vận vật tác nhi phát thủy, sinh nhi phát hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi phát cư. Phu duy phát cư, thị dĩ bất khứ.

Chú giải:

(1) Ổ: Chỉ cái xấu xí.

(2) Hữu vô: Chỉ sự tồn tại và không tồn tại của sự vật hiện thực, hàm nghĩa khác hẳn với “Vô” và “Hữu” cùng phát ra bởi “Đạo” ở chương trên.

(3) Âm thanh: cách dùng của cổ nhân, phát âm đơn giản thì gọi là “Thanh”; tổ hợp của thanh trở thành tiết tấu âm nhạc, được gọi là “Âm”.

(4) Thánh nhân: Chỉ những nhân vật lí tưởng có trí tuệ, hiểu được quy luật tự nhiên, có phẩm cách cao thượng có khi cũng chỉ cả những người thống trị lí tưởng.

Vô vi: Thuận ứng theo tự nhiên, không dựa vào sức mạnh làm càn, làm bậy.

Dịch văn:

Mọi người trong thiên hạ đều biết cái đẹp, sở dĩ gọi là đẹp, chính là gì có sự tồn tại của cái xấu. Đâu biết điều thiện được gọi là thiện, chính bởi vì có sự tồn tại của cái ác.

Có và không có đối lập lẫn nhau mà sinh ra, khó và dễ đối lập lẫn nhau mà hình thành, dài và ngắn đối lập lẫn nhau mà thể hiện, cao và thấp đối lập lẫn nhau mà tồn tại, âm và thanh đối lập lẫn nhau mà hài hòa, trước và sau đối lập lẫn nhau mà xuất hiện, đó là lẽ vĩnh hằng.

Cho nên “Thánh nhân” dùng thái độ “vô vi” để xử lý việc đời, thực hành sự dạy dỗ “bất ngôn”; cứ để mặc cho vạn vật sinh trưởng mà không tăng thêm sự can thiệp; sinh dưỡng vạn vật mà không chiếm giữ làm của riêng; dốc hết sức lực vì vạn vật mà không tự cậy mình có năng lực; công thành mà không tự cho mình là có công lao. Chính bởi vì ngài không tự cho mình là có công lao, cho nên công tích của ngài không thể mất đi được.

CHƯƠNG BA

ĐỀ GIẢI

Ở thời đại của Lão Tử sống để duy trì sự thống trị của mình, bọn thống trị đã tỏ ra là luôn chào đón những người hiền tài, lưu hành cái gọi là chủ trương tôn sùng người hiền, dẫn tới sự nảy sinh ra những dã tâm cạnh tranh giành quyền vị. Những người tranh giành quyền vị lại đều là những kẻ không từ một thủ đoạn nào để tham lam mưu đồ của cải tiền bạc. Đây cũng là những nguyên nhân quan trọng làm trộm cướp nổi lên, lòng dân rối loạn. Nhằm thẳng vào tình hình, trong chương này Lão Tử đã nêu ra chủ trương không tôn sùng người hiền tài, và đã phê phán cái tai hại của vật dục.

NGUYÊN VĂN

Bất thượng hiền(1), sử dân bất tranh(2)

Bất quý nam đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo.

Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn.

Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kì tâm (3), thực kì phúc, nhượng kì chí), cường kì cốt.

Thường sử dân vô tri vô dục(); Sử phu trí giả bất cảm vi dã(6)

Vi vô vị(7), tắc vô bất trị.

Chú giải:

(1) Thượng hiền: Ca ngợi, tâng bốc người hiền tài.

Bất thượng hiền: Không tôn sùng người hiền tài, tức là không cho những người mà mình tự ca ngợi nhất là hiền tài được hưởng quan cao lộc hậu.

(2) Bất tranh: Không tranh đoạt quyền vị, công danh và lợi lộc.

(3) Hư kì tâm: Làm trong sạch hóa tâm tư của dân chúng không có tham dục.

(4) Nhượng kì chí: Làm suy yếu lý trí tranh giành danh lợi của nhân dân, không sinh ra trái tim cơ trí xảo trá.

(5) Vô tri vô dục: Không có lòng dạ tâm trí gian xảo, không có dục vọng tranh đoạt của cải vật chất.

(6) Trí giả bất cảm vi: Những người cơ trí xảo trá, không dám làm điều xằng bậy ngông cuồng.

(7) Vi vô vi: Dùng phương thức “vô vi” để cai trị thiên hạ, cũng tức là dùng thái độ thuận ứng với tự nhiên để xử lý công việc chính trị.

Dịch văn:

Không ca ngợi, tôn sùng người hiền tài, nhân dân sẽ tránh được việc tranh quyền đoạt lợi.

Không quý trọng những của cải khó giành được, nhân dân sẽ tránh được việc sinh ra lòng tham để đi làm kẻ cướp.

Không khoe khoang, phô trương những tiền bạc, của cải có thể dẫn tới lòng ham muốn, sẽ làm cho tâm tư của nhân dân trong sạch, tránh được việc muốn đi làm loạn.

Cho nên thánh nhân cai trị thiên hạ, cần phải làm trong sạch hóa tâm tư của nhân dân, thỏa mãn được nhu cầu ấm no của nhân dân, tăng cường thể phách tự lực cánh sinh của nhân dân.

Cần phải thường xuyên khiến nhân dân không có tâm hồn trí tuệ làm điều gian dối xảo trá, không có dục vọng tranh cướp của cải, khiến cho những người cơ trí xảo trá không dám làm càn làm bậy.

Dùng phương thức “vô vi” để cai trị công việc chính quyền, thì không có thiên hạ nào không được thái bình.

CHƯƠNG BỐN

ĐỀ GIẢI

Trong chương này luận thuật “Đạo” là một thể hư không, không có hình chẳng có bóng, nhìn mà không thấy, không thể cảm xúc, mà chỉ có thể cảm biết. “Đạo” của thể hư không thực ra không phải là không tồn tại bất kỳ một thứ gì, mà là tiềm tàng những hạt nhân sáng tạo phong phú vô hạn. Vì vậy tác dụng của “Đạo” là vô cùng vô tận. Chính là “Đạo” của thể hư không này, chẳng những là nguồn gốc sản sinh ra vạn vật, mà còn lại thứ đã tồn tại trước khi sản sinh ra Thượng Đế. Rõ ràng là Lão Tử đã định Thuyết Thần sáng tạo ra trời đất vạn vật.

NGUYỄN VĂN

Đạo xung(1), nhi dụng chi hoặc bất doanh(2)

Uyên hê, tự vạn vật chi tông

Tỏa kì nhuệ, giải kì phân

Hòa kì quang đồng kì trần;

Trạm hế(3), tự hoặc tồn.

Ngô bất tri thù tri tử, tượng Đế chi tiên (4)

Chú giải:

(1) Đạo xung: Chữ cổ chỉ nhà chung, ý nghĩa là hư không.

(2) “Thuyết văn”: “Chung khí hư dã” (chung là đồ dùng trống rỗng, chỉ cái chén thời cổ).

(3) Bất doanh: Là không đầy, không cùng.

(4) Trạm: Là chìm, sâu, hình dung sự tàng ẩn và vô hình của “Đạo”, nhưng lại đích thực tồn tại.

(5) Tượng Đế chi tiên: Tựa hồ như trước khi xuất hiện Thiên Đế đã có “Đạo” rồi. “Tượng” là giống như, “Đế” là Thiên Đế, Thượng Đế.

Dịch văn:

“Đạo” là thể hư không không thể nhìn thấy được, thể nhưng tác dụng lại vô cùng vô tận.

Đắm vực sâu đến như vậy, hình như nó là tổ tiên chính của vạn vật.

Nó không để lộ ra tài năng mà thoát được sự rối bời.

Hàm súc chói lọi mà hòa hợp cùng bụi trần.

“Đạo” sâu sắc, thâm trầm đến như vậy mà vô hình vô vọng, nhưng lại tựa như mất mát mà thực sự vẫn còn.

Không biết “Đạo” từ đâu sinh ra, tựa hồ như trước khi Thiên Đế xuất hiện đã có “Đạo” rồi.

CHƯƠNG NĂM

ĐỀ GIẢI

Ý nghĩa của chương này bao gồm hai phương diện, một mặt đã biểu hiện tư tưởng vô thần luận của Lão Tử, phủ định việc nhân cách hóa trời đất. Với con mắt nhìn của Lão Tử, trời đất là sự tồn tại của tự nhiên, thực ra không có tình cảm yêu ghét giống như con người, càng không phải là chúa tể của vạn vật, vì vạn vật tuân theo quy luật vận hành của thiên nhiên mà phát triển ở trong trời đất. Một mặt khác, chương này đã biểu hiện tư tưởng chính trị “vô vi” của Lão Tử. Lão Tử dùng tình huống sinh trưởng tự nhiên của vạn vật trong trời đất, nói rõ “Thánh nhân” là người thống trị lý tưởng đã bắt chước theo cách của tự nhiên, cai trị theo kiểu “vô vi” để mặc cho dân chúng tự làm việc tự sinh sôi, không tham gia can thiệp, khiến cho cá tính của con người giành được sự phát triển đầy đủ.

NGUYÊN VĂN

Thiên địa bất nhân(1), dĩ vạn vật vi sở cữu (2)

Thánh nhân bất nhân(3), dĩ bách tính vi sở cữu.

Thiên địa chi gian, kì do thác thục hĩ(4)

Hư nhi bất khuất(s), động nhi dù xuất

Đa ngôn sở cùng(6), bất như thủ trung

Chú giải:

(1) Thiên địa bất nhân: Trời đất không phải là vị thần có nhân cách, không có ý chí, không có tấm lòng nhân ái.

(2) Sở cữu: Thời cổ đại khi tế thần đã dùng con chó bện thành bằng cỏ.

(3) Thánh nhân bất nhân: Thánh nhân bắt chước theo phép tắc của trời đất, không tồn giữ trái tim nhân ái, không can thiệp vào sự việc của bản thân dân chúng để cho họ tự làm ăn tự sinh sống, được tự do phát triển cá tính.

(4) Thác thục: Ống bễ, ống thổi thời cổ.

(5) Bất khuất: Không chết.

(6) Đa ngôn số cùng: mệnh lệnh hành chính càng phức tạp càng nhiều thì hành càng không thông thất bại càng nhanh. “Ngôn” chỉ về chính lệnh, “số” thông suốt nhanh chóng.

(7) Thủ trung: Tức là thủ xung, có ý nghĩa giữ gìn sự thương không tổn mịch.

Dịch văn:

Thiên địa là thứ không có lòng nhân ái, cứ để mặc cho vạn vật tự sinh tự diệt.

Thánh nhân là người không có lòng nhân ái, cứ để mặc cho dân chúng tự làm ăn tự sinh sống.

Trong trời đất, há chẳng giống như cái ống bễ hay sao?

Tuy hư không nhưng lại không thể cùng kiệt, cứ phát động lên thì sẽ sinh sôi đời đời.

Chính lệnh càng nhiều càng phức tạp thì thi hành lại càng không thông suốt, chẳng bằng cứ giữ lấy sự hư không tĩnh lặng.

CHƯƠNG SÁU

ĐỀ GIẢI

Chương này nói rõ đặc trưng của “Đạo”. Dùng “Cốc” (khe núi) tượng trưng cho “Đạo”, vừa là thứ hư không lại vừa là thứ không thực tại. Dùng “Thần” ví với “Đạo” sinh ra vạn vật kéo dài không ngừng nghỉ. Nói rõ “Đạo” là cội nguồn sinh ra vạn vật, cội nguồn đây gọi là “huyền tần chi môn”, lại gọi là “Thiên địa can”; Tác dụng của “Đạo” là vô cùng vô tận, sinh ra và nuôi dưỡng vạn vật, đời này qua đời khác không ngừng không nghỉ.

NGUYỄN VĂN

Cốc thần bất tử, thị vị huyền tần (2)

Huyền tần chi môn, thị vị Thiên căn.

Miên miên nhược tồn(3), dụng chi bất cần(4)

Chú giải:

(1) Cốc thần bất tử: “Cốc” Là cái khe trong khe núi, tức là ở chốn hư không, chỉ về “Đạo” để mà nói. “Thần” là sự biến hóa khó lường được. “Bất tử” là không ngừng nghỉ, vĩnh hằng.

(2) Huyền tần: “Tần” là cơ quan sinh dục giống cái của mọi động vật. “Huyền tần” tượng trưng cho cơ quan sinh dục sản sinh ra vạn vật sâu xa huyền diệu, nhìn mà không thấy.

(3) Miên miên nhược tồn: Liên miên không ngắt, tồn tại mãi mãi.

(4) Bất cần: Bất tận không kiệt.

Dịch văn:

Sự biến hóa của “Đạo” vĩnh viễn không ngừng không nghỉ, điều này “Huyền tần”.

Cánh cửa của “Huyền tần” được gọi là gốc rễ của trời đất.

“Đạo” vĩnh viễn tồn tại liên miên không ngừng không nghỉ, tác dụng của “Đạo” là vô cùng vô tận.

CHƯƠNG BẢY

ĐỀ GIẢI

Chương này Lão Tử mượn dùng “Thiên Đạo” quan để luận thuật “Nhân Đạo”, đã biểu hiện rõ tinh thần khiêm tốn người trước mình sau của ông. Lão Tử cho rằng “Thánh nhân” không suy nghĩ từ lòng tự tư, đặt bản thân mình ở đằng sau mọi người, lẽ dĩ nhiên sẽ giành được sự ủng hộ của mọi người, mọi người sẽ sung sướng với việc tôn sùng ông là người lãnh đạo. Không đếm xỉa gì đến bản thân, trái lại sẽ bảo toàn được bản thân. Tinh thần khiêm tốn người trước mình sau của Lão Tử, rất có ý nghĩa gợi mở đối với mọi người. Cái ông không nhìn thấy từ xưa đến nay, những người thân ngồi trên ghế quan cao, trong tay nắm giữ quyền binh, bất cứ việc gì cũng đều dành chiếm phần trước, luôn luôn có ý muốn riêng tư mở rộng phát triển cho mình, không để ý gì đến lợi ích của nhân dân, cuối cùng chẳng phải đều bị nhân dân vứt bỏ, rơi vào kết thúc thân bại danh liệt đó sao?

NGUYỄN VĂN

Thiên trường địa cửu

Thiên địa sở dĩ năng trường cửu giả, dĩ kì bất tự sinh(1), cố năng trường sinh (2)

Thị dĩ thánh nhân hậu kì thân nhi thân tiên (3), ngoại kì thân nhi thân tồn.

Phi dĩ kì vô tư dã? Cố năng thành kì tứ (4).

Chú giải:

(1) Dĩ kì bất tự sinh: Chỉ sự sinh tồn của trời đất không vì bản thân mình.

(2) Trường sinh: Sinh tồn lâu dài.

(3) Hậu kỳ thân nhi thân tiên: Đặt thân mình ở phía sau mọi người, ngược lại sẽ nhận được sự ủng hộ của mọi người, sẽ được tôn sùng làm người lãnh đạo.

(4) Thành kì tư: Thành tựu sự nghiệp của mình.

Dịch văn:

Trời đất lâu dài mãi mãi!

Sở dĩ trời đất có thể lâu dài mãi mãi, bởi vì trời đất không sinh tồn vì bản thân mình, cho nên có thể sinh tồn được mãi mãi.

Sở dĩ Thánh nhân đặt mình ở phía sau mọi người, cho nên có thể dành được sự ủng hộ của dân chúng, được dân chúng tôn sùng làm người lãnh đạo.

Không đếm xỉa đến bản thân mình, Ngược lại sinh mạng được bảo toàn.

Chẳng phải người đó không tự tư hay sao? Trái lại, người đó đã có thể thành tựu được sự nghiệp của mình.

CHƯƠNG TÁM

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử dùng nước để làm ví dụ, đã biểu hiện rõ thái độ nhân sinh xử thế không tranh giành của ông. Lão Tử cho rằng phẩm cách của con người thiện nhất (cũng chính là Thánh nhân) giống như nước, không những làm những việc có lợi cho dân chúng mà không tranh giành, hơn thế họ còn bằng lòng tới cư trú ở những nơi mà mọi người không muốn tới. Ngôn luận, hành vi của những người thiện nhất đều tiếp cận với đạo, cho nên họ không mắc phải sai lầm.

NGUYÊN VĂN

Thượng thiện nhược thủy(1).

Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân cho sở ố, cố cơ ư Đạo (2)

Cư thiên địa, tâm thiên uyên(3), dữ thiện nhân (4) ngôn thiện tín, chính thiện trị”), sự thiện năng động thiên thời(6)

Phu duy bất tranh, cố vô vũu (?)

Chú giải:

(1) Thượng thiện nhược thủy: Những người thiện nhất, phẩm cách giống như nước. “Thượng” là nhất, rất.

(2) Cơ ư Đạo: Tiếp cận với “Đạo”. “Cơ” là tiếp cận.

(3) Uyên: Thâm trầm, trầm tĩnh.

(4) Dữ thiện nhân: Kết giao với những người có tấm lòng tốt. “Nhân” là nhân từ, thời cổ chữ “Nhân” là nhân từ dùng lẫn “Nhân” là người.

(5) Chính thiện trị: Thực hiện nền chính trị lương thiện để trị quốc.

(6) Động thiên thời: Hành động giỏi với việc nắm vững thời cơ.

(7) Vũu: Sai lầm, lầm lỗi, tội lỗi.

Dịch văn:

Người tài giỏi nhất giống hệt như nước vậy.

Nước giỏi việc nuôi dưỡng vạn vật nhưng lại không tranh giành với vạn vật, dừng lại ở những nơi thấp trũng mà mọi người đều không thích, cho nên nước rất gần với “Đạo”.

Những người tài giỏi nhất cư trú yên ổn ở vị trí thấp hèn, giữ lòng trầm tĩnh mà sâu xa khó lường kết giao với người thì hữu ái vô tư, nói năng thì chân thành giữ chữ tín, làm việc chính trị thì có thể cai trị tốt đất nước, xử lý công việc chỉ có thể phát huy hết những ưu điểm của mình, hành động thì có thể nắm chắc được thời cơ.

Hành vi việc làm của người tài giỏi nhất chính vì không tranh giành với ai, cho nên không mắc phải lầm lỗi.

CHƯƠNG CHÍN

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, đã biểu hiện rõ thái độ đối với thế sự, đối với cuộc sống của Lão Tử. Lão Tử tự cho rằng bất luận làm việc gì, đều không thể quá độ, mà cần thích hợp vừa phải. Tài năng hoàn toàn phơi bày ra, giàu sang mà kiêu ngạo, quy công lao cho mình để tham quyền cố vị, đều là những biểu hiện quá độ, khó tránh khỏi tai họa. Công thành rồi nên lùi thân trở về, đó là việc làm phù hợp với “Đạo trời”.

NGUYÊN VĂN

Trì nhi doanh chi(1), bất như kì di(2), Soải nhi nhuệ chi(3), bất khả trường bảo. Kim ngọc mãn đường mạc chi năng thủ Phú quý nhi kiêu, tự đi kì cữu. Công thành thân thoái), thiên chi đạo di() **Chú giải:**

(1) Trì nhi doanh chi: Năm giữ tràn đầy. Trì: là tay cầm, tay nắm, tay ôm.

(2) Dĩ: Dừng lại.

(3) Soải như nhuệ chi: Đem đồ sắt ra mài vừa sắc lại vừa nhọn.

(4) Công thành thân thoái: Công danh đã thành tựu rồi bản thân không nên cứ ngồi ở vị trí ấy mãi, nên thức thời mà lui về. “Thân thoái” không phải là đem thân lui về ở ẩn trong rừng núi mà là không cậy có công lao để tham quyền cố vị.

(5) Thiên chi đạo: Chỉ quy luật tự nhiên.

Dịch văn:

Tay nắm tràn đầy, sao bằng vừa phải.

Tài năng sắc nhọn, khó bảo đảm được lâu bền. Vàng ngọc đầy nhà, ai có thể cất giấu được! Phú quý mà kiêu ngạo sẽ tự chuốc lấy tai họa. Công thành thân thoái là điều phù hợp với quy luật tự nhiên.

CHƯƠNG MƯỜI

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, Lão Tử luận thuật tới tinh thần với hình thể, nỗ lực chủ quan và thực tế khách quan của con người là điều không thể hoàn toàn nhất trí với nhau được. Vì vậy, con người cần phải hiểu được quy luật tự nhiên, noi theo tự nhiên, tăng cường tu dưỡng đạo đức bản thân của mình, mới có thể trị quốc yêu dân được.

NGUYỄN VĂN

Tải doanh phách báo nhất(1), năng vô li hồ? Chuyên khí chí như, năng như anh nhi hồ? Đích trừ huyền giám(3), năng vi tì hồ? Ái dân trị quốc, năng vô vi hồ(4)? Thiên môn khai hạp(s), năng vi thư hồ?(6) Minh bạch tứ đạt (6), năng vô tri hồ?(7) Sinh chi súc chi(8), sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị trưởng nhi bất tể, thị vị huyền đức)

Chú giải:

(1) Tải: Ấy, đó (ngữ khí từ). Doanh phách: Là hồn phách.

(2) Báo nhất: Là hợp nhất.

(3) Chuyên khí: Tập hợp khí. “Chuyên” là kết tụ.

(4) Huyền giám: Nói ví dụ nơi sâu xa của tâm linh sáng sủa trong suốt như gương. “Huyền” hình dung sự sâu sắc linh diệu của lòng người. “Giám” là cái gương soi cũng giống như “giám” là coi giữ xem xét, thời cổ hai chữ “giám” này dùng giống như nhau.

“Ái dân trị quốc, năng vô vi hồ”. Dựa theo chú giải của Vương An Thạch, “ái dân” dùng bất ái ái chi thì hay hơn, “trị quốc” dùng bất trị trị thì hay hơn, “tức là không yêu mà yêu, không trị mà trị”, cho nên viết “Vô vi”.

(5) Thiên môn khai hạp: Lỗ mũi hít thở. “Thiên môn” (cửa trời) có nhiều loại chú giải, ở đây dùng chú giải “lỗ mũi” là hợp lý.

(6) Vi thư: Có nghĩa là giữ yên tĩnh. “Thư” là động vật giống cái, tính thích yên tĩnh, cho nên “vi thư” có nghĩa là giữ yên tĩnh.

(7) Tri: Là tâm trí, tâm cơ.

(8) Súc: Dưỡng dục, nuôi dưỡng sinh sôi.

(9) Huyền đức: Đức tính linh diệu sâu sắc.

Dịch văn:

Tinh thần với hình thể hợp nhất, có thể không phân li chẳng?

Kết tụ tinh thần dẫn đến nhu hòa, có thể giống như đứa trẻ không có lòng tham muốn được chẳng?

Gột sạch những ý niệm phức tạp để đi đâu quan sát tâm linh, có thể không có khuyết điểm nhỏ hay sao?

Yêu dân trị quốc, có thể tự nhiên vô vi được chẳng?

Sự biến hóa đối lập của cảm quan tiếp xúc với giới tự nhiên có thể giữ được sự tĩnh lặng hay không?

Hiểu rõ được tứ đạt liệu có thể không dùng đến tâm cơ được không?

Để cho vạn vật sinh trưởng phồn thịnh, sinh ra nuôi dưỡng vạn vật mà không chiếm giữ làm của riêng, dốc hết sức vì vạn vật mà không tự cậy mình có công, nuôi dưỡng vạn vật lớn lên mà không nắm giữ chi phối chúng, đây chính là “Đức” sâu sắc nhất.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử đã luận thuật về "Hữu" và "Vô", tức là mối quan hệ giữa vật thực tại với bộ phận hư không. Ông đã dùng chiếc xe, chum vại, phòng nhỏ làm ví dụ để nói rõ, chiếc xe là do những bộ phận như nan hoa và vành trục tạo thành. Những bộ phận này là "Hữu", bộ phận trống rỗng bên trong vành trục là "Vô", không có những cái "Vô" đó thì chiếc xe không thể vận hành được, đương nhiên sẽ không thể phát huy được tác dụng để chở người. Dùng đất nung thành chum vại, nó là "Hữu"; còn bên trong chum vại không có bộ phận trống rỗng, tức là không có cái "Vô" thì không thể có tác dụng đựng vật được. Với căn nhà, nếu không có cái "Vô", tức là bộ phận trống rỗng như cửa, cửa sổ này, mà tất cả đều là cái "Hữu" thực tại như mái nhà, bốn bức tường v.v., thì con người không cách nào bước vào được, ánh sáng và không khí cũng không thông nên con người cũng không thể cư trú được. Cái

"Hữu" ở đây chỉ vật thực có, còn cái "Vô" đã nói ở chương một thì hoàn toàn khác hẳn đối với "Đạo" mà nói.

NGUYÊN VĂN

Tam thập bức cộng nhất cốc(1), dương kì vô (2) hữu xa chi dụng.

Diên điền dĩ vi khí(3), dương kì vô, hữu khí chi dụng. Tạc hộ dụ dĩ vi thất(4), dương kì vô, hữu thất chi dụng.

Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng (5)

Chú giải:

(1) Bức: Que gỗ nối trục xe tới vành xe trong bánh xe, tức là nan hoa.
Cốc: Vành trục bánh xe hình tròn bằng gỗ đặt ở giữa bánh xe, trong đó có lỗ tròn tức là chỗ để cắm trục vào.

(2) Vô: Hư không, chỉ những lỗ tròn của vành trục.

(3) Diên điền: Hòa đất trộn thành bùn, tức là hòa đất trộn thành bùn làm thành chum vại đem nung lên để đựng đồ ăn uống.

(4) Hộ dụ: Cửa sổ

(5) Hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng: Cái "Hữu" cung cấp điều kiện tiện lợi cho con người, cái "Vô" là thứ phát huy tác dụng.

Dịch văn:

Ba mươi chiếc nan hoa của bánh xe ôm xung quanh vỏ ngoài của một chiếc trục xe, có những chiến lỗ tròn ở bên ngoài trục xe, mới có tác dụng của một chiếc xe.

Nhào đất bùn nặn thành đồ đựng chum vại, có bộ phận trống rỗng ở bên trong đồ đựng, mới có tác dụng của chum vại.

Xây dựng nhà ở mở cửa và cửa sổ, có khoảng trống rỗng của cửa và cửa sổ trong bốn bức tường, thì căn nhà mới có tác dụng.

Cho nên cái "Hữu" đã đem lại điều kiện tiện lợi cho con người, cái "Vô" đã phát huy được hiệu quả và tác dụng cho con người.

CHƯƠNG MƯỜI HAI

ĐỀ GIẢI

Chương này Lão Tử đã luận thuật những tệ hại trong đời sống văn hóa vật chất bởi những lòng tham vô đáy, đề xuất ra chủ trương “vì cái bụng chứ không vì con mắt”. Vì cái “bụng”, tức là yêu cầu xây dựng một đời sống nội tại thanh tịnh điểm đạm. Không vì “con mắt”, tức là không được truy cầu cuộc sống tham dục ở bên ngoài. Ở thời đại mà Lão Tử sống, nền sản xuất hàng hóa đã có sự phát triển nhất định, cung cấp điều kiện sinh hoạt văn hóa và vật chất tương đối tốt cho thiểu số nhân vật trong giai cấp thống trị. Vì luôn muốn thỏa mãn những kích thích của cảm quan, bọn chúng đã đắm say trong thanh sắc khuynh mã, không có điều xằng bậy nào mà bọn chúng không làm, nên cuộc sống dâm dật phóng đãng, tâm linh bất an. Với con mắt nhìn của Lão Tử, thì đây không phải là cuộc sống bình thường; mà cuộc sống bình thường phải là: chỉ cần đòi hỏi sự thanh điểm tĩnh đạm trong nội tại, tức là vì “cái bụng”, không yêu cầu sự tham dục vọng ngoại tại, tức là không vì “con mắt”. Ngày nay, tại các quốc gia phương Tây nền văn minh vật chất đã phát đạt tới mức độ cao, nên đời sống của mọi chúng sinh cùng nảy sinh rất nhiều ham muốn chỉ đòi hỏi thỏa mãn và phát tiết mang tính chất động vật, nên tinh thần trống rỗng, tâm linh phóng đãng. Trong tác phẩm của Lão Tử cũng đã miêu tả về những điều chẳng phải rất tương tự đó sao?

NGUYÊN VĂN

Ngũ sắc lệnh nhân mục manh (1), Ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung (2) Ngũ vị lệnh nhân khẩu sảng (3) ; Trì sình điền liệt(4), lệnh nhân tâm phát cuồng (5) Nam đặc chi hóa, lệnh nhân hành phương), Thị dĩ thánh nhân vị phúc bất vị mộc(?), có khử bị thủ thứ 8)

Chú giải:

(1) Ngũ sắc: Chỉ xích, thanh, hoàng, bạch, hắc (đỏ, xanh, vàng trắng đen). Đây chỉ nhiều loại nhiều dạng màu sắc.

(2) Ngũ âm: Chỉ cung thương đốc, chủ, vũ. Đây chỉ nhiều chủng nhiều dạng âm thanh của nhạc khí.

Nhĩ lung: Ý nghĩa là thính giác mất đi sự linh cảm minh mẫn, không phân rõ được ngũ âm.

(3) Ngũ vị: Toan, khổ, cam, tân, hàn (chua, đắng ngọt, cay, mặn). Đây chỉ nhiều loại nhiều dạng thức ăn ngon.

Khẩu sảng: Là bệnh của miệng, ý nghĩa là vị giác sai lạc. Hai chữ “sảng thương” cổ nhân thường dùng liền thành một từ (ốm đau, bệnh tật), ý nghĩa khác hẳn với “sảng khoái”, “thanh sảng” (mát mẻ sảng khoái) thường dùng của con người ngày nay.

Trì sính: Bôn tẩu dọc ngang thường ví với tình dục phóng túng phóng đãng.

Diễn liệt: Đi săn bắt được động vật.

(5) Tâm phát cuồng: Trái tim phóng đãng mà không thể ngăn chặn lại được. “Phát” là chữ thừa.

(6) Hành phương: Thao tác hành động phải chịu sự thương mại. “Phương” là hại, bị thương.

(7) Vị phúc bất vị mục: Chỉ cần ăn no bụng mà sống cuộc đời thanh tịnh điềm đạm (vị phúc), không cầu tình cảm phóng túng với thú vui thanh sắc mà sống cuộc đời dâm dật phóng đãng (bất vị mục).

(8) Khử bi thủ thử: Tức là vứt bỏ “vị mục” mà giữ lấy “vị phúc”.

Dịch văn:

Màu sắc sặc sỡ, khiến cho người ta nhìn thấy hoa mắt rồi bời.

Tiếng âm nhạc ồn ào hỗn loạn, khiến cho thính giác của người ta mất nhạy, mà sinh ra ngễnh ngãng.

Thức ăn ngon và nhiều, khiến cho trong miệng lưỡi của người ta không còn nhận biết được mùi vị của nó;

Phóng túng săn bắn được nhiều động vật khiến cho trái tim của người ta phát điên phát cuồng.

Đồ vật hi hữu hiếm thấy, khiến cho người ta phải ăn cắp hoặc cướp lấy.

Vì vậy, Thánh nhân chỉ cần ăn no bụng mà không tham cầu thú vui của thanh sắc, cho nên đã vứt bỏ thứ sau (vị mục) mà giữ lấy thứ trước (vị phúc).

CHƯƠNG MƯỜI BA

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử đã luận thuật về sự nguy hại của cương chiều nhục nhã đối với bản thân con người, đề xuất ra chủ trương “quý thân”, “yêu thân”. Với cách nhìn của Lão Tử, người được cương chiều nếu coi việc được cương chiều là một vinh hạnh đặc biệt, thì sẽ không muốn để mất đi vinh hạnh đặc biệt đó nên luôn thấp thỏm lo âu sợ sệt trước mặt kẻ đã ban cho mình sự cương chiều ấy, rồi dần lòng chiều theo ý họ. Từ đó, sự tự trọng của nhân cách cũng đã bị tổn hại, vì chịu nhục cũng là làm tổn hại nhân cách của bản thân, cũng chẳng khác gì so với việc cương chiều. Coi việc cương chiều còn nặng hơn sinh mệnh của bản thân, đó cũng là tai họa lớn lao nhất. Chỉ có những người trân trọng nhân cách của mình mới có thể yêu quý và trân trọng nhân cách của mọi người trong thiên hạ, và cũng chỉ có những người như vậy, mới có thể khiến cho mọi người yên tâm phó thác thiên hạ cho họ, để cho họ gánh vác nhiệm vụ quản lý thiên hạ.

NGUYỄN VĂN

Sùng nhục nhược kinh(), quý đại hoạn nhược thân(2).

Hạ vị sùng nhục nhược kinh?

Sùng vị hạ(3), đắc chi nhược kinh, thất chi nhược kinh, thị vị sùng nhục nhược kinh.

Hà vị quý đại hoạn nhược thân?

Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân; cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn (4)

Cố quý dĩ thân vị thiên hạ, nhược khả kí thiên hạ(S);

Ái dĩ thân vị thiên hạ, nhược hà thác thiên hạ) **Chú giải:**

(1) Sùng nhục nhược kinh: Được cương chiều và chịu nhục nhã đều sẽ cảm thấy kinh khủng.

(2) Quý đại hoạn nhược thân: Coi trọng đại hoạn (được cương chiều và chịu nhục nhã), cũng phải giống như coi trọng sinh mệnh nhân cách của mình.

(3) Sủng vị hạ: Được cưng chiều không phải là điều vẻ vang gì. “Hạ” có nghĩa là thấp hèn, hèn hạ.

(4) Cập ngô vô thù, ngô hữu hà hoạn: Ý nghĩa là dù thân ta còn mà không quên là thân đã mất, chính là ta không có tai họa. Liên hệ với “quý nhân”, “ái thân” ở câu dưới mà xét, thì chữ “vô thân” ở đây, thực ra không phải là vứt bỏ thân hoặc quên thân.

(5), (6) Nhược: Giải thích giống như chữ “nối” là, chính là, quả là, thời cổ hay chữ “nhược” và “nãi” âm đọc giống nhau.

Dịch văn:

Được cưng chiều và chịu nhục nhã cũng đều cảm thấy kinh khủng nên cần phải coi việc được cưng chiều là một tai họa lớn và nhục nhã, giống như đã quá coi trọng sinh mệnh của bản thân mình vậy.

Tại sao lại nói rằng được cưng chiều và chịu nhục nhã đều cảm thấy kinh khủng sợ hãi?

Thứ hư vinh của việc được cưng chiều này vốn dĩ là điều thấp hèn, bởi nếu có được nó sẽ cảm thấy vui mừng trong nỗi kinh sợ, mất nó sẽ cảm thấy hốt hoảng. Chính điều đó đã cho thấy là được cưng chiều và chịu nhục nhã cũng đều cảm thấy kinh khủng sợ hãi vậy!

Vì sao mà cần phải coi nó (được cưng chiều và chịu nhục nhã) là một tai họa lớn giống như coi trọng sinh mệnh của mình?

Sở dĩ ta có tai họa lớn (được cưng chiều và sự nhục nhã) là bởi ta quá yêu quý bản thân, vì nếu ta không yêu quý bản thân thì ta còn có tai họa gì nữa?

Cho nên những người có thể dùng sự coi trọng sinh mệnh của mình để coi trọng sinh mệnh của mọi người trong thiên hạ, thì mới có thể đem thiên hạ gửi gắm cho họ được.

Những người biết dùng sự yêu quý bản thân để yêu quý sinh mạng của mọi người trong thiên hạ, thì mới có thể phó thác thiên hạ cho họ được.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, Lão Tử đã miêu thuật sự hư vô nhỏ bé của "Đạo", bởi không thể cảm nhận biết được, nhìn không thấy, nghe không rõ, sờ không thấy, thế nhưng "Đạo" lại là thứ đích thực tồn tại, vì đó là thứ được gọi là “trạng vô chi trạng, vô vật chi tượng”. Nếu hiểu biết được quy luật biến hóa vận động của "Đạo", sẽ có thể hiểu biết được quy luật biến hóa vận động của sự vật cụ thể.

NGUYÊN VĂN

Thị chi bất kiến, danh viết di (1),

Thích chi bất văn, danh viết hi(2),

Bác chi bất đắc, danh viết vi(3), Thử tam giả bất khả chỉ cật(4), cổ hỗn vi nhất(s) K7 thượng bất kiêu(6), kì hạ bất muội”), thẳng thẳng hề bất khả danh(8), phục quy ử vô vật

Thị vị vô trạng cho trọng vô vật chi tượng thị vị hoảng hốt(10).

Nghênh chi bất kiến kì thủy; Tùy chi bất kiến kì hậu.

Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu(11).

Năng tri cổ thủy(12), thị vị đạo kí(13)

Chú giải:

(1) Di: Vô sắc

(2) Hi: Vô thanh

(3) Vi: Vô hình.

(4) Chí cật: Truy cứu, gặng hỏi.

(5) Nhất: Đây chủ "Đạo"

(6) Kiêu: Ánh sáng

(7) Muội: Mờ mịt, tối.

(8) Thẳng thẳng: Mờ xa, không rõ ràng.

(9) Vô vật: Vẫn không có hình dạng, đây chỉ về "Đạo".

(10) Hoảng hốt: Như có như không, lấp loáng bất định.

(11) Hữu: Chỉ sự vật cụ thể, hàm nghĩa với “hữu” ở chương một là "Đạo".

(12) Cổ thủy: Nguyên thủy, sự mở đầu của vũ trụ hoặc "Đạo".

(13) “Đạo” kị: Chỉ quy luật của "Đạo".

Dịch văn:

Nhìn nó mà không thấy, tên gọi là “Di”;

Nghe nó mà không nghe rõ, tên gọi là “Hi”; Sờ nó mà không sờ được, tên gọi là “Vi”; Ba thứ này không thể nào truy cứu được, thế nhưng thực tế nó vẫn là một thứ vật.

Phía trên nó thực sự không thể hiện rõ ánh sáng phía dưới nó cũng không thể hiện ra sự mờ tối, mờ mịt mà không có cách gì hình dung ra được, rồi cuối cùng đã trở về trạng thái không hình không bóng.

Điều này được gọi là hình dạng mà không có hình dạng hình bóng mà không nhìn thấy vật thể, điều này được gọi là bất định như có như không.

Nghênh đón nó, nhưng không nhìn thấy phía trước của nó; Đi theo nó, lại không nhìn thấy đằng sau của nó.

Căn cứ vào "Đạo" từ xưa đến nay, để chi phối sự vật cụ thể hiện tại.

Có thể nhận thức được ban đầu của vũ trụ, gọi là nhận thức được quy luật của "Đạo".

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, Lão Tử “ca ngợi sự kỳ diệu huyền bí sâu xa không thể biết được” của những người đắc “Đạo”, vì cảnh giới tinh thần của họ đã vượt xa trình độ mà những người bình thường nói chung có thể lý giải được. Lão Tử đã miêu tả diện mạo thái độ và tâm linh của họ với phong cách của tinh thần tu dưỡng nhân cách như: cẩn thận, cảnh giác, nghiêm túc, thoải mái, dung hòa, chất phác, thuần hậu, thoáng đạt, trung thực v.v., không tự mãn trong hành vi xử sự, do đó họ có thể bỏ cái cũ thay đổi cái mới.

NGUYỄN VĂN

Cổ chi thiện vi đạo giả, vi diệu huyền thông thân bất khả thức.

Phu duy bất khả thức, cố cưỡng vi chi dung Dự hề nhược đồng thiệp xuyên(2),

Do hề nhược ủy tứ liên(3)

Nghiêm hề kì nhược dung (4)

Hoán hề kì nhược lãng thích(), Đôn hề kì nhược phác(6) Khoảng hề kì nhược cố (7) Hổ hề kì nhược trọc(8), Thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh)? Thục năng an dĩ động chi từ sinh(10)? Bão thử đạo đã bất dục doanh (11), Phu duy bất doanh, có năng tế nhị tâm thành (12)

Chú giải:

(1)Thiên vị đạo giả: Chỉ những người đắc đạo. (2) Dự: Tên một loài dã thú, tính hay nghi ngờ. Dự hề: Hình dung dáng vẻ chần chừ cẩn thận Thiệp xuyên: Để chân trần lội qua sông.

(3) Do hề: Hình dung dáng vẻ cảnh giác thận trọng.

Nhược ủy tứ liên: Thận trọng không dám hành động bừa bãi.

(4) Nghiêm hề: Hình dung dáng vẻ trang nghiêm cẩn thận hoặc cung kính nghiêm túc.

(5) Hoán hề: Hình dung dáng vẻ lưu động.

Lãng thích: Là băng tan.

(6) Đôn hê: Hình dung dáng vẻ thật thà đôn hậu. (7) Khoáng hê: Hình dung dáng vẻ lòng dạ rộng rãi phóng khoáng.

(8) Hồn hê: Hình dung dáng vẻ hồn hậu chất phác. (9) Trọc: Hồn trọc, ý nghĩa là có động. (10) An: Yên tĩnh. (11) Bất dục doanh: Không cầu tự mãn. (12) Tế nhi tân thành: Có nghĩa là bỏ cũ hay mới. Tế: Là cừu, cũ. **Dịch văn:**

Thời cổ những người tài giỏi đắc “Đạo” thường rất huyền bí, sâu xa mà lại thông hiểu rộng rãi, những người bình thường không thể nào lý giải được.

Chính bởi vì những người bình thường không thể lý giải được họ, cho nên còn phải miễn cưỡng tăng cường miêu tả họ như sau:

Chú ý thăm tra cẩn thận, giống như mùa đông để chân trần lội qua sông.

Cảnh giác thận trọng, giống như đề phòng sự vây đánh của bốn bên.

Cung kính nghiêm túc, giống như đi làm khách. Hành động thoải mái, giống như tảng băng tiêu tán.

Thuần hậu chất phác, giống như những vật liệu chưa từng được mài giũa điêu khắc.

Lòng dạ rộng rãi phóng khoáng giống như hang động núi sâu.

Hồn hậu chất phác giống như dòng nước đục.

Ai có thể khiến cho dòng nước đục yên tĩnh lại để dần dần trong xanh?

Ai có thể khiến cho yên tĩnh biến động lên để dần dần thể hiện rõ sức sống?

Những người giữ vững được “Đạo” này sẽ không tự mãn.

Chính bởi vì không tự mãn cho nên họ mới có thể bỏ cũ thay mới.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

ĐỀ GIẢI

Chương này diễn đạt một cách đầy đủ tư tưởng biện chứng pháp của Lão Tử, bao gồm những triết lý sâu sắc. Lão Tử chủ trương dùng tâm linh hư không tĩnh lặng để bình tĩnh quan sát sự biến hóa vận động của vạn vật. Với con mắt nhìn của ông, sự biến hóa vận động của vạn vật từ lúc sinh ra lớn lên rồi chết đi, lại sinh ra lớn lên, lại chết đi, tuần hoàn qua lại, cho mãi tới vô cùng. Sự biến hóa đều của vạn vật vận động có quy luật. Con người khi hiểu được quy luật này, ứng dụng vào đời sống xã hội, sẽ không thể “làm càn”. Sẽ không thể có kết quả “hung” được, khi mọi việc làm mọi hành động có thể phù hợp với “Thiên đạo”, thì suốt đời sẽ không thể vấp phải nguy hại.

NGUYÊN VĂN

Chí hư cực, thủ tĩnh đốc(1) Vạn vật tính tác(2), ngô dĩ quan phục (3) Phu vật vân vân(4), các phục quy kì căn(5) Quy căn viết tĩnh(), tĩnh viết phục mệnh(7)

Phục mệnh viết thường(®), tri thường viết minh) Bất tri thường, vọng tác hung (10)

Tri bất dung(), dung nãi công công nãi toàn (12) toàn nãi thiên(13), thiên nãi đạo, đạo nãi cửu, một thân bất đãi.

Chú giải:

(1) Chí hư cực, thủ tĩnh đốc: Dành thời gian tu dưỡng khiến cho tâm linh hư không tĩnh mịch tới cực độ, yên ổn lặng lẽ tới cực độ, sẽ không bị quấy rối bởi ham muốn vật chất ngoại giới.

(2) Tác: Sinh trưởng phát triển.

(3) Phục: Tuần hoàn qua lại.

(4) Vân vân: Sầm uất thịnh vượng

(5) Căn: Căn bản, nguồn gốc, chỉ “Đạo”, tức là “vô”. Lão Tử cho rằng vạn vật sinh sản ra bởi “vô”, tức là sản sinh ra bởi “Đạo”.

(6) Quy căn: Tức là quay trở lại với “Đạo”, quay trở lại bởi “vô”.

(7) Tĩnh: Hư không, tĩnh lặng.

(8) Phục mệnh: Lại quay trở về thai nghén nuôi dưỡng sinh mệnh mới.

(9) Thường: Chỉ quy luật vĩnh hằng của sự vận động biến đổi vạn vật.

(10) Minh: Minh bạch, hiểu được.

(11) Hung: Điều dữ, ác, hư hỏng.

(12) Dung: Khoan dung, bao dung.

(13) Toàn: Chu toàn, rộng khắp. Thiên: Chỉ thiên nhiên.

Dịch văn:

Dốc sức khiến cho tâm linh hư không tĩnh mịch đạt tới cực điểm, cố gắng kiên trì giữ lấy sự thanh tịnh đạt tới cực điểm.

Vạn vật sinh trưởng dồi dào bông bột, ta đã nhìn ra đạo lý tuần hoàn qua lại.

Mặc dù vạn vật sinh trưởng dồi dào thịnh vượng nhưng cuối cùng vẫn là từng thứ đều tự quay trở về với nguồn gốc của nó (vô).

Trở về với nguồn gốc được gọi là hư không tĩnh lặng; trong hư không tĩnh lặng lại bắt đầu thai nghén nuôi dưỡng sinh mệnh mới.

Lại bắt đầu thai nghén nuôi dưỡng sinh mệnh mới là có quy luật; nhận thức được quy luật thì gọi là “minh”.

Không nhận thức được quy luật, làm loạn một cách mù quáng sẽ có kết quả “hung”.

Nhận thức được “thường” (quy luật) thì mới có thể bao dung được tất cả; khi bao dung được tất cả mới có thể điềm tĩnh chí công; điềm tĩnh chí công mới có thể không gì không chu đáo; không gì không chu đáo mới có thể phù hợp với thiên nhiên; phù hợp với tự nhiên mới phù hợp với “Đạo”; phù hợp với “Đạo” mới có thể bền vững lâu dài, suốt đời sẽ không vấp phải nguy hiểm.

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

ĐỀ GIẢI

Chương này diễn đạt lý tưởng chính trị của Lão Tử. Lão Tử phân chia những kẻ thống trị ra làm bốn loại, cho rằng kẻ thống trị tốt nhất là những kẻ nhân dân thực sự không biết được sự tồn tại của chúng; kẻ thống trị hư hỏng nhất là những kẻ nhân dân khinh thường chúng. Nền chính trị trong lý tưởng của Lão Tử là kẻ thống trị du nhân tự tại, rất ít phát ra hiệu lệnh bắt mọi người phải thi hành, còn nhân dân thực sự không ghi công cho kẻ thống trị. Trong tình trạng của một nền chính trị như vậy, nhân dân và chính phủ sẽ tương đối yên ổn vô sự, kẻ thống trị và dân chúng đều được sống một cuộc sống an nhàn, tự do thoải mái. Điều này chỉ có thể là ảo tưởng của Lão Tử, đó là nền chính trị theo kiểu không tưởng

NGUYÊN VĂN

Thái Thượng(1), bất tri hữu chi(2),

Kì thứ, thân nhi dự chi;

Kì thứ, úy chi;

Ka thứ, vụ chi.

Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

Du hễ(3), kì quý ngôn(4)

Công thành sự toại, bách tính giai vi “Ngã tự nhiên”(5).

Chú giải:

(1) Thái Thượng: Chí thượng, tốt nhất, chỉ kẻ thống trị tốt nhất.

(2) Bất tri hữu chi: Chỉ sự không biết tới có sự tồn tại của kẻ thống trị.

(3) Du hễ: Dáng vẻ nhu nhàn.

(4) Quý ngôn: Chỉ sự không dễ dàng tùy tiện phát ra mệnh lệnh bắt mọi người thi hành.

(5) Tự nhiên: Bản thân vốn dĩ chính là như vậy. **Dịch văn:**

Kẻ thống trị tốt nhất, nhân dân thực sự không biết được có sự tồn tại của họ.

Kẻ thống trị tốt thứ hai, nhân dân thân gần và ca tụng họ.

Kẻ thống trị thứ ba, nhân dân hoảng sợ họ.

Kẻ thống trị đứng sau nữa, nhân dân khinh miệt họ.

Kẻ thống trị không đáng được tín nhiệm, nhân dân mới có cảm giác không tín nhiệm họ.

Kẻ thống trị tốt nhất là người nhàn nhã biết bao, họ rất ít phát ra hiệu lệnh bắt dân chúng thi hành.

Sự việc làm thành công rồi, dân chúng đều nói “chúng tôi vốn dĩ vẫn là như vậy”.

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

ĐỀ GIẢI

Chương này là sự miêu tả những hiện tượng xã hội bệnh hoạn đương thời của Lão Tử, cũng biểu hiện rõ tư tưởng biện chứng trái ngược nhau mà lại ăn khớp với nhau. Trí tuệ với hư không đối trá; hiếu thuận liền kề với gia đình mâu thuẫn; quốc gia rối loạn và các bậc trung thần đều đang tồn tại mỗi quan hệ đối lập, thống nhất. Sự đề xướng và ca ngợi xã hội đối với một loại đức hạnh nào đó, chính là bởi duyên cớ xã hội đặc biệt khiếm khuyết loại đức hạnh này.

NGUYỄN VĂN

Đại đạo phế), hữu nhân nghĩa; Trí tuệ xuất(2), hữu đại ngụy; Lục thân bất hòa(3), hữu hiếu từ; Quốc gia hỗn loạn, hữu trung thần.

Chú giải:

(1) Đại đạo: Chỉ sự duy trì chế độ pháp luật chính trị của trật tự xã hội.

(2) Trí tuệ: Thông minh, khôn khéo.

(3) Lục thân: Chỉ cha, con, anh, em, chồng vợ. **Dịch văn:**

Đại “Đạo” bị phế bỏ, mới có việc đề xướng ra “Nhân nghĩa”.

Thông minh khôn khéo xuất hiện, mới có thể sản sinh ra sự giả dối hư hỏng nghiêm trọng.

Gia đình xuất hiện mâu thuẫn rối rắm, mới có thể tỏ rõ hiếu thuận.

Đất nước sa vào cảnh hỗn loạn, mới có thể xuất hiện các bậc trung thần.

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử đã đề xuất ra chủ trương cải tạo xã hội. Nếu nói chương trên là sự miêu tả đối với bệnh hoạn của xã hội, thế thì ở chương này chính là nêu ra phương thuốc chữa trị đối với bệnh hoạn của xã hội. Có học giả cho rằng, Lão Tử là người bảo vệ chân thành cho lợi ích của nhân dân, ông phản đối mọi thứ văn hóa của giai cấp thống trị. Qua con mắt nhìn của Lão Tử, văn hóa của giai cấp thống trị là thứ văn hóa hư không giả dối, là thứ vũ khí tinh thần để nô dịch, nên đối với nhân dân thì chỉ có hại mà không có lợi ích gì; từ đó ông đã đề xuất ra một chủ trương không tưởng bắt nhân dân phải đoạn tuyệt với văn hóa này. Chủ trương chính trị của Lão Tử tuy không thể thực hiện được, thế nhưng quan điểm “kiến đó bão phác, thiếu tư quả dục (mộc mạc đơn sơ, ít ham muốn riêng tư), phục hồi bản tính tự nhiên của con người mà Lão Tử đã đề xuất ra, thực sự không phải là không có ý nghĩa.

NGUYỄN VĂN

Tuyệt thánh khí trí(1), dân lợi bách bội.

Tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ; Tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu.

Thử tam giả dĩ vi bất túc(2), cố lệnh hữu sở thuộc (3) Kiến tổ bão phái(4), thiếu tư quả dục. Tuyệt học vô ưu(5)

Chú giải:

(1) Tuyệt thánh khí trí: Vứt bỏ sự thông minh khôn khéo. “Thánh” ở đây không giải thích là thánh hiền mà nên giải thích là thông minh.

(2) Văn: Là điều luật, phép tắc.

(3) Thuộc: Quy thuộc, đi theo.

(4) Kiến tổ bão phái: Ý tứ là giữ lấy bản tính tự nhiên. “Tổ” là tơ chưa nhuộm màu sắc. “Phái” là gỗ chưa điêu khắc.

(5) Học: Học vấn, văn hóa.

Dịch văn:

Vứt bỏ sự thông minh khôn khéo, nhân dân có thể giành được lợi ích gấp trăm lần;

Vứt bỏ nhân nghĩa, nhân dân có thể khôi phục được bản tính hiếu thuận nhân từ.

Vứt bỏ sự xảo trá và lợi lộc, trộm cướp sẽ không còn nữa.

Dùng ba thứ này làm phép tắc chữa trị bệnh hoạn của xã hội thì không đủ, cho nên cần phải khiến cho nhận thức của họ có sự quy thuộc theo.

Giữ gìn bản tính thuần hậu chất phác, giảm bớt những ý niệm phức tạp ham muốn riêng tư.

Vứt bỏ học vấn văn hóa, mới có thể tránh được bệnh hoạn ưu phiền.

CHƯƠNG HAI MƯƠI

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử đem tâm trạng của con người thế tục miêu tả để so sánh với tâm trạng của bản thân mình. Với cách nhìn của Lão Tử, sự phân đoán đối với phải trái thiện ác, xấu đẹp của con người thế tục, chẳng có tiêu chuẩn nghiêm ngặt nào hết, thậm chí còn hỗn loạn, hành động rất tùy tiện. Nhìn từ bên ngoài thì ông đã thể hiện ra sự ngu si, hồ đồ, không có bản lĩnh, thuần hậu, chất phác tự nhiên. Con người ông nơi thế tục người qua kẻ lại nhộn nhịp đông vui, phóng túng tình cảm với thanh sắc, hàng hóa, lợi lộc, nhưng vẫn giữ được sự thanh đạm, điềm nhiên, chỉ cầu lấy sự thăng hoa về tinh thần. Sở dĩ ông khác với con người thế tục vì ông đã giành được "Đạo".

NGUYÊN VĂN

Duy chỉ dữ a(), tương khứ kỉ hà? Thiện chi dữ ác(2), tương khứ nhược hà? Nhân chi sở úy(3), bất khả bất úy.

Hoang hế(4), kì vị ương tai(5)

Chúng nhân hi hi), như hưởng thái lao), như xuân đặng đài (8).

Ngã độc bạc hế), kì vị triệu (10),

Độn độn hế(11), như anh nhi chi vị hài(12),

Lũy lũy hế(13), nhược vô sở quy.

Chúng nhân giai hữu dư 4), nhi ngã độc nhược di(15)

Ngã ngu nhân chi tâm đã tai!(16)

Tục nhân chiêu chiêu(17), ngã độc hôn hôn(18).

Tục nhân sát sát(1), ngã độc muộn muộn(20)

Đạm hế(21), kì nhược hải; Liêu hế(22), nhược vô chỉ. Chúng nhân giai hữu di(23), nhi ngã độc ngoan thả bi(24)

Ngã độc dị ư nhân, nhi quý thực mẫu(25)

Chú giải

(1) Duy: Đáp ứng nhận lời, âm thanh bằng lòng cung kính.

A: Âm thanh mà mắng nhiếc.

(2) Thiện: Cũng có nghĩa là đẹp. Nếu dịch là đẹp thì ác phải giải thích là xấu.

(3) Úy: Sợ hãi.

(4) Hoang hê: Dáng vẻ mênh mông, vắng vẻ, xa xôi.

(5) Vị ương: Chưa xong, chưa hết.

(6) Hi hi: Dáng vẻ phóng túng tình dục, sung sướng phấn khởi.

(7) Hưởng thái lao: Là hưởng dụng thái lao, ý nghĩa là tham dự yến tiệc phong phú thịnh soạn. Các đế vương thời cổ đại khi cúng tế xã tắc đã bày tiệc linh đình bao gồm thịt bò, dê, lợn. “Thái lao” chỉ trước khi mổ giết bò, dê, lợn đã nuôi chúng ở trong lao, cho nên dùng “thái lao” để chỉ bò, dê, lợn (lao là chuồng).

(8) Như xuân đăng đài: Giống như ngày xuân trèo lên đài cao ngắm nhìn cảnh đẹp.

(9) Bạc: Đạm bạc, điềm tĩnh.

(10) Vị triệu: Không có hình tích gì, hình dạng trở như gỗ đá, không khoe khoang mình. “Triệu” là điềm báo triệu chứng.

(11) Độn: Hồn độn không rõ ràng.

(12) Hài: Tiếng cười của trẻ con.

(13) Lũy lũy hê: Dáng vẻ nhàn tản mệt nhọc. Lũy là mệt mỏi, dùng giống như chữ lụy.

(14) Hữu dư: Có tiền bạc của cải phong phú.

(15) Di: Không đủ.

(16) Ngu nhân: Con người thuần khiết chất phác chân thật.

(17) Chiêu chiêu: Rực rỡ chói lọi tự khoe.

(18) Hôn hôn: Dáng vẻ mờ tối.

(19) Sát sát: Dáng vẻ thuần hậu, khoan hồng. (21) Đạm hê: Dáng vẻ xa xăm.

(22) Liêu: Gió giật, gió mạnh.

(23) Hữu dĩ: Hữu dụng có công tích có bản lĩnh. Dĩ là dụng, là vì có thành tích.

(24) Ngoan thả bỉ: Hình dung ngu muội, đần độn.

(25) Quý thực mẫu: Lấy việc giữ "Đạo" là điều cao quý. "Mẫu" là mẹ, đây ví với "Đạo". Lão Tử cho rằng, "Đạo" là người mẹ sinh trưởng vạn vật trong trời đất. "Thực ư mẫu" tức là "Dưỡng ư Đạo", được "Đạo" nuôi dưỡng hoặc là do "Đạo" dưỡng dục.

Dịch văn:

Bằng lòng với mắng nhiếc, cách xa nhau là bao? Lương thiện với độc ác, lại cách xa nhau có là bao? Những thứ mà mọi người sợ hãi, không thể không sợ hãi.

Từ viễn cổ đến nay phong khí này vẫn là như vậy, hình như không như không có dáng vẻ ngừng nghỉ.

Dáng vẻ tập nập sung sướng kia của mọi người, giống như đi tham dự yến tiệc linh đình thịnh soạn, lại giống như trèo lên đài cao để ngắm nhìn cảnh đẹp.

Chỉ riêng một mình ta đạm bạc yên tĩnh, trơ như gỗ đá.

Hỗn độn lắm thay, giống hệt như đứa bé không biết phát ra tiếng cười.

Nhàn tản mệt mỏi thay, giống hệt như không có nhà để quay trở về.

Mọi người đều có đồ vật thừa thãi, mà riêng ta hình như thứ gì cũng không đầy đủ.

Ta thật sự có lòng dạ của kẻ ngu đần!

Người đời đều tự khoe khoang sự rực rỡ chói lọi của họ, chỉ riêng ta là mờ mờ tối tối như thế này thôi.

Rộng rãi biết bao, giống như biển cả vô biên; cơn gió dài thổi mạnh tựa như dáng vẻ không bao giờ ngừng nghỉ vậy.

Mọi người đều có một hệ thống bản lĩnh duy chỉ có riêng ta đần độn bất tài.

Duy chỉ có riêng ta khác với người đời, bởi mẫu chốt là ta đã giành được "Đạo".

CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử đã đề xuất ra quan điểm: Nội dung của “Đạo” là do “Đạo” quyết định; thuộc tính của “Đạo” biểu hiện ra ở “Đức”. Ông đã miêu thuật tỉ mỉ tập trung một số đặc điểm của “Đạo” tuy không nhìn thấy, tuy vô hình vô bóng, thế nhưng đích thực là “Đạo” đang tồn tại, vạn vật đều do “Đạo” sinh ra. Sự tồn tại của “Tượng”, “Vật”, “Tinh”, đã nói rõ tính chân thực cho việc tồn tại của “Đạo”.

NGUYÊN VĂN

Khổng tử chi dung(), duy đạo thị tòng. Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt(2). Hốt hề hoảng hề, kì trung hữu tượng (3) Hoảng hề hốt hề, kì trung hữu vật; Yếu hề minh hết(4), kì trung hữu tinh(), Kì tinh thậm chân(6), kì trung hữu tín”), Tự kim thập cổ), kì danh bất khứ, di duyệt chúng phủ),

Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tại? Dĩ thử (10)

Chú giải

(1) Khổng: Là lớn.

(2) Hoảng: Là không rõ ràng; Hốt là không rõ ràng.

(3) Tượng: Là hình tượng.

(4) Yếu: Là sâu xa, nhỏ bé không thể nhìn thấy.

(5) Minh: Là mờ tối, sâu không thể đo lường được.

(6) Tinh: Nguyên chất nhỏ bé nhất, thực thể mang tính vật chất, cực kỳ nhỏ bé.

(7) Thậm chân: Chân thực nhất.

(8) Tín: Tin nghiệm, chân thật đáng tin.

(9) Chúng phủ: Là chúng phụ, thời cổ “phủ” (vừa mới) dùng lẫn với “phụ” (người già), nghĩa bóng chúng phủ là bắt đầu.

(10) Thử: Chỉ “Đạo”

Dịch văn:

Nội dung của đại “Đức”, là do “Đạo” quyết định. “Đạo”, loại vật này, không có thực thể cố định rõ ràng.

“Đức” là thứ là mờ ảo không rõ ràng biết bao, thế nhưng trong đó lại có hình tượng.

“Đạo” là thứ mờ ảo không rõ ràng biết bao, thế nhưng trong đó lại có vật thực.

“Đạo” là thứ mờ tối sâu xa biết bao, thế nhưng trong đó lại có tinh khí.

Tinh khí này là thứ chân thực nhất, điều chân thực này có thể tin cậy được.

Từ đây ngược trở lại thời viễn cổ, tên của “Đạo” vĩnh viễn không thể trừ bỏ được, căn cứ vào “Đạo” mới có thể nhận thức được sự bắt đầu của vạn vật.

Ta làm thế nào để biết được tình hình bắt đầu của vạn vật? Chính là điều ta nhận thức được từ “Đạo” mà ra.

CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, mở đầu đã dùng sáu câu thành ngữ cổ đại để giảng thuật tư tưởng biện chứng pháp bao gồm sự biến hóa của vạn vật từ chính diện (mặt phải) sang phản diện (mặt trái). Ông dùng loại tư tưởng biện chứng pháp này làm nguyên tắc quan sát và xử lý đời sống xã hội, kết luận được rút ra là: “Bất tranh” (không tranh chấp, không tranh giành). Thế nhưng biện chứng pháp của Lão Tử không triệt để, ông chỉ nói tới “Bất tranh” nhưng lại không nói tới “Tranh” (Tranh giành, tranh đấu), không hiểu được “Tranh” với “Bất tranh” cũng là mối quan hệ giữa chính diện và phản diện, cũng bao hàm có tư tưởng biện chứng pháp. Kỳ thực, trên thế giới này có một số việc “Bất tranh” mà có thể giành được thành công; có một số sự việc không “Tranh” thì không thể thành công được.

NGUYÊN VĂN

Khúc tắc toàn, uổng tắc trực(), oa tắc doanh, tề tắc tân, thiêu tắc đắc, đa tắc hoặc.

Thị dĩ thánh nhân bảo bát vi thiên hạ thức (2)

Bất tự hiện(3), cố minh(4) Bất tự thị, cố chương Bất tự phạt(s), cố hữu công. Bất tự căng cố trường. Phu duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

Cố chi sở vị “khúc tắc toàn” giả, khả hư ngôn tai? Thành toàn nhi quy chi.

Chú giải:

(1) Uổng: Khuất, cong lệch.

(2) Thức: Cách thức, mẫu mực.

(3) Hiện: Xuất hiện, tự nhiên, tự biểu hiện ra ở trước quần chúng.

(4) Minh: Sáng rõ, chói lọi.

(5) Phạt: Khoe khoang khoei lạc, thối phòng. **Dịch văn:**

Thực nhún nhường lại có thể bảo toàn, uốn cong lại có đuôi thẳng chỗ thấp lại có thể tràn đầy, cũ rách lại có thể sinh ra cái mới, lấy ít lại có thể

được nhiều, tham nhiều lại có thể bị mê hoặc.

Vì vậy, “Thánh nhân” kiên trì giữ lấy nguyên tắc sau đây để làm mẫu mực cho lẽ phải trong thiên hạ.

Không tự mình biểu dương, mà vẫn có thể rực rỡ chói lọi.

Không tự cho là phải, mà vẫn có thể rõ ràng rành phải trái.

CHƯƠNG HAI MƯƠI BA

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, Lão Tử dùng thực tế mưa bão điên cuồng trong thiên nhiên thường không thể kéo dài được để làm ví dụ, khuyên rằng kẻ thống trị không được thi hành chính sách tàn bạo, mà phải thi hành chính sách “Thanh tịnh vô vi” (tức là “ít nói”), lấy việc không hà khắc ngược đãi dân chúng làm nguyên tắc, để cho dân chúng được sống yên ổn thoải mái, như vậy mới hợp với lẽ tự nhiên. Nếu kẻ thống trị hoành hành bạo ngược, thì nhân dân sẽ dùng hành vi ngang ngạnh ở sau lưng, để chống cự đối đầu lại. Nếu kẻ thống trị không có đủ niềm tin chân thành thì nhân dân sẽ dùng thay đổi không tín nhiệm phải đối xử lại với bọn họ.

NGUYỄN VĂN

Hi ngôn tự nhiên(1).

Cổ phiêu phong bất chung triều(2), sậu vũ bất chung nhất(3)

Thục vi thử giả? Thiên địa.

Thiên địa thượng bất năng cử, như hưởng ư nhân hồ?

Cổ tông sự ư Đức giả đồng ư Đức(4), đức giả đồng ư đức, thất giả đồng ư thất(s)

Đồng ư đạo giả, đạo diệt lạc đắc chi;

Đồng ư đạo đạo giả, đức diệt lạc đắc chi;

Đồng ư đạo đạo giả, đức diệt lạc đắc chi Tín bất túc yên, hữu bất tín yên!

Chú giải:

(1)Hi ngôn: Ít nói chuyện. Đây chỉ kẻ thống trị

ít ban hành chính lệnh, không quấy nhiễu dân. (2) Phiêu phong: Gió mạnh, gió lớn.

Phiêu: Bệnh điên cuồng.

(3) Sậu vũ: Mưa to, mưa bão. Sậu là mưa bão mạnh.

(4) Tòng sự ư đạo giả: Chỉ những người dựa vào “Đạo” để làm việc. Ở đây chỉ kẻ thống trị dựa vào “Đạo” để thi hành việc chính trị.

(5) Thất: Đây chỉ việc thất “Đạo”, thất “Đức”. **Dịch văn:**

Ít ban hành chính lệnh, không quấy nhiễu dân chúng là điều hợp với lẽ tự nhiên. Cho nên gió lớn không đổi được buổi sáng, mưa to không rơi được suốt cả ngày.

Ai đã khiến cho chúng như vậy? Ấy là trời đất. Sự điên cuồng, tàn bạo của trời đất còn không thể lâu dài được, huống chi con người.

Cho nên kẻ thống trị, kẻ theo đuổi với “Đạo” cùng giống như “Đạo”, kẻ theo đuổi “Đức” cùng giống như “Đức”, những kẻ thất “Đạo”, thất “Đức” cùng sẽ giống như mất “chính quyền”.

Những người giống với “Đạo”, đạo cũng vui vẻ dành cho họ.

Những người giống với “Đức”, “Đức” cũng vui vẻ dành cho họ.

Những người giống với thất “Đạo”, thất “Đức”, hậu quả mất “chính quyền” của kẻ thất “Đạo”, thất “Đức” cũng sẽ vui vẻ giành được họ.

Sự thành thật tin tưởng với kẻ thống trị không đầy đủ, tự nhiên dân chúng sẽ không tín nhiệm họ.

CHƯƠNG HAI MƯƠI BỐN

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, Lão Tử dùng câu nói “Xí giả bất lập, khóa giả bất hành” (Người kiểng chân không đứng vững được, người sai bước rộng không thể đi nhanh được) để làm ví dụ, nói rõ hậu quả của việc “tự biểu hiện”, “tự kiêu căng”, “tự phụ” đều là không tốt; vội vàng liều bước, tự khoe khoang mình tài giỏi điều không thể đạt tới mục đích được. Tại đây Lão Tử cũng chỉ rõ: Kẻ thống trị nóng vội với công lao để kiếm mỗi lợi trước mắt, tự khoe khoang hành vi chính trị của mình, thì sẽ không thể có kết quả tốt đẹp, cuối cùng rồi sẽ bị nhân dân lật đổ.

NGUYÊN VĂN

Xí giả bất lập(1), khóa giả bất hành(2) Tự hiện giả bất minh;

Tự thị giả bất chương

Tự phạt giả vô công

Tự căng giả bất trường.

Kỳ tại Đạo dã, viết dư thực chuế hình(3), vật hoặc ố chi, cố hữu Đạo giả bất xử.

Chú giải:

(1) Xí: Kiểng chân, nâng cao gót chân, ngón chân chạm đất.

(2) Khóa: Vượt, sai rộng bước mà đi

(3) Chuế hình: Hình thể thừa, tức là miếng thịt thừa mọc ở trên thân thể.

Dịch văn:

Kiểng gót chân lên muốn đứng được cao, nhưng rồi sẽ không thể đứng vững. Sai rộng bước muốn đi nhanh, nhưng rồi sẽ chẳng thể bước đi được nhanh.

Người tự biểu dương mình sẽ không thể sáng chói được;

Người tự cho mình là phải sẽ không thể rõ ràng được;

Người tự khoe khoang mình sẽ không thể nhìn thấy công lao;

Người tự cao tự đại sẽ không thể làm người đứng đầu của quần chúng được.

Từ quan điểm của “Đạo” mà xét, những hành vi khoe khoang nóng vội kể trên, chỉ có thể nói là miếng cơm thiêu, cục thịt thừa mọc trên thân.

Bởi vì chúng là những thứ khiến cho mọi người chán ghét, cho nên những người có “Đạo” không làm như vậy.

CHƯƠNG HAI MƯƠI LĂM

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, Lão Tử đã miêu thuật sự tồn tại và vận hành của “Đạo”; đây là một chương rất quan trọng trong triết học Lão Tử. “Đạo” là thứ không có âm thanh chẳng có hình hài, nó tồn tại trước trời đất, nó vận hành tuần hoàn không ngừng nghỉ, nó là người “Mẹ” sản sinh ra vạn vật trong trời đất. Con người là linh hồn của vạn vật. Đạo, Trời, Đất, Con người” đã trở thành bốn thứ vĩ đại tồn tại trong vũ trụ, duy chỉ không có sự tồn tại của “Thần”. Triết học Lão Tử đã sản sinh ra từ trên hai nghìn năm trước, “Thần” không có địa vị gì trong triết học Lão Tử, đã tỏ rõ điều đáng quý của triết học Lão Tử.

NGUYÊN VĂN

Hữu vật hỗn thành(1), tiên thiên địa sinh.

Tịch hê liêu hê(2), độc lập nhi bất cải(3), chu hành nhi bất đãi(4), khả dĩ vi thiên địa mẫu(s).

Ngô bất tri kì danh, cường (6) tự chi viết “Đạo”, cường vi chi danh viết Đại(7)

Đại viết thệ(8), thệ viết viễn, viễn viết phản()

Cổ Đạo đại, Thiên đại, Địa đại, Nhân diệc đại (10). Vực trung hữu tứ đại (1), nhị phân cư kì nhất yên.

Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên (12)

Chú giải:

(1) Vật: Chỉ “Đạo. Hỗn thành”: Trộn lẫn tự nhiên mà thành.

(2) Tịch hê liêu hê: Không có âm thanh, không có hình thể.

(3) Độc lập nhi bất cải: Hình dung sự tồn tại của “Đạo” không dựa vào bất kỳ ngoại lực nào mà có đầy đủ tính tuyệt đối, tính vĩnh hằng.

(4) Chu hành: Vận hành tuần hoàn.

(5) Mẫu: Chỉ “Đạo”, vạn vật trong trời đất đều

do “Đạo” sinh ra cho nên gọi là “Mẫu” (mẹ).

(6) Cường: Miễn cường.

(7) Đại: Hình dung “Đạo” mênh mông không bờ không bến, có sức mạnh vô cùng.

(8) Thệ: Chỉ sự vận hành của “Đức” vĩnh viễn không dừng không nghỉ.

(9) Phản: Trở về với nguồn gốc cũ.

(10) Nhân diệc đại: Cổ ngữ của Trung Quốc nói rằng con người là linh hồn của vạn vật, cùng song song tồn tại với trời đất nên gọi là Tam Tài, cho nên trời to lớn, đất to lớn, con người cũng to lớn.

(11) Vực trung: Trong vũ trụ.

(12) Đạo pháp tự nhiên: Phép tắc bản thân của “Đạo” là tự nhiên.

Dịch văn:

Có một thứ đồ vật do trộn lẫn mà thành, sinh ra và tồn tại trước cả trời đất.

Vô thanh mà là vô hình, nó không dựa vào bất kỳ ngoại lực nào mà vĩnh viễn tồn tại, vận hành tuần hoàn mà vĩnh viễn không ngừng không nghỉ, có thể được coi là căn bản (là mẹ) của vạn vật trong trời đất.

Ta không biết tên của nó, mà miễn cường gọi nó là “Đạo”, lại miễn cường đặt cho nó một cái tên gọi là “Đại”.

Nó rộng lớn vô biên mà lại vận hành không nghỉ, vận hành không nghỉ mà lại vươn tới những nơi xa xôi, vươn tới những nơi xa xôi rồi lại trở về với nguồn gốc.

Cho nên nói Đức Đại, Thiên Đại, Địa Đại, Nhân cũng Đại. Trong vũ trụ có Tứ Đại, mà Nhân (con người) là một trong Tứ Đại đó.

Con người làm theo đất, đất làm theo trời, trời làm theo “Đức”, phép tắc của “Đức” là tự nhiên vậy!

CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử luận thuật về mối quan hệ mâu thuẫn giữa khinh với trọng, động với tĩnh, ông cho rằng trọng với tĩnh là phương diện chủ yếu của mâu thuẫn; khinh với động là phương diện thứ yếu của mâu thuẫn, làm điên đảo phương diện chủ, thứ yếu của mâu thuẫn. Đây là sự biểu hiện không triệt để của biện chứng pháp Lão Tử. Tại đây, tư tưởng biện chứng pháp của Lão Tử đã phục vụ cho quan điểm chính trị của ông. Ông đã bức xúc trước những hành vi quá phóng túng, buông thả, trác táng, tự làm hại mình của kẻ thống trị đương thời, đó là ông vua có hàng vạn cỗ xe mà lại vẫn coi nhẹ thiên hạ đến như vậy? Với con mắt của ông, những kẻ thống trị của một đất nước cần phải bình tĩnh thận trọng mà không nên hấp tấp nóng vội. Biện chứng pháp của Lão Tử không được triệt để, thế nhưng quan điểm chính trị của ông đã có ý nghĩa rất tích cực.

NGUYỄN VĂN

Trọng vi khinh căn, Tĩnh vi tảo quân(1)

Thị dĩ quân tử chung nhật hành bất li tự trọng 2), tuy hữu vinh quan 3, yếu xứ siêu nhiên(4)

Nại hà vạn thặng chi chủ(5), nhi dĩ thân khinh thiên hạ(6)?

Khinh tắc thất căn(7), tảo tắc thất quân.

Chú giải:

(1)Táo: Là động. Quân: Là chúa tể.

(2) Tự trọng: Chiếc xe vận chuyển khí giới, lương thực khi hành quân.

(3) Vinh quan Nơi quý tộc du chơi hưởng lạc, cũng chỉ cuộc sống hào hoa.

(4) Yển xứ: Cuộc sống hưởng thụ thường ngày của quý tộc.

Siêu nhiên: Không sa bẫy vào bên trong đó.

(5) Vạn thặng chi chủ: Vua của nước lớn. Thời xưa, khi đánh trận, thường dùng xe chuyên chở binh lính, một xe chở binh lính gọi là một thặng; một nước có vạn thặng binh xe chính là nước lớn.

(6) Dĩ thân khinh thiên hạ: Dùng thân khinh động mà không tiếc là bỏ mất thiên hạ.

(7) Khinh tắc thất căn: Tương ứng với câu đầu “trọng vi khinh căn”.

Dịch văn:

Trọng (nặng) là gốc rễ của khinh (nhẹ), tĩnh là chúa tể của động.

Vì vậy nhà vua suốt ngày hành tẩu bốn ba không rời khỏi chiếc xe chuyên chở nặng, tuy được hưởng cuộc sống hào hoa, nhưng lại không đắm chìm vào bên trong đó.

Tại sao thân làm vua một nước lớn mà vẫn còn hấp tấp mạnh động không luyến tiếc khi để mất thiên hạ ư?

Hấp tấp dĩ nhiên là làm mất gốc rễ, mạnh động tất nhiên là để mất nhà vua.

CHƯƠNG HAI MƯƠI BẢY

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử dùng “Thiện hành”, “Thiện ngôn”, “Thiện số”, “Thiện bế”, “Thiện kết” để làm ví dụ, nói rõ những lời nói việc làm của con người, chỉ cần phù hợp với thiên nhiên, không cần phải dùng phí nhiều sức lực, thì sẽ giành được hiệu quả tốt, rồi sẽ tròn trịa kín kẽ, chẳng có sơ hở nào. “Thánh nhân” đã hiểu được những đạo lý này, do đó đó giỏi đối nhân xử thế, đã dựa vào trí tuệ thông minh của mình, làm ra được kỳ tích “nhân tận kỳ tài”, sử dụng hết tài năng của con người, “Vô khí nhân” (không bỏ người); “Vật tận kỳ dụng”, sử dụng hết sức tác dụng của vật, “vô khí vật” (không bỏ vật). Xử lý không tốt mối quan hệ giữa người thiện và người ác, tuy tự cho mình là sáng suốt, kỳ thực đó là đại hồ đồ.

NGUYÊN VĂN

Thiện hành, vô triệt tích (1),

Thiện ngôn, vô hà trích (2)

Thiện số(3), bất dụng trù sách (4)

Thiện bế, vô quan kiện nhi bất khả khai(s)

Thiện kết, vô thắng ước nhi bất khả giải(6) Thị dĩ Thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân;

Thường thiện cứu vật, cố vô khí vật.

Thị vị tập minh().

Cố thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sử; Bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tước

Bất quý kỳ sử, bất ái kỳ tước, tuy trí đại mê, thị vị yếu diệu)

Chú giải:

(1)Triệt tích: Dấu vết bánh xe để lại khi xe chạy. (2) Hà trích: Sai lầm, khuyết điểm, lầm lỗi.

(3) Số: Tính toán.

(4) Trù sách: Bàn tính chế bằng trúc dùng để tính toán ở thời cổ đại.

(5) Quan kiện: Chốt cửa thời đại chế bằng gỗ, ngang thì gọi là then, dọc thì gọi là kiện.

(6) Thằng ước: Dây thừng; Dừng thừng buộc vật thì gọi là “ước”.

(7) Tập: Bao phủ, giấu giếm, ẩn giấu.

Tập minh: Giấu giếm trí tuệ sáng suốt hoặc tàng ẩn sự thông minh.

(8) Tư: Noi gương.

(9) Yếu diệu: Tình yếu huyền diệu, sâu xa ảo diệu, thời cổ chữ “yếu” dùng lẫn với chữ “u” sâu xa. **Dịch văn:**

Giỏi việc đi đường, không để lại dấu tích;

Giỏi việc nói năng, không thể chỉ trích sai lầm được.

Giỏi việc tính toán, không dùng đến bàn tính.

Giỏi việc đóng cửa, không dùng then chốt vẫn khiến cho mọi người chẳng thể mở ra được;

Giỏi việc buộc thắt, không dùng dây thừng vẫn khiến cho mọi người chẳng thể cởi ra được.

Vì vậy, “Thánh nhân” luôn luôn giỏi việc cứu vớt người, cho nên không bị mọi người vứt bỏ.

Luôn luôn giỏi việc cứu vớt vật, cho nên không bị vật ruồng bỏ.

Chính điều này được gọi là trí tuệ thông minh tàng ẩn ở bên trong.

Cho nên người thiện là thầy của kẻ ác; kẻ ác cũng là tấm gương soi của người thiện.

Không tôn trọng thầy giáo của anh ta, không yêu quý và luyện tiếc tấm gương của anh ta, tuy tự cho mình là sáng suốt, kỳ thực là kẻ đại hồ đồ.

Đây chính là Đức lý sâu sắc và kỳ diệu.

Vì thiên hạ khê, thường đức bất li, phục quy ư anh nhi.

Tri kì bạch, thù kì hắc, vi thiên hạ thức (4)

Vì thiên hạ thức, thường đức bất thối(5), phục quy ư VÔ CỰC (6)

Tri kì vinh, thù kì nhục, vi thiên hạ cốc(7)

Vì thiên hạ cốc, thường đức nãi túc, phục quy ư phác(8).

Phác tán tắc vi khí), Thánh nhân dụng chi tắc vi quan trưởng (10), cổ đại chế bất cát.

Chú giải

(1) Hùng: Ví dụ hành động nóng vội rắn chắc.

(2) Thư: Ví dụ thái độ bình tĩnh nhu mì khiêm nhường.

(3) Khê: Ngòi suối, dòng nước chảy ở khe núi.

(4) Thức: Mô thức, công thức mẫu mực.

(5) Thắc: Sai sót, lầm lỗi.

(6) Vô cực: Ý nghĩa là chân lý cuối cùng.

(7) Cốc: Vùng đất trũng thấp ở giữa hai quả núi, đồng nghĩa với khe là con suối.

(8) Phác: Gỗ thô, tức là gỗ chưa qua đẽo khắc chạm trổ, đây chỉ thần thái thuần khiết chất phác.

(9) Khí: Vật, đồ vật, dụng cụ.

(10) Quan: Quản lý, người quản lý. Trưởng: Lãnh đạo, người lãnh đạo.

Chế: Chế tạo ra đồ vật.

Cát: Cắt rời, đây là ví dụ với ý miễn cưỡng. **Dịch văn:**

Hiểu sâu sắc thế nào là hùng cường rắn chắc thì sẽ yên tâm với địa vị khiêm nhường, cam tâm làm khe suối của thiên hạ.

Cam tâm làm khe suối của thiên hạ, sẽ không xa rời với "Đức" vĩnh hằng, sẽ trở về với trạng thái đơn thuần, giống như một đứa trẻ con.

Biết sâu sắc thế nào là sáng sủa thì sẽ yên tâm với địa vị mờ tối, cam tâm làm kiểu mẫu của thiên hạ.

Cam tâm làm kiểu mẫu của thiên hạ, sẽ không thể sai khác với "Đức" muôn đời, sẽ trở về với chân lý cuối cùng.

Biết sâu sắc thế nào là vinh dự vẻ vang thì sẽ yên tâm với địa vị thấp hèn nhục nhã, cam tâm làm khe lạch của thiên hạ.

Cam tâm làm khe lạch của thiên hạ, "Đức" vĩnh hằng mới có thể đầy đủ, mới trở về với thuần khiết chân thật mộc mạc đơn sơ.

Vật liệu thô trải qua gọt đẽo của người thợ đã trở thành vật dùng “Thánh nhân” khiến cho con người đem vật liệu thô tạc đẽo để trở thành vật dùng là đã trở thành người quản lý và người lãnh “Đức”. Vì vậy, để có thể chế tác được vật dùng hoàn mỹ, vật liệu cần phải tự nhiên mà không miễn cưỡng.

CHƯƠNG HAI MƯƠI CHÍN

ĐỀ GIẢI

Trong chương này đã biểu hiện rõ tư tưởng chính trị “vô vi” của Lão Tử. “Vô vi” thực ra không phải là không làm một việc gì cả, không có năng lực gì đối với thế giới khách quan. Lão Tử cho rằng người trong thiên hạ bẩm sinh mỗi người một khác, những người nắm giữ chính quyền cần phải cho phép họ tồn tại và phát triển tính khác biệt và tính đặc thù, không thể sử dụng biện pháp cưỡng chế, đi ngược lại bản tính của họ. Nếu dùng những hành động cưỡng chế hoặc thi hành chính sách bạo ngược, thì tất sẽ tự chuốc lấy sự diệt vong. Với cái nhìn của Lão Tử, người thống trị lý tưởng (Thánh nhân) nắm giữ chính quyền, cần phải thuận ứng với tự nhiên, dựa theo chiều hướng khách quan mà dẫn dắt dân chúng làm việc, phải vứt bỏ mọi biện pháp quá đáng, trừ khử mọi hành động chính trị khốc liệt, tất cả việc làm xa hoa, lãng phí đều nhất thiết không được thực hiện.

NGUYÊN VĂN

Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi(1), ngô kiến kì bất đắc dĩ (2)

Thiên hạ thần khí(3), bất khả vi dã, bất khả chấp dã(4)

Vi giả bại chi, chấp giả thất chi.

Thị dĩ thánh nhân vô vị(s), cố vô bại, cố vô thất.

Phu vật hoặc thành hoặc tùy (6), hoặc hư hoặc

xuy() hoặc cường hoặc suy(8), hoặc tải hoặc huy) Thị dĩ Thánh nhân
khử thâm, khử sa, khử thái (10)

Chú giải:

(1)Thủ: Làm, trị, cai trị.

(2) Bất đắc dĩ: Không giành được, không đạt được. “Dĩ” là ngữ trợ từ.

(3) Thiên hạ thần khí: Những thứ thần thánh trong thiên hạ. “Thiên hạ” chỉ con người trong thiên hạ.

(4) Chấp: Nắm vững nắm giữ.

(5) Vô vi: Việc làm không đi ngược lại, tức là cai trị thiên hạ không đi ngược lại bản tính tự nhiên của nhân dân

(6) Phu: Là phàm, là tất cả. “Phu vật” chỉ tất cả mọi sự vật.

(7) Hư: Thở nhẹ, thở chậm. Xuy: Thở hơi nhanh. (8) Luy: Gầy yếu.

(9) Tài: Yên ổn. Huy: nguy hiểm.

(10) Thái: Thái quá.

Dịch văn:

Nếu muốn quản lý thiên hạ mà lại dùng bạo lực để thực hiện, thì ta cho rằng họ không thể nào có thể đạt tới mục đích được.

Nhân dân là thần thánh của thiên hạ, nên không thể đi ngược lại bản tính của họ mà dùng bạo lực để thống trị họ, cũng không thể dùng biện pháp đi ngược lại bản tính của họ, hay dùng bạo lực để nắm giữ họ được.

Dùng bạo lực thống trị, nhất định sẽ thất bại; dùng bạo lực nắm giữ, tất nhiên sẽ bị lật đổ.

Vì vậy, “Thánh nhân” không làm càn làm bậy, cho nên không vấp phải thất bại; không chấp chính bằng bậy cho nên không bị lật đổ.

Tính cách bẩm sinh của người đời không giống nhau, nên có người đi trước có kẻ theo sau, có người thở nhẹ có kẻ thở gấp, có người khỏe mạnh, có kẻ gầy yếu, có kẻ sống yên ổn có kẻ gặp nguy hiểm.

Vì vậy, “Thánh nhân” khi nắm giữ chính quyền tất nhiên cần phải trừ bỏ những biện pháp cực đoan, xa xỉ và quá đáng.

CHƯƠNG BA MƯƠI

ĐỀ GIẢI

Chương này đã biểu hiện rõ tư tưởng phản đối chiến tranh của Lão Tử. Ông không hiểu được, trong điều kiện lịch sử có giai cấp đối lập và quốc gia tồn tại, thì chiến tranh là điều khó tránh khỏi. Chiến tranh được phân chia làm nhiều loại, có cuộc chiến tranh tiến bộ và cuộc chiến tranh phản động, lại có sự phân biệt giữa chiến tranh chính nghĩa và phi nghĩa, nên không thể nhất loạt phản đối cả được. Có điều, với cách nhìn nhận của Lão Tử, vì ham muốn riêng tư, vì lợi ích riêng tư của kẻ thống trị đã phát động

chiến tranh, tạo thành tai nạn cho xã hội, phá hoại cuộc sống yên ổn của nhân dân, thì nhất định sẽ dẫn đến hậu quả nước mất thân tan. Loại quan điểm này rất đúng, rất có ý nghĩa tích cực.

NGUYỄN VĂN

Dĩ đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ.

Kì sự hảo hoàn(1)

Sư chi sở sử, kinh cứu sinh yên.

Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên(2). Thiệt giả quả nhi đi(3), bất cảm đi thủ cường (4) Quả nhi vật căng, quả nhi vật phạt, quả nhi vật kiêu, quả nhi bất đắc dĩ, quả nhi vật cường. Vật tráng tắc lão(s), thị vị bất đạo(6), bất đạo tảo để

Chú giải:

(1) Hoàn: Báo trả lại, báo ứng.

(2) Hung niên: Năm mất mùa. (3) Quả: Thành công, đạt tới mục đích.

(4) Thủ cường: Tỏ ra hùng cường thể hiện mạnh. (5) Lão: Suy yếu, suy bại.

(6) Bất Đức: Không phù hợp với “Đạo”. (7) Tảo dĩ: Chết sớm, chết nhanh.

Dịch văn:

Người dùng “Đạo” phò trợ nhà vua, không dựa vào binh lực để tỏ ra mạnh hơn thiên hạ.

Sự việc dùng binh này luôn luôn sẽ có được sự báo ứng.

Những địa phương mà quân đội đánh trận qua gai góc sẽ mọc đầy.

Sau những cuộc đại chiến tất nhiên sẽ xuất hiện những năm mất mùa.

Những người giỏi dùng binh thì chỉ cần đạt được mục đích là xong không dùng binh lực để thể hiện ra sự hùng mạnh.

Khi đã đạt được mục đích rồi thì không được tự cao tự đại, đạt được mục đích rồi thì không được khoe khoang đạt được mục đích rồi thì không được kiêu ngạo, đạt được mục đích rồi thì cần phải cho rằng đây là điều xuất phát từ sự bất đắc dĩ, đạt được mục đích rồi thì không được thể hiện ra sự hùng mạnh.

Binh lực cường thịnh sẽ đi tới sự suy bại, điều này được gọi là việc binh đao không hợp với “Đạo”, mà không hợp với “Đạo” sẽ rất nhanh chóng dẫn đến diệt vong.

CHƯƠNG BA MƯƠI MỐT

ĐỀ GIẢI

Chương này là sự kế tục của chương trên, cũng là chương phản đối chiến tranh, có điều là tiên tiến hơn. Lão Tử cho rằng, binh khí tuy là thứ không lành hiền, thế nhưng trong tình huống bất đắc dĩ, người quân tử cũng có thể sử dụng nó, chỉ có điều là thắng lợi rồi thì không được tự cho rằng đó là điều phi thường nổi bật; còn đối với những người mất đi trong chiến tranh cần phải biểu thị lòng đau buồn thương xót, cần phải dùng tang lễ để đối xử với những người chết trong chiến trận. Điều này đã biểu hiện tấm lòng yêu thương con người của Lão Tử.

NGUYÊN VĂN

Phù bình giả), bất tường chi khí, vật hoặc ố chi(2), cố hữu đạo giả bất xử.

Quân tử cư tắc quý tử (3), dụng binh tắc quý hữu.

Bình giả bất ường chi khí, chi quân tử chi khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi, diêm đạm vi thượng(4) thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân.

Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả dĩ đắc chí ư thiên hạ đi.

Cát sự thượng tử, hung sự thượng hữu. Thiên Lương quân cử tử, thượng tướng quân cư hữu. Ngôn dĩ tang lễ xử chi.

Sát nhân chi chúng dĩ bị ai lập(5) chi, chiến thắng dĩ tang lễ xử chi.

Chú giải:

(1) Bình giả: Chỉ binh khí, vũ khí.

(2)Vật: Chỉ con người.

(3) Quý tử: Tức là di tử vi quý (lấy bên trái làm quý). Cổ nhân cho rằng tử dương hữu âm. Dương sống mà âm chết. “Quý tử”, “quý hữu”, “thượng tử”, “thượng hữu”, “cư tử”, “cư hữu” đều là lễ nghi trong thời cổ.

(4) Điềm đạm: Yên tĩnh, ung dung.

(5) Lập: Tới, tới nơi

Dịch văn:

Bình khí, thứ đồ vật không tốt đẹp may mắn này, ai nấy đều chán ghét nó, cho nên những người có “Đạo” đều không sử dụng nó.

Người “quân tử” lúc bình thường dùng bên tả (trái) làm quý, khi cầm quân đánh trận lại lấy bên hữu (phải) làm quý.

Bình khí, thứ đồ vật không tốt đẹp may mắn này, không phải là thứ mà người “quân tử” có thể sử dụng được, còn nếu bất đắc dĩ mà phải sử dụng đến nó, thì tốt nhất là cứ điềm nhiên xử lý. Thắng lợi rồi cũng không được tự cho là điều phi thường nổi bật, vì nếu tự cho là điều phi thường nổi bật thì chính ta vui vẻ sung sướng với việc sát nhân.

Phàm là những kẻ vui vẻ sung sướng với việc sát nhân, thì không thể đắc chí với thiên hạ được.

Những sự việc vui mừng tốt đẹp coi bên trái là trên hết, những sự việc xấu xa chết chắc coi bên phải là trên hết. Thiên tướng quân ngồi ở bên trái, thượng tướng quân ngồi ở bên phải; điều này chính là nói, đánh trận cần phải dựa vào nghi thức tang lễ để xử lý.

Chiến tranh giết người quá nhiều, cần phải dùng tấm lòng đau buồn thương xót để tham gia, chiến tranh thắng lợi rồi cũng cần phải dựa vào nghi thức của tang lễ để đối đãi với những người đã chết trong chiến tranh.

CHƯƠNG BA MƯƠI HAI

ĐỀ GIẢI

Chương này đã diễn đạt tư tưởng chính trị “vô vi” của Lão Tử, cho rằng các hầu vương nếu có thể dựa vào phép tắc của “Đạo” để cai trị thiên hạ, thuận ứng theo tự nhiên thì dân chúng sẽ tự động phục tùng theo họ. Cai trị thiên hạ, lập nên chế độ, định rõ danh phận, đều không thể quá đáng, mà cần thích hợp vừa phải thì dừng lại, làm được như vậy sẽ không vấp phải nguy hiểm. Dựa vào “Đạo” cai trị thiên hạ, được lòng dân cũng giống như nước suối, nước sông chảy vào biển cả vậy!

NGUYỄN VĂN

Đạo thường vô danh. Phác tuy tiểu(), thiên hạ mạc năng thần(2)

Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân(3)

Thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ, dân mạc chi lệnh nhi tự Vân(4)

Thủy chế hữu danh(5), danh diệc kí hữu, phu điện tương tri chỉ, tri chỉ khả dĩ bất đãi(6)

Tỉ đạo chi tại thiên hạ do xuyên các chi ư giang hải(7)

Chú giải:

(1) Phác: Chỉ về “Đạo”. Lão Tử cho rằng “Đạo” không nơi nào không bao hàm, cho nên ở trong hai mươi lăm chương đã miễn cưỡng đặt tên là “Đạo”, coi “Đạo” là nơi tinh tế không nơi nào không vào được, cho nên ở chương này lại đặt tên là “Tiểu”.

(2) Thần: Khiến họ phục tùng, ở đây dùng làm động từ.

(3) Vạn vật: Chỉ bách tính, dân chúng.

Tân: Phục tùng.

(4) Tự vân: Tự nhiên đều khắp.

(5) Danh: Là danh phận tức là tên gọi đẳng cấp của quan chức.

(6) Bất đãi: Không có nguy hiểm.

(7) Chi ư: Chảy vào.

Dịch văn:

“Đạo” vĩnh viễn là thứ vô danh. Nó tuy rất nhỏ, thế nhưng thiên hạ không ai có thể khiến cho nó phục tùng mình được.

Vua chúa nếu có thể dựa vào “Đạo” để cai trị thiên hạ thì dân chúng sẽ tự động phục tùng theo.

Khí âm dương trong trời đất tương hợp thì sẽ giáng cam lộ (điểm tốt lành) xuống nhân dân không ai sai khiến nó mà vẫn đều khắp.

Cai trị thiên hạ thì cần phải lập ra chế độ rồi định rõ danh phận; Khi danh phận đã có rồi thì cần phải biết vừa phải mà dừng lại, biết vừa phải mà dừng lại, thì có thể tránh được nguy hiểm.

“Đạo” sẽ quay về với lòng dân thiên hạ, cũng giống như biển cả do vô số những dòng sông, dòng suối chảy vào vậy!

CHƯƠNG BA MƯƠI BA

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử đã tuyên truyền một hệ thống quan điểm con người cần phải giới tự tu dưỡng để làm phong phú đời sống tinh thần của mình. Với con mắt nhìn của Lão Tử “tri nhân” “thăng nhân” cố nhiên là quan trọng, thế nhưng “tự tử”, “tự thăng” lại càng đặc biệt quan trọng hơn. một người nếu biết xem xét kiểm tra mình, kiên định mình, kiềm chế mình, lại biết thề quyết chí dốc sức thi hành, thì sẽ có thể làm phong phú được đời sống tinh thần của mình, và đảm bảo được sức sống lâu dài.

NGUYÊN VĂN

Tri nhân giả trí, tự tri giả minh. Thăng nhân giả hữu lực, tự thăng giả cường (

Tri túc giả phú.

Cường hành giả hữu chí (2)

Bất thần kì sở giả cửu.

Tử nhi bất vong giả thọ (3)

Chú giải:

(1) Cường: Rắn chắc hùng mạnh.

(2) Cường hành: Kiên trì dốc sức thi hành, nỗ lực không ngừng không nghỉ.

(3) Tử nhi bất vong: Thân chết mà “Đạo” vẫn còn, thân chết mà tinh thần vẫn tồn tại.

Dịch văn:

Có thể nhận thức được người khác, thì gọi là suy nghĩ thấu đáo; có thể nhận thức được mình, thì mới gọi là thông minh.

Có thể chiến thắng được người khác, mới gọi là có sức mạnh; có thể khắc phục được những nhược điểm của mình, thì mới là rắn chắc hùng

mạnh.

Người biết đã đầy đủ rồi, chính là người giàu có. Người kiên trì dốc sức thi hành, chính là người có chí.

Người không mê muội làm mất cơ sở nguồn gốc, sẽ có thể được sống bền lâu.

Thân mình đã chết mà “Đạo” vẫn còn, chính là người muôn đời bất hủ.

CHƯƠNG BA MƯƠI TƯ

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử giảng giải tác dụng của "Đạo", ca ngợi sự vĩ đại của "Đạo". "Đạo" là thứ không ở nơi nào không có, có "Đạo" mới có vạn vật, "Đạo" hầu hạ phục dịch vạn vật, có thể nói "Đạo" là thứ nhỏ bé thấp hèn; nhưng vạn vật lại quy theo "Đạo", có thể nói "Đạo" là thứ vĩ đại. "Đạo" là thứ vô vi, nhưng "Đạo" sinh ra, nuôi dưỡng vạn vật mà thuận ứng theo tự nhiên, khiến cho vạn vật được xếp đặt đâu vào đó. Mỗi thứ đều thích hợp với tính tình của "Đạo", còn “Đạo” thì lại “bất từ”, “bất hữu”, “bất vi chủ”.

NGUYÊN VĂN

“Đại đạo” phàm hề), kì khả tư hữu.

Vạn vật thị chi dĩ sinh nhi bất từ(2), công thành nhi bất hữu(3)

Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ), khả danh ư tiểu (5) Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại (6) Dĩ kì chung bất tự vi đại, cố năng thành kì đại.

Chú giải:

(1) Phạm: Giống như phiếm, là tròn, nước chảy ra bốn phía gọi là tràn lan, lại có thể giảng giải là rộng khắp.

(2) Từ: Là ngôn từ, nói năng: “Bất từ” có nghĩa là không nói năng lung tung, không can thiệp thêm vào.

(3) Bất hữu: Không tự cho mình là có công.

(4) Bất vi chủ: Không tự cho mình là làm chúa tể.

(5) Tiểu: Nhỏ bé. Chỉ tác dụng của "Đạo" sinh ra và nuôi dưỡng vạn vật như có như không.

(6) Đại: Vĩ đại. Chỉ vạn vật đều tự động tùy thuộc vào "Đạo".

Dịch văn:

“Đạo” lớn hành rộng rãi biết bao, trên dưới phải trái không nơi nào không tới.

Vạn vật dựa vào “Đạo” mà sinh ra lớn lên, thế nhưng “Đạo” lại không can thiệp thêm vào, “Đạo” có những thành tựu, mà không tự cho rằng mình có công.

“Đạo” bảo vệ, nuôi dưỡng vạn vật mà không tự coi là chúa tể, có thể gọi là “Đại”.

Do “Đạo” không tự cho rằng mình vĩ đại, cho nên mới có thể thành tựu được sự vĩ đại của mình.

CHƯƠNG BA MƯƠI LĂM

ĐỀ GIẢI

Chương này, Lão Tử nói về tác dụng và ảnh hưởng của “Đạo”. “Đạo” có thể khiến cho mọi người trong thiên hạ đều có thể dựa theo mà lại không làm phương hại tới “Đạo”, để được một cuộc sống hòa bình yên ổn. “Đạo” tuy là thứ vô hình, không nhìn thấy, không nghe thấy, nói ra cũng chẳng có vị gì, thế nhưng tác dụng của nó lại là vô cùng vô tận.

NGUYÊN VĂN

Chấp đại tượng(*), thiên hạ vãng. Vãng nhi bất hại an bình thái (2)

Lạc dữ nhĩ(3), quá khách chi.

Đạo chi xuất khẩu, đàm hồ kì vô vị, thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn, dụng chi bất túc k (4)

Chú giải:

(1) Đại tượng: Đại Đạo, “Tượng” tức là “Đạo”. (2) An: Tức thì.

Thái: Nghĩa là an ninh, yên ổn.

(3) Lạc: Âm nhạc.

Nhĩ: Thức ăn ngon. (4) Kí: Tận, hết.

Dịch văn:

Ai đã nắm vững được Đại “Đạo”, thiên hạ đều sẽ đến nương nhờ người đó. Nương nhờ mà không làm phương hại lẫn nhau, là mọi người đều yên vui hưởng thái bình.

Âm thanh vui của âm nhạc và mùi thơm của thức ăn ngon, có thể khiến cho người đi đường dừng bước.

“Đạo” từ trong miệng nói ra, bình thường mà chẳng có vị, nhìn nó mà lại chẳng thấy, nghe nó mà chẳng có, thế nhưng tác dụng của nó lại thật là vô cùng tận.

CHƯƠNG BA MƯƠI SÁU

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử đã miêu tả một số tình hình của mâu thuẫn song phương có sự chuyển hóa lẫn nhau, để diễn đạt được tư tưởng biện chứng pháp của ông. “Vật cực tất phản”, “Thịnh cực nhi suy”, đó là quy luật vận động biến hóa của giới tự nhiên, cũng là quy luật vận động biến hóa của con người và sự việc trong xã hội. Lão Tử sống từ hơn hai nghìn năm trước, mà có thể nhìn ra được quy luật này; đó là một điều rất phi thường. Thế nhưng kết luận “Nhu nhược thắng cương cường”, thì không tránh khỏi đã tuyệt đối hóa, đã biểu hiện ra tính không triệt để trong biện chứng pháp của ông. Ông đã không hiểu được “nhu nhược” (mềm yếu) có hai loại tình huống: những sự việc mới sinh ở vào trạng thái mềm yếu, nhưng có thể phát triển lớn mạnh, sẽ có thể chiến thắng được những sự việc cương cường (rắn chắc); còn những sự việc tàn tạ ở vào trạng thái nhu nhược, tất nhiên dần dần sẽ đi tới diệt vong, thì không thể chiến thắng được những sự vật cương cường. Nhưng cái điều Lão Tử đã răn đe kẻ thống trị, cậy mạnh mà đối xử tàn bạo là điều không thể kéo dài lâu được, quan điểm này có thể chấp nhận được.

NGUYỄN VĂN Tương dục hấp chi), tất cố trường chi(2), Tương dục nhược chi, tất cố cường chi; Tương dục phế chi, tất cố hưng chi; Tương dục

thủ chi, tất cố dữ chi(3) Thị vi vi minh(4), nhu nhược thắng cường cường. Ngư bất khả thoát(5) ư yên, quốc chi lợi khi bất khả dĩ thị nhân(6).

Chú giải:

(1) Hấp: Thu lại, hợp lại.

(2) Cố: Tạm thời.

(3) Dữ: Dùng như chữ “dư”, là cho.

(4) Vi minh: Sự thông minh không nhìn thấy, tức là sự thông minh thâm trầm. Điểm dự báo sâu xa, điểm dự báo vi diệu.

(5) Thoát: Thoát ly, rời khỏi.

(6) Lợi khí: Chỉ hình pháp cấm lệnh.

Thị nhân: Cho mọi người xem, khoe với mọi người.

Dịch văn:

Sắp sửa thu hẹp nó thì cần phải tạm thời mở rộng nó;

Sắp sửa làm cho nó yếu, thì cần phải tạm thời làm cho tăng mạnh lên;

Sắp sửa phế bỏ nó, thì cần phải tạm thời bắt đầu sử dụng nó;

Sắp sửa cướp đoạt nó, thì cần phải tạm thời ban cho nó;

Đó chính là điểm báo trước huyền bí, nhu nhược chiến thắng cường cường.

Sự sinh tồn của cá không thể rời khỏi vực sâu, hình pháp cấm lệnh của nhà nước không thể dùng để khoe khoang uy hiếp nhân dân được.

CHƯƠNG BA MƯƠI BẢY

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử dùng việc giảng giải tác dụng của "Đạo" để biểu đạt ý tưởng chính trị “Vô vi nhi vô bất vi” của ông. Với cách nhìn của Lão Tử, kẻ thống trị có thể dựa vào phép tắc của "Đạo" để nắm giữ chính quyền, thuận theo tự nhiên, không tham gia can dự bừa bãi, thì dân chúng sẽ có thể sinh trưởng, nếu phát sinh ra sự ham muốn thì sẽ có "Đạo" xuất hiện ra để trấn giữ thu phục. Dân chúng không có sự tham dực thì sẽ được yên ổn, thiên hạ cũng sẽ tự nhiên được yên ổn. Lý tưởng chính trị của Lão Tử tuy là

ảo tưởng không có khả năng thực hiện được, thế nhưng ông đã bắt kẻ thống trị phải dựa vào phép tắc của "Đạo" để nắm vững chính quyền, không được làm càn làm bậy, không được gây nguy hại cho dân chúng, thì vẫn là điều có ý nghĩa tích cực.

NGUYỄN VĂN

"Đạo" thường vô vi vô bất vi (1)

Hầu Vương nhược năng thủ chi(2), vạn vật tương tự hóa (3)

Hóa nhi dục tái(4), ngô đương trấn chi vô danh chi phác).

Trấn chi dĩ vô danh chi phác, phủ tương bất dục. Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự định.

Chú giải:

(1) Vô vi: Chỉ tác dụng của "Đạo" thuận ứng theo tự nhiên, không làm càn. Vô bất vi: Vạn vật đều do "Đạo" sinh ra, không có thứ gì không do "Đạo" làm ra.

(2) Chi: Chỉ "Đạo".

(3) Vạn vật: Chỉ dân chúng. Tự hóa: tự sinh tự trưởng tự phát triển.

(4) Dục: Chỉ lòng tham.

(5) Phác: Hình dung sự chân thật chất phác của "Đạo".

Dịch văn:

"Đạo" vĩnh viễn là thứ thuận ứng theo tự nhiên mà không làm trái quy luật tự nhiên, thế nhưng lại không có sự vật nào không do "Đạo" sinh ra.

Vua chúa nếu có thể dựa vào phép tắc của "Đạo" để quản lý chính quyền, thì dân chúng sẽ tự sinh tự trưởng và được phát triển đầy đủ.

Khi dân chúng được tự sinh tự trưởng, nếu có lòng tham muốn phát sinh thì ta phải dùng sự chân thật chất phác của "Đạo" để trấn áp khuất phục.

Dùng sự chân thật chất phác của "Đạo" để trấn áp khuất phục, thì sẽ không có thể có lòng tham muốn nữa.

Dân chúng không có lòng tham muốn thì sẽ được yên ổn, tự nhiên thiên hạ sẽ được thái bình.

CHƯƠNG BA MƯƠI TÁM

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử tiến thêm một bước luận thuật về quan điểm chính trị “Vô vi nhi vô bất vi”. Với cách nhìn của Lão Tử, “Đạo” là thứ “vô vi nhi vô bất vi”, thuộc tính của “Đạo” biểu hiện ra ở “Đức”. Tất cả mọi hành vi phù hợp với “Đạo”, chính là có đức; tất cả những hành vi không phù hợp với “Đạo” chính là thất đức. “Đạo” với “Đức” không thể tách rời nhau được, thế nhưng lại không hoàn toàn nhất trí, “Đạo” có sự phân thượng hạ, “thượng Đức” phù hợp với “Đạo”, “hạ Đức” thì có sự xa rời lệch hướng. “Nhân”, “Nghĩa”, “Lễ” đều là thứ được xuất hiện sau khi đã “thất Đạo”, “thất Đức”, đây là thứ không thể chấp nhận được. Lão Tử không hiểu được, “Nhân”, “Nghĩa”, “Lễ” cố nhiên có cá tính trói buộc con người, có một mặt phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị, thế nhưng trong điều kiện lịch sử nhất định, “Nhân”, “Nghĩa”, “Lễ” cũng có một mặt khác quy phạm được hành vi tư tưởng con người, có tác dụng tích cực đối với việc duy trì trật tự xã hội. Có điều, Lão Tử công kích kẻ thống trị lợi dụng “Nhân”, “Nghĩa”, “Lễ” để làm ngu muội dân chúng, đó là điều đáng trúng điểm trọng yếu, đã khiến cho người phải suy nghĩ sâu sắc.

NGUYÊN VĂN

Thượng đức bất đức(1), thị dĩ hữu đức; Hạ đức bất thất đức(2), thị dĩ vô đức (3)

Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi(4); Hạ đức vô vi nhi hữu dĩ vi(5)

Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi; Thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi.

Thượng lễ vi chi nhị mạc chi ứng tắc thường tí nhi nhưng chi(6)

Cố thất đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân,

thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ.

Phu lễ giả, trung tín nhi bạc”, nhi loạn chi thủ (8)

Tiền thức giả), đạo chi hoa(10), nhi ngu chi thủy.

Thị dĩ đại trượng phu xử kì hậu, bất cư kì bạc; Xử kì thực, bất cứ kì hoa.

Cố khứ bị thủ thử

Chú giải:

- (1) Bất đức: Không biểu hiện “Đức” trên mặt hình thức.
- (2) Bất thất đức: “Đức” không thoát ly trên mặt hình thức.
- (3) Vô đức: Không có cách gì thể hiện ra “Đức” chân chính.
- (4) Vô dĩ vi: Không có lòng dạ hành động, không cố ý hành động. “Dĩ” là cố ý, có tâm dạ.
- (5) Hữu dĩ vi: Có lòng dạ hành động.
- (6) Nhường tí: Dùng sức mạnh ném đi. (7) Bạc: Không đủ.
- (8) Thủ: Khởi đầu, mở đầu.
- (9) Tiên thức giả: Người có tiên kiến sáng suốt, còn gọi là tiên tri.
- (10) Hoa: Phô trương hào hoa.

Dịch văn:

Người “thượng Đức” không những chỉ biểu hiện “Đức” trên mặt hình thức, vì vậy thực sự là người có “Đức”. Người “hạ Đức” thì chỉ biểu hiện “Đức” trên mặt hình thức mà không thoát ly, vì vậy thực sự là người không có “Đức”.

Người “thượng Đức” chỉ thuận ứng theo tự nhiên mà không biểu hiện ra “Đức”.

"Nhân" được biểu hiện ra của người, “thượng Nhân” lại không phải là cố ý. “Nghĩa” được biểu hiện ra của người “thượng Nghĩa” mới là cố ý.

Người “thượng Lễ” biểu hiện ra "Lễ" mà không có người hưởng ứng, tức là đã thò cánh tay ra khiến cho mọi người phải miễn cưỡng theo.

Cho nên mất đi “Đạo” rồi sau mới có “Đức”, mất đi “Đức” rồi sau mới có "Nhân", mất đi "Nhân" rồi sau mới có "Nghĩa", mất đi "Nghĩa" rồi sau mới có "Lễ". "

Thứ được gọi là "Lễ" này là sản vật không đầy đủ của Trung Tín, là nhân tố khởi đầu của tai họa và loạn lạc.

Cái gọi là sáng suốt của bậc tiên tri, chẳng qua chỉ là sự hư trương hào hoa của “Đạo”, là sự bắt đầu của ngu nguội.

Cho nên những bậc đại trượng phu lập thân thuần hậu, không làm những điều bạc bẽo; giữ lòng thành thật chất phác, không làm những điều hào hoa giả dối.

Cho nên cần phải vứt bỏ những điều bạc bẽo hào hoa giả dối, mà giữ lấy đức thuần hậu chất phác.

CHƯƠNG BA MƯƠI CHÍN

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, Lão Tử luận thuật tới tác dụng của "Đạo", vạn vật trời đất đều bắt nguồn từ "Đạo"; nếu để "Đạo" mất đi, thì vạn vật trời đất sẽ không thể tiếp tục tồn tại được. Lão Tử khuyên rằng kẻ thống trị, từ quan điểm của "Đạo" và xét, sang lấy hèn làm gốc rễ, cao lấy thấp làm nền tảng, không có dân chúng làm gốc rễ, làm nền tảng, thì sẽ không có vua chúa cao quý. Vua chúa không nên truy cầu sự tôn vinh ca ngợi, cũng chẳng nên nghĩ tới việc có ngọc đẹp làm gì, mà thà cứ làm tảng đá rắn chắc còn tốt hơn.

NGUYỄN VĂN

Tích chi đắc nhất giả

Thiên đắc nhất dĩ thanh; Địa đắc nhất dĩ ninh; Thần đắc nhất dĩ linh(2),

Cốc đắc nhất dĩ doanh;

Vạn vật đắc nhất dĩ sinh;

Hầu vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ

trình (3)

Kì chí chi dã(4), vị thiên vô dĩ thanh(5), tương khủng liệt;

Địa vô dĩ ninh, tương khủng phê;

Thần vô dĩ linh, tương khủng yết(6) Cốc vô dĩ doanh, tương khủng diệt(); Vạn vật vô dĩ sinh, tương khủng diệt; Hầu vương vô dĩ trình, tương khủng quyết(®) Cổ quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ. Thị dĩ hầu vương tự xưng cô, quả, bất cốc(9) Thử phi dĩ tiện vi bản da? Phi hồ? Cổ chí dự vô dự (10)

Thị cổ bất dự như ngọc(11), lạc lạc như thạch (12)

Chú giải:

(1) Đắc nhất: Tức là Đắc “Đạo”.

(2) Thần: Chỉ người.

Linh: Linh tính, linh diệu, cổ nhân đã từng nói con người là linh hồn của vạn vật.

(3) Trinh: Thủ lĩnh.

(4) K7 chí chi: Suy ra mà nói.

(5) Vị: Giả sử nói.

(6) Yết: Tiêu thất, đình chỉ, tuyệt diệt.

(7) Kiệt: Khô kiệt, cạn khô.

(8) Quyết: Đổ ngã, trắc trở, thất bại.

(9) Cô, quả, bất cốt: Các đế vương thời cổ đại tự xưng là “Cổ”, “Quả nhân”, “Bất Cốt” tức là bất thiện.

(10) Chí dự vô dự: Vinh dự tối cao không cần phải tôn vinh ca ngợi.

(11) Lục lục: Hình dung ngọc đẹp.

(12) Lạc lạc: Hình dung đá rắn.

Dịch văn:

Từ trước đến nay phàm là những thứ giành được "Đạo" thì:

Trời giành được "Đạo" thì trong sáng

Đất giành được "Đạo" thì yên ổn;

Người giành được "Đạo" thì có linh diệu;

Dòng sông giành được "Đạo" thì tràn đầy nước chảy;

Vạn vật giành được "Đạo" thì sinh trưởng;

Hầu vương giành được "Đạo" thì làm thủ lĩnh thiên hạ;

Suy rộng ra mà nói, trời không thể giữ được sự trong sáng ta e rằng sẽ đổ sập tan nát;

Đất không thể giữ vững được yên ổn, e rằng sẽ chấn động mà vỡ tung.

Người không thể giữ vững được linh tính, e rằng sẽ tuyệt diệt.

Lòng sông không thể giữ vững được nước chảy, e rằng sẽ phải khô hạn;
Vạn vật không thể bảo đảm được sinh trưởng e rằng sẽ bị tiêu diệt;
Hầu vương không thể giữ vững được địa vị thủ lĩnh, e rằng sẽ bị lật đổ.
Cho nên sang lấy hèn làm gốc rễ, cao lấy thấp làm nền tảng.
Hầu vương (vua chúa) tự xưng là “Cổ”, “Quả”, “Bất Cốc”.
Đó chẳng phải là sang lấy hèn làm gốc rễ hay sao? Không phải thế ư?
Cho nên vinh dự tối cao không cần phải tôn vinh ca ngợi.
Không nên muốn làm ngọc đẹp, mà lên làm đá rắn lại càng tốt hơn.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, Lão Tử dùng ngôn ngữ cực kỳ tinh giản, để giảng phép tắc vận động tiến hóa của "Đạo", cùng với tác dụng sản sinh ra vạn vật trong thiên hạ của "Đạo". Văn tự tinh luyện, hàm nghĩa phong phú.

NGUYÊN VĂN

Phản giả "Đạo" chi động(), nhược giả "Đạo" chi dụng (2).

Thiên hã vạn vật ư hữu (3), hữu sinh ư vô (4)

Chú giải:

(1) Phản: Tuần hoàn qua lại.

(2) Nhược: Nhỏ, nhỏ bé, chỉ tác dụng của "Đạo" là vô hình nhỏ tới mức không nhìn thấy, thế nhưng lại là thứ tồn tại đích thực.

(3) Hữu: Chỉ chất hữu hình của "Đạo". Xem chú thích ở chương Một.

(4) Vô: Chỉ chất vô hình của "Đạo". Xem chú thích ở chương Một.

Dịch văn:

Sự biến hóa vận động của "Đạo" là sự tuần hoàn quay vòng trở lại, tác dụng của "Đạo" nhỏ bé và vô hình.

Vạn vật trong thiên hạ sản sinh ra một chất hữu hình có thể nhìn thấy, chất hữu hình có thể nhìn thấy sản sinh ra bởi chất vô hình không thể nhìn thấy.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI MỐT

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, trước tiên Lão Tử giảng giải thái độ “Văn "Đạo”” kẻ sĩ hạng trên, hạng trung và hạng dưới không giống nhau; tiếp đó ông dẫn dùng những lời mà cổ nhân đã nói qua, liệt kê ra một hệ thống sự vật song phương cấu thành mâu thuẫn, vừa là đôi bên khác nhau, đối lập với nhau, vừa là đôi bên nương tựa vào nhau để tồn tại, đôi bên có tính thống nhất với nhau; Từ quan điểm mâu thuẫn, nói rõ sự trái ngược nhau mà lại ăn khớp với nhau, đó là sự thể hiện quy luật của "Đạo" với "Đức". Chỉ có "Đạo" mới có thể khiến cho vạn vật tốt đẹp trọn vẹn trước sau.

NGUYÊN VĂN

Thượng sĩ văn Đạo, cần nhi hành chi;

Trung sĩ văn Đạo, nhược tồn nhược vong Hạ sĩ văn Đạo, đại nhi tiểu chi. Bất tiểu bất túc dĩ vi Đạo!

Cố kiến ngôn(1) hữu chi:

Minh Đạo nhược muội; Tiến Đạo nhược thoái; Di Đạo nhược loại(2)

Thượng Đức nhược cốc; Đại bạch nhược nhục (3),

Quảng Đức nhược bất túc; Kiến Đức nhược thâm(4); chất chân nhược du(s)

Đại phương vô ngưng(6); Đại khí văn thành; Đại âm hi thanh; Đại tượng vô hình.

Đạo ẩn vô danh.

Phu duy Đạo, thiện đại tha thành

Chú giải:

(1) Kiến ngôn: Lập ngôn. Ý nghĩa ở đây là, tự cổ những người lập ngôn đã nói qua những lời như thế.

(2) Di: Bình thân; Loại: Gập ghềnh, trắc trở.

(3) Đại bạch nhược nhục: Nhục là vết bẩn màu đen. Câu này ở sau câu “Thượng đức nhược cốc”, ý câu tựa như không thông thuận. Căn cứ vào các

thuyết của nhiều nhà chú thích, câu “Đại Bạch nhược nhục” nên đứng trước câu “Đại phương vô ngung” thì thỏa đáng hơn.

(4) Kiến: Chữ “Kiến” này dùng như chữ “kiện” (khỏe mạnh) chữ “thâu” ở đây phải giải thích là chữ “đọa”(lười). “Kiến đức nhược thâu” có nghĩa là: "Đức" rắn chắc khỏe mạnh giống như dáng vẻ đỗi đọa (uể oải, biếng nhác).

(5) Du: Đây có ý là bản đục, hỗn độn.

(6) Ngung: Góc tường, ni xó xỉnh. “Đại phương vô ngung”, có ý nghĩa là đồ vật vuông vắn nhất nhưng lại không có góc cạnh.

(7) Đại: Có nghĩa là cho; nghĩa bóng là giúp đỡ, phò trợ. Mã Vương Đồi bạch thư ất bản ghi là “Phu duy Đạo, thiện đại tả thiên thành”. Đôn Hoàng bản “Đại” ghi là “Thủy”(bắt đầu). Ý nghĩa câu “Thiện đại tả thiên thành” là: “Đạo” khiến cho vạn vật tốt từ đầu chí cuối, mà vạn vật từ đầu chí cuối cũng không thể tách khỏi "Đạo" được.

Dịch văn:

Kẻ sĩ hạng trên nghe xong lý lẽ của "Đạo", cố gắng thực hành theo;

Kẻ sĩ hạng trung nghe xong lý lẽ của "Đạo", bán tín bán nghi;

Kẻ sĩ hạng thấp nghe xong lý lẽ của "Đạo" bèn cho là trống rỗng, rồi bật cười ha hả. Nhưng nếu không bị cười mỉa mai thì không đủ cho đó là "Đạo".

Cho nên những người lập ngôn thời cổ đã thấy rõ điều này qua câu nói sau:

"Đạo" sáng láng tựa như mờ tối; "Đạo" tiên tiến tựa như tụt hậu; "Đạo" bằng phẳng tựa như gồ ghề.

"Đức" cao cả tựa như khe suối thấp; "Đức" rộng lớn tựa như không đầy đủ; "Đức" rắn khỏe mạnh tựa như uể oải biếng nhác, "Đức" thuần hậu chất phác tựa như hỗn độn u minh.

Những vật trong trắng nhất mà lại hàm chứa có vết bẩn; những vật vuông vắn nhất mà lại không có góc cạnh; những đồ vật quý giá nhất luôn luôn được chế thành sau cùng; những âm thanh vang dội nhất mà lại nghe không thấy tiếng; những hình tượng lớn nhất mà lại như vô hình.

"Đạo" luôn luôn ở trong bóng tối không hiện ra, không có tên tuổi, chẳng có thanh âm.

Thế nhưng chỉ có "Đạo" mới có thể khiến cho vạn vật tốt đẹp tròn vẹn trước sau.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI HAI

ĐỀ GIẢI

Phần nửa đầu của chương này giảng về: Vũ trụ sinh thành luận. “Nhất”, “Nhị”, “Tam” mà Lão Tử nói, để chỉ quá trình “Đạo” là sáng tạo của ra vạn vật. Nguồn gốc chung của vạn vật là “Đạo” của “hỗn nhi vi nhất”; nên đối với trăm kiểu ngàn dáng của vạn vật mà nói, “Đạo” là thứ độc nhất vô nhị. Thế nhưng bản thân của “Đạo” thì trời lại phú cho hai mặt đối lập lẫn nhau, tức là âm dương nhị khí, cũng chính là “nhị”. Sự giao xung dung hợp của hai khí âm dương đã cấu thành một thể thống nhất mới, cũng chính là “Tam”. “Tam” không có nghĩa là một sự vật cụ thể, mà là chỉ hình thái của vạn vật khác nhau. Vũ trụ sinh thành luận của Lão Tử là duy nhất, mà không phải thần sáng tạo ra.

Phần thứ hai của chương này giảng giải về sự vật trái ngược nhau mà lại ăn khớp với nhau, mâu thuẫn song phương vừa đối lập với nhau vừa thống nhất với nhau. Mâu thuẫn song phương thực ra không phải là bất biến mà là có thể chuyển hóa lẫn nhau, điều này cũng đã phản ánh tư tưởng biện chứng pháp của Lão Tử.

NGUYỄN VĂN

“Đạo” sinh nhất(), nhất sinh nhị(2), nhị sinh tam (3) tam sinh vạn vật.

Vạn vật phụ âm nhi bảo dương(4), xung khí di vi hòa(5)

Nhân chi sở ố, duy Cô, Quả, Bất Cốc), nhị vương công dĩ vi xưng.

Cố vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tổn. Nhân chi sở giáo, giáo diệc giáo chi.

Cường lương giả bất đắc kì tử, ngô tương dĩ vi giáo phụ

Chú giải:

(1)Nhất: Thể thống nhất. Lão Tử cho rằng “Đạo” là tuyệt đối không có đôi, dùng chữ số để biểu thị tức là “nhất”.

(2) Nhị: Lão Tử cho rằng “nhất” của thể thống nhất là cơ sở và nguồn gốc của “Đạo”, còn bản thân của “Đạo” thì bao hàm cả hai phương diện đối lập như hữu vô, động tĩnh, cao thấp, âm dương v.v... Đó là phạm trù đối lập mà lại ăn khớp nhau, đều bao quát trong thể thống nhất của “nhất”. Thể thống nhất mà âm dương nhị khí dùng con số để biểu thị, chính là “nhị”.

(3) Tam: Chính là vật thứ ba - Hòa khí, do hai phương diện đối lập nhau, va đập giao xung lẫn nhau mà sinh ra, từ đó đã sinh thành ra vạn vật.

(4) Phụ âm nhi bảo dương: Ý nghĩa là quay lưng lại âm mà hướng theo dương.

(5) Xung khí dĩ vi hòa: “Xung” là giao xung đập dềnh nhấp nhô. Ý nghĩa của câu này là hai khí âm dương giao xung lẫn nhau mà trở thành trạng thái hài hòa đều nhau, tức là hình thành một thể thống nhất mới.

(6) Xem chú giải) ở chương Ba mươi chín.

(7) Ý nghĩa của đoạn văn từ “nhân chi sở ố” đến “Ngô tương dĩ vi giáo phụ” tựa như không nhất trí với phần nửa trước, nên nghi là của chương Ba mươi chín đưa sai vào chương này.

Dịch văn:

“Đạo” là thứ độc nhất vô ngẫu, bản thân “Đạo” bao hàm hai khí âm dương; hai khí âm dương giao xung lẫn nhau để hình thành ra vật thứ ba, tức là trạng thái đều đặn hài hòa, vạn vật được sinh ra trong trạng thái này.

Vạn vật quay lưng lại âm mà hướng theo dương; hơn thế, trong tình hình không ngừng giao xung của hai khí âm dương mà hình thành ra thể thống nhất mới.

Thứ mà mọi người chán ghét nhất chính là “Cổ”, “Quả”, “Bất Cốc”, thế nhưng các ông vua lại dùng những chữ này để xưng hô mình.

Cho nên đối với mọi sự vật, nếu giảm bớt nó có khi lại được tăng thêm, còn tăng thêm nó có khi lại giảm bớt.

Người khác dạy dỗ ta như vậy, ta cũng đi dạy dỗ người khác như vậy.

Những kẻ cường bạo không được chết tốt lành, ta dùng lời nói này để làm tôn chỉ thực hành giáo dục.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI BA

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải trong chương này là tác dụng của “Nhu nhược” và ích lợi của “Vô vi”, đã biểu hiện rõ tư tưởng nhu nhược có thể thắng được cương cường của Lão Tử. Với con mắt nhìn của Lão Tử thì bên trong những thứ nhu nhược nhất lại đang tích lũy sức mạnh to lớn mà con người không nhìn thấy, khiến cho những thứ kiên cường nhất cũng không có cách gì địch nổi. Tác dụng mà “Nhu nhược” phát huy ra là ở “Vô vi”. Lão Tử cho rằng, hiểu được tác dụng của “Nhu nhược” và hữu ích của “Vô vi”, rất ít người trong thiên hạ có thể làm được.

NGUYỄN VĂN

Thiên hạ chi chí nhu, trì sinh thiên hạ chi chí kiên.

Vô hữu nhập vô gián(), ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích.

Bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích, thiên hạ hĩ cập chi(2).

Chú giải:

(1)Vô hữu: Chỉ những thứ không nhìn thấy hình bề ngoài. Vô gián: Không có khoảng trống.

(2) Thiên hạ hi cập chi: Hi là ít, thiếu.

Ý nghĩa câu này là: Rất ít người trong thiên hạ có thể làm được.

Dịch văn:

Những thứ mềm yếu nhất trong thiên hạ, thì có thể xuyên qua lại bên trong những thứ cứng rắn nhất trong thiên hạ.

Sức mạnh vô hình có thể xuyên qua vật hữu hình không có khoảng trống rỗng, vì vậy ta biết rõ được ích lợi của “Vô vi”

Sự dạy dỗ “bất ngôn”, ích lợi của “Vô vi” trong thiên hạ, rất ít người có thể làm được điều này.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI TƯ

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, điều mà Lão Tử tuyên truyền là nhân sinh quan như sau: Con người cần phải quý cuộc sống trọng bản thân, đối đãi với danh lợi cần vừa độ, tri túc tri lạc như vậy mới có thể tránh được gặp phải nguy nan; nếu làm trái ngược lại, phấn đấu không tiếc thân vì danh lợi, tranh danh đoạt lợi thì cuối cùng tất nhiên sẽ rơi vào kết cục thân bại danh liệt. Với cách nhìn nhận của Lão Tử, tham cầu danh lợi càng nhiều, cái giá phải trả cũng sẽ ngày càng đắt hơn; của cải tích lũy càng nhiều thì cái mất đi cũng sẽ càng lắm. Vì vậy Lão Tử đã cảnh cáo: Những kẻ nắm giữ quyền bính, không được say đắm với đất nước người khác. Đối với của cải giàu có cũng không được biểu hiện ra ham muốn chiếm hữu mãi mãi, mà cần phải "tri túc", "tri chỉ". Vì chỉ có "tri túc", "tri chỉ" mới có thể "bất nhục", "bất đãi", mới được sống yên ổn dài lâu.

NGUYỄN VĂN

Danh dữ thân thực thân? Thân dữ hóa thực đa()? Đắc dữ vong thực bệnh(2)?.

Thậm ái tất đại phí(3), đa tàng tất hậu vong.

Cổ tri túc bất nhục (4), tri chỉ bất đãi, khả dĩ trường cửu.

Chú giải:

(1) Hóa: Của cải giàu có, nhiều.

(2) Đắc dữ vong thực bệnh: Đắc: chỉ danh lợi; Vong: chỉ đánh mất sinh mệnh; Bệnh: Có hại.

(3) Bản in ngày nay ở đằng trước câu "Thậm ái tất đại phí" có hai chữ "thị cổ", còn sách lục đạo được tại Mã Vương Đồi thì không có hai chữ này, cho nên có thể bỏ đi.

(4) Sách lục đạo Mã Vương Đồi có chữ "Cổ" ở trước câu "Tri túc bất nhục", căn cứ vào đó nên bổ sung vào.

Dịch văn:

Đem so sánh thanh danh và sinh mệnh thì thứ nào thân thiết hơn? So sánh mệnh và của cải giàu có thì thứ nào nên quý trọng hơn? So sánh việc

được danh lợi và mất sinh mạng thì thế nào có hại hơn?

Quá tham cầu danh lợi nhất định phải trả giá càng nhiều hơn; quá vơ vét tích lũy của cải, nhất định sẽ góp phải tổn thất càng thảm hại nghiêm trọng hơn.

Cho nên nói, biết thỏa mãn thì sẽ không vấp phải sự nhục nhã; biết vừa phải thì sẽ không gặp phải nguy hiểm, như vậy mới có thể thấy được bình an lâu dài

CHƯƠNG BỐN MƯƠI LĂM

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử đã miêu thuật sự đối lập nhau mà lại ăn khớp với nhau của sự vật, và sự không nhất trí của hiện tượng bên ngoài với thực chất, để biểu đạt rõ tư tưởng biện chứng pháp của mình. Dem tư tưởng này vận dụng vào công việc chính trị, thì chính là "Vô vi nhi vô bất vi", "Vô vi" có thể đạt được mục đích của "Hữu vi".

NGUYỄN VĂN

Đại thành nhược khuyết), kì dụng bất tệt;

Đại doanh nhược xung(2), kì dụng bất cùng. Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột(3).

Tào thẳng hàn(4), tĩnh thẳng nhiệt.

Than tinh vi thiên hạ chính(5)

Chú giải:

(1) Đại thành: Những thứ hoàn hảo mỹ mãn nhất.

(2) Xung: Hư không. Ý nghĩa của "Đại doanh nhược xung" là những thứ đủ nhất thì lại hình như hư không trống rỗng.

(3) Nột: Nói năng không giỏi.

(4) Táo: Động tác, làm náo động.

(5) Vi thiên hạ chính: Chữ "chính" dùng như chữ "chính trị", ý nghĩa của câu này là "Thanh tịnh vô vi mới có thể trị được thiên hạ".

Dịch văn:

Những thứ hoàn hảo mỹ mãn nhất lại tựa hồ như vẫn còn khiếm khuyết, thế nhưng tác dụng của nó không thể suy kiệt được;

Những thứ dồi dào nhất lại hình như vẫn còn trống rỗng thế nhưng tác dụng của nó không thể tận cùng được.

Những thứ thẳng lại tựa như vẫn còn cong queo, những thứ tinh nhanh nhất lại tựa như vẫn còn đần độn, những người hùng biện nhất lại tựa như vẫn không giỏi nói năng.

Không ngừng vận động có thể chiến thắng được giá lạnh, yên tĩnh có thể khắc phục được mùa hè nóng bức.

Thanh tịnh vô vi mới có thể thống trị được thiên hạ.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI SÁU

ĐỀ GIẢI

Ở chương này diễn đạt tư tưởng phản đối chiến tranh của Lão Tử. Với cách nhìn của ông, thiên hạ có “Đạo” mới không phát sinh chiến tranh, còn thiên hạ vô “Đạo” thì sẽ phát sinh ra chiến tranh, gây ra những tai họa vô cùng nghiêm trọng cho nhân dân. Nguyên nhân dân tới chiến tranh bởi tại giai cấp thống trị quá tham muốn, mà không tri túc. Kiến giải như thế quả thật rất sâu sắc. Thế nhưng kết luận tri túc thường lạc của Lão Tử lại không khoa học, bởi đó là biểu hiện của chủ nghĩa duy tâm lịch sử. Có điều, khi ông cho rằng vì lòng tham vô đáy của giai cấp thống trị đương thời nên đã tạo ra tai họa chiến tranh, thì có thể khẳng định kết luận của Lão Tử là một sự phản đối mạnh mẽ đối với giai cấp thống trị.

NGUYÊN VĂN

Thiên hạ hữu Đạo, khước tẩu mã dĩ phẫn(-) Thiên hạ vô Đạo, nhưng mã sinh ư giao(2)

Họa mạc đại ư bất tri túc, cữu mạc đại ư dục đắc. Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ.

Chú giải:

(1) Tẩu mã dĩ phẫn: “Phẫn” (“phẫn” dùng lẫn với “bá” là canh tác trồng trọt, làm ruộng). “Tẩu mã dĩ phẫn” chỉ dùng ngựa chiến đem đi cày ruộng.

(2) Nhung mã sinh ư giao: Nhung mã là ngựa chiến; sinh ư giao: Chỉ ngựa mẹ sinh ra ngựa con ở ngoài chiến trường.

Dịch văn:

Nền chính trị của quốc gia bước vào nề nếp là phải đem ngựa chiến trả về cho nông dân cày đất trồng trọt; nền chính trị của quốc gia không đi vào nề nếp thì ngay đến con ngựa mang thai cũng bị trưng dụng đem đi tác chiến.

Tai họa không có gì to lớn hơn là không biết thỏa mãn; tội lỗi không gì to lớn hơn là lòng tham vô đáy. Cho nên, người biết thỏa mãn mới là người được thỏa mãn mãi mãi.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI BẢY

ĐỀ GIẢI

Điều được giảng ở trong chương này là nhận thức luận, diễn đạt tư tưởng thanh tịnh vô vi của Lão Tử. Với cách nhìn của ông thì những nhận thức từ kinh nghiệm ngoại tại đều không thể chấp nhận được, bởi vì nó sẽ làm rối loạn tâm linh con người, mà chỉ khi bản thân tự hạ quyết tâm tu dưỡng, thì mới lĩnh ngộ được “Thiên Đạo”, hiểu biết được quy luật phát triển tiến hóa của vạn vật trong thiên hạ. Điều này cho thấy nhận thức luận của Lão Tử đã hoàn toàn phủ nhận tác dụng của thực tiễn, nên nó không khoa học, và duy tâm chủ nghĩa.

NGUYÊN VĂN

Bất xuất hộ, tri thiên hạ; Bất khuy dụ), khiến thiên “Đạo”(2). Kì xuất di viễn, kì tri di thiếu.

Thị dĩ Thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi minh, bất vi nhi thành
(3)

Chú giải:

Khuy: Nhìn qua khe lỗ nhỏ; Dụ: Cửa sổ.

(1) Bất khuy dụ: Không nhìn ra bên ngoài cửa sổ. (2) Thiên đạo: Quy luật vận hành của mặt trăng mặt trời và các vì tinh tú.

(3) Bất vi nhi thành: Câu này không có nghĩa là không làm việc gì cả, mà là “vô vi”, nghĩa là không làm càn làm bậy.

Dịch văn:

Không ra khỏi cửa nhà mà vẫn có thể hiểu được lẽ phải trong thiên hạ; không nhìn ra bên ngoài mà vẫn có thể nhận thức được quy luật vận hành của mặt trời mặt trăng và các vì tinh tú. Bôn ba ở bên ngoài càng xa, thì đạo lí hiểu biết của anh ta lại càng ít.

Cho nên, các thánh nhân có “Đạo”, dù không đi ra ngoài mà vẫn có thể hiểu biết được lẽ phải, không ngẫm xem xét mà có thể biết được “Đạo trời”, không làm càn mà vẫn có thể có thành tựu.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI TÁM

ĐỀ GIẢI

Trong chương này, đầu tiên là giảng giải về sự khác nhau của “Vi học” và “Vi đạo”, sau đó lại giảng giải về ý nghĩa của “Vi đạo”. Cái gọi là học ở đây, đã chỉ ra là: “chính giáo Lễ Nhạc chi học”. Với cách nhìn nhận của Lão Tử, nếu học loại này càng nhiều thì lòng ham muốn riêng tư, cách nhìn nhận xằng bậy, sẽ lớp lớp hiện ra không bao giờ hết. “Vi đạo” thì sẽ không như vậy, nó sẽ làm giảm bớt những ham muốn riêng tư, cách nhìn nhận xằng bậy, và tăng cường được sự chân thật chất phác của tự nhiên. Không ngừng trừ bỏ những ham muốn riêng tư và cách nhìn nhận xằng bậy, để ngày càng quay trở về với trạng thái chất phác chân thành giống như trẻ thơ, cuối cùng sẽ đạt tới ranh giới của “Vô vi”. Chỉ có những người “Thanh tịnh vô vi” không có ham muốn riêng tư và cách nhìn nhận xằng bậy, thì mới có thể cai trị được quốc gia. Những người như vậy không can thiệp bừa bãi vào đời sống của nhân dân, không đem ý chí của mình cưỡng ép mọi người, khiến cho họ được yên vui với nghề nghiệp của mình thì, sẽ thực hiện được thiên hạ thái bình.

NGUYỄN VĂN

Vi học nhật ích(1), vi đạo nhật tổn(2), tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi.

Vô vi nhi vô bất vi(3), thủ (4) thiên hạ thường đi vô sự; Cập kì hữu sự), bất túc dĩ thủ thiên hạ.

Chú giải:

(1) Vi học nhật ích: “Vi học” là chỉ những hoạt động thăm dò, tìm kiếm học vấn của thế giới bên ngoài. “Học” được nói ở đây tức là truy cầu đối với cái gọi là chính giáo, lễ nhạc. Lão Tử cho rằng, việc học tập và tích lũy đối với những học vấn này sẽ khiến cho cơ trí của con người biến thành xảo trá, tình dục bị che đậy ngày càng nhiều thêm, cho nên Lão Tử không tán thành mọi người đi truy cầu những học vấn như vậy.

(2) Vi đạo nhật tổn: “Vi đạo” tức là thông qua phương hướng “huyền lâm”, “tĩnh quan” để thể nghiệm và lĩnh ngộ “Đạo” khi chưa có trạng thái phân hóa của sự vật, tức là “Đạo” của tự nhiên hoặc “Đạo” của “vô vi”. Phối hợp với câu “Vi học nhật ích”, câu “Vi đạo nhật tổn” tức là khiến cho tình dục bị che đậy ngày càng bị hao tổn, tiêu diệt, để đạt tới cảnh giới của “Vô vi”.

(3) Vô vi nhi vô bất vi: Không làm càn làm bậy, hoặc giả nói đã đạt tới cảnh giới của “Vô vi”, “Đạo” rồi thì không có việc gì không thể làm được.

(4) Thủ: Có nghĩa là cai trị, khai hóa. Vô sự tức là không có sự việc bị quấy rối.

(5) Hữu sự: Chỉ nên chính trị phiên nhiều hà khắc, quấy nhiễu nhân dân.

Dịch văn:

Tìm tòi học vấn, che đậy tình dục ngày càng tăng thêm. Tìm tòi “Đạo”, mà che đậy tình dục ngày càng giảm bớt, cuối cùng sẽ đạt tới cảnh giới của “Vô vi”.

Nếu đã đạt tới “Vô vi” rồi thì bất kì việc gì cũng đều có thể làm được. Những người quản lí thiên hạ cần phải luôn luôn lấy việc không quấy nhiễu nhân dân làm gốc của việc trị quốc; Nếu thường xuyên dùng chính sách phiên hà để quấy nhiễu dân chúng thì không xứng đáng cai trị quốc gia.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI CHÍN

ĐỀ GIẢI

Chương này đã biểu đạt rõ lý tưởng chính trị của Lão Tử. Ông cho rằng thánh nhân - người thống trị lý tưởng, không có ý nghĩ cá nhân, lấy ý nghĩ của dân chúng làm ý nghĩ của mình, khiến cho người người đều hướng thiện, đều giữ chữ tín. Đây là tư tưởng rất quý giá. Thế nhưng ông lại chủ trương: Thánh nhân phải ngồi ở trên ngôi cai trị thiên hạ, để khiến cho mọi người đều quay trở về với trạng thái trong sáng ngay thẳng giống như trẻ thơ, thì đó là biểu hiện của duy tâm chủ nghĩa trong lịch sử.

NGUYỄN VĂN

Thánh nhân thường vô tâm(), dĩ bách tính chi tâm vi tâm.

Thiện giả ngô thiện chi; Bất thiện giả, ngô diệt thiện chi, đức thiện(2)

Tín giả, ngô tín chi; Bất tín giả, ngô diệt tín chi, đức tín.

Thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp yên yên vi thiên hạ hồn kì tâm(3), bách tính giai chú kì nhĩ mục(4), Thánh nhân giai hài chi(5)

Chú giải:

(1) Thường vô tâm: Bảo đảm lâu dài không có ý nghĩ cá nhân.

(2) Đức: Mượn dùng làm chữ “đắc” là được.

(3) Hấp: Làm tan biến, chỉ việc làm tan biến tình dục và thiên kiếm cá nhân. Hấp hấp yên, hình dung khi Thánh nhân cai trị thiên hạ cần phải dốc sức tiêu trừ ý niệm dục vọng riêng tư của cá nhân, không để cho tư dục của mình xuất hiện làm chủ, như có nẹp khí ở trong ngực.

(4) Bách tính giai chú kì nhĩ mục: Chỉ dân chúng đều sử dụng sự thông minh, nên đã sinh ra phải trái.

(5) Thánh nhân giai hài chi: Ý nghĩa là Thánh nhân khiến cho dân chúng quay trở về trạng thái chất phác trong sáng giống như trẻ con.

Dịch văn:

“Thánh nhân” không có ý nghĩ riêng tư, lấy ý nghĩ của dân chúng là ý nghĩ của mình.

Người lương thiện, ta đối đãi tốt với họ, người không lương thiện, ta cũng đối đãi tốt với họ, như vậy có thể khiến cho người người đều hướng thiện.

Người giữ chữ tín, ta tín nhiệm họ; người không giữ chữ tín, ta cũng tín nhiệm họ, như vậy có thể khiến cho người người đều giữ chữ tín.

Khi Thánh nhân ngồi ở trên ngôi cai trị thiên hạ, thì khiến cho tâm tư của mọi người trong thiên hạ đều quay về với sự hồn nhiên chất phác. Dân chúng đều chuyên chú vào tai mắt của mình (sử dụng trí khôn khéo để sản sinh ra phải trái). Thánh nhân đã khiến cho họ đều quay trở về trạng thái trong sáng, chất phác giống như đứa trẻ con vậy!

CHƯƠNG NĂM MƯƠI

ĐỀ GIẢI

Chương này cũng thể hiện triết học nhân sinh của Lão Tử. Ông cho rằng, sự trường thọ hoặc đoản mệnh của con người, tuy có những nhân tố tự nhiên nhưng cũng có những nhân tố do con người tạo ra. Cuộc sống quá giàu sang phong phú, tuy muốn sống lâu nhưng lại chết sớm. Nên nếu giỏi né tránh tai họa thì có thể đảm bảo toàn sinh mạng mà sống lâu trường thọ. Điểm này có thể tiếp nhận trong quan điểm của Lão Tử là ở ông chú ý tới những nhân tố do con người làm ra đã ảnh hưởng tới sinh mạng thế nhưng cách nói lại không khoa học.

NGUYỄN VĂN

Xuất sinh thập tử)

Sinh chi đố 2), thập hữu tam(3); Tử chi đố 4), Thập hữu tam; Nhân chi sinh, động chi ư tử địa(), diệt thập hữu tam.

Phu hà cố? Dĩ kì sinh sinh chi hậu

Cái văn thiện nhiếp sinh giả, lục hành bất ngộ tự hổ, nhập quân bất bị giáp binh. Tự vô sở đầu kì giác, hổ vô sở thố kì trảo, binh vô sở dụng kì nhẫn.

Phu hà cố? Dĩ kì vô tử địa.

Chú giải:

(1) Câu này có hai cách giải thích: Một, rời khỏi sự sinh tồn tất nhiên sẽ đi vào chỗ chết; Hai, ra đời là sinh, nhập địa là chết. Ở đây lấy cách giải thích thứ hai.

(2) Sinh chi đồ: Những người trường thọ. Chữ “đồ” giải thích là “loại”.

(3) Thập hữu tam: Ba phần mười, cách nói thông thường là tam thành.

(4) Tử: Chữ “Tử” ở đây giải thích là chết yếu, chết sớm.

(5) Nhân chi sinh, động chi ư tử địa: Ý nghĩa của hai câu này là: Con người vốn dĩ có thể sống lâu dài, thế nhưng lại bất ngờ bước tới cái chết.

Dịch văn:

Con người ra đời gọi là sinh, chôn xuống đất gọi là tử.

Số người thuộc về trường thọ, chỉ chiếm được ba phần mười; số người thuộc về đoản mệnh cũng chiếm ba phần mười; số người vốn dĩ có thể sống được lâu dài, thế nhưng lại tự mình mình bước tới cái chết cũng chiếm ba phần mười.

Tại sao lại có thể như vậy? Bởi nguyên nhân là mong muốn được sống lâu, nên đã phụng dưỡng quá ư phong phú và hậu hĩnh.

Nghe nói, những người giỏi việc nuôi dưỡng bảo hộ sinh mạng của mình, đi lại trên mặt đất sẽ không vấp phải tê giác và mãnh hổ hung ác, trong chiến trường sẽ không vấp phải sát thương. Tê giác không dùng đến sừng của nó, mãnh hổ chẳng dùng đến móng vuốt của nó, binh khí không dùng đến với sắc của nó.

Tại sao lại có thể như vậy? Bởi vì họ không bước vào phạm vi của cái chết.

CHƯƠNG NĂM MƯƠI MỐT

ĐỀ GIẢI

Chương này đã biểu đạt cách nhìn về đạo đức của Lão Tử. Qua con mắt của ông “Đạo” sinh trưởng ra vạn vật, “Đức” dưỡng dục vạn vật, thế nhưng “Đạo” và “Đức” thực ra không can thiệp vào sự sinh sôi nảy nở của vạn vật, mà là thuận theo sự tự nhiên của nó. “Đạo” sinh ra và nuôi dưỡng vạn vật, mà không chiếm làm của riêng, không lấy đó để tự phong cho mình là có công, không can thiệp thêm vào, đó chính là “Đức” sâu xa nhất.

NGUYÊN VĂN

Đạo chi sinh, Đức súc chi, Vật hình chi, Thế thành chi(1).

Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn Đạo nhi quý Đức.

Đạo chi tôn, Đức chi quý, phu mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên(2).

Cổ Đạo sinh chi, Đức súc chi, trưởng chi dục chi, đình chi độc chi(3),
dưỡng chi phúc chi(4).

Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tế, thị vi huyền Đức(5)

Chú giải:

(1) Thế: Đây chỉ hoàn cảnh sinh trưởng của vạn vật.

(2) Mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên: “Đạo” và “Đức” sinh trưởng dưỡng dục vạn vật, nhưng thực ra không phải là “Đạo” và “Đức” có ý muốn can thiệp hoặc chủ tế vạn vật sinh trưởng phát dục, mà là để mặc cho vạn vật tự hóa tự thành.

(3) Đình chi độc chi: Câu này có hai cách giải thích; Một, “đình” giải thích là “an”, “độc” giải thích là “định”, “đình chi độc chi” tức là thành chi thực chi. Căn cứ vào ý của câu văn trên dưới ở đây, thì nên giải thích là thành thực.

(4) Dưỡng chi phúc chi: Dưỡng là yêu quý nuôi dưỡng bảo hộ nuôi dưỡng; Phúc là che phủ, bảo hộ, bảo vệ.

(5) Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị trưởng nhi bất tế, thị vi huyền Đức: Bốn câu này đã thấy ở chương mười, nghi là chương Mười có sự nhầm lẫn đưa xuống đây.

Dịch văn:

“Đạo” sinh trưởng vạn vật, “Đức” dưỡng dục vạn vật, vạn vật thể hiện hình thái muôn màu muôn vẻ, hoàn cảnh khiến cho vạn vật trưởng thành.

Vì vậy, vạn vật không thứ nào không tôn sùng “Đạo” và trân trọng quý mến “Đức”.

Sở dĩ, “Đạo” được tôn sùng “Đức” được trân trọng quý mến, chính là vì “Đạo” và “Đức” không tham gia can thiệp vào sự sinh trưởng, sinh sôi nảy nở đối với vạn vật, mà cứ để cho vạn vật thuận theo tự nhiên.

Sở dĩ “Đạo” sinh trưởng vạn vật, “Đức” dưỡng dục vạn vật, khiến cho vạn vật trưởng thành phát triển, kết quả thành thực, lại tăng cường quý dưỡng

dục và chăm sóc đối với vạn vật.

Để cho vạn vật sinh trưởng phồn thịnh, sinh ra nuôi dưỡng vạn vật mà không chiếm giữ làm của riêng, dốc sức vì vạn vật mà không tự nhận mình có công, nuôi dưỡng vạn vật lớn lên mà không nắm giữ chi phối chúng, đây chính là “Đức” sâu sắc nhất.

CHƯƠNG NĂM MƯƠI HAI

ĐỀ GIẢI

Chương này nói về xã hội đương thời đen tối, phong khí chính trị bại hoại, kẻ thống trị và nhân dân đã hình thành trạng thái đối lập. Ruộng đất bỏ hoang kho tàng trống rỗng, nổi khổ và tai nạn của nhân dân sâu sắc trầm trọng, thế nhưng kẻ thống trị lại vẫn dựa vào quyền thế tùy ý hoành hành, vợ vét bóc lột nhân dân, suốt ngày hoang dâm xa xỉ. Cho nên Lão Tử căm ghét nguyên rủa kẻ nắm giữ chính quyền đương thời là “những tên đầu sỏ ăn cướp”, là “những tên bạo chúa vô đạo”.

NGUYÊN VĂN

Sử ngã giới nhiên hữu tri(1), hành ư đại đạo, duy thi thị úy(2).

Đại đạo thận đi, nhi nhân hiếu kính. Triều thậm trừ (3), điền thậm vu, thương thậm hử, phục văn thái, đối lợi kiểm, yếm ẩm thực (4), tài hóa hữu dư, thị vị đạo vu(s), Phi đạo dã tại!

Chú giải:

(1) Sử ngã giới nhiên hữu tri: Ngã, chỉ những

“Thánh nhân” hữu đạo, Lão Tử mượn lời để nói mình. Giới nhiên, vốn có ý nghĩa là đáng vẻ kiên cố, ở đây có nghĩa là hơi hơi, tí chút.

(2) Duy thi thị úy: Sợ nhất là đi con đường tà (con đường bất chính). Thi là tà.

(3) Triều thậm trừ: Có hai loại giải thích: Một là, cung điện rất chỉnh tề sạch sẽ. Hai là, triều chính cực hủ bại. Theo ý của câu trên dưới, ở đây nên dùng cách giải thích thứ hai.

(4) Yếm ẩm thực: No tới mức không muốn lại ăn nữa. Yếm là thỏa mãn, đủ, no đủ.

(5) Đạo vu: Tức là bọn cướp lớn, cướp đầu sỏ. **Dịch văn:**

Giả sử ta hơi có một chút nhận thức, đi lại trên con đường lớn, thì điều lo lắng duy nhất là sợ bước vào con đường bất chính.

Con đường lớn tuy bằng phẳng, thế nhưng nhà vua lại thích đi tắt trên con đường mòn bất chính. Triều đình hủ bại tới cực độ, ruộng bỏ hoang tất cả, kho tàng hết sức trống rỗng mà vẫn còn mặc những bộ quần áo gấm lụa, vẫn còn đeo những thanh kiếm báu sắc nhọn, vẫn còn ăn những thức ăn ngon, vẫn còn chiếm hữu những của cải giàu có, đây chính là những tên được gọi là đầu sỏ trộm cướp. Thật là vô đạo biết bao!

CHƯƠNG NĂM MƯƠI BA

ĐỀ GIẢI

Điều được giảng giải ở chương này là nguyên tắc, phương pháp và tác dụng của việc tu thân. Với cách nhìn nhận của Lão Tử, nguyên tắc tu thân là điều căn bản của việc lập thân xử thế. Bởi chỉ có củng cố được điều căn bản này thì mới có thể lập thân, vì gia đình, vì quê hương, vì đất nước, vì thiên hạ được, rồi sau đó mới sản sinh ra hiệu quả của “Đức” tương ứng.

NGUYÊN VĂN

Thiện kiến giả bất bạt, thiện lão giả bất thoát, tôn tử di tế bất chuyết(1)

Tu chi ư thân, kì đức nãi chân; Tu chi ư gia, kì đức nãi dư; Tu chi ư hương kì đức nãi trưởng; Tu chi ư bang (2), kì đức nãi bang; Tu chi ư thiên hạ, kì đức nãi phổ.

Cố dĩ than quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ hương quan hương; dĩ bang quan bang, dĩ thiên hạ quan thiên hạ. Ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tại? Dĩ tỉ.

Chú giải:

(1) Chuyết: Đình chỉ, chấm dứt, đoạn tuyệt. (2) Bang: Lại gọi là “quốc”, đất nước. **Dịch văn:**

Người giỏi việc lập nên công trạng thì không thể dao động được, người giỏi việc nắm giữ thì không thể buông rơi được; nếu con cháu có thể tuân theo nguyên tắc này thì sự cúng bái tế lễ đời này qua đời khác sẽ không thể đoạn tuyệt được.

Dem nguyên tắc này giảng giải tới cá nhân, thì “Đức” của họ sẽ trong sáng thuần khiết; giảng giải tới một nhà thì “Đức” của họ sẽ có thể được dồi dào; giảng giải tới một làng, thì “Đức” của họ sẽ nhận được tôn sùng; quán triệt tới một nước thì “Đức” của họ sẽ được phong hậu; quán triệt tới thiên hạ thì “Đức” của họ sẽ được phổ biến.

Cho nên cần phải dùng quan điểm của cá nhân để nhận thức cá nhân, dùng quan điểm của gia đình để nhận thức gia đình, dùng quan điểm của làng xã để nhận thức làng xã, dùng quan điểm của quốc gia để nhận thức quốc gia, dùng quan điểm của thiên hạ để nhận thức thiên hạ. Làm sao ta có thể biết được tình hình của thiên hạ? Chính là bởi vì ta đã dùng những phương pháp cụ thể trên

CHƯƠNG NĂM MƯƠI TƯ

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là triết học xử thế “Vô vi”. Lão Tử cho rằng, những người có đạo đức hàm dưỡng thâm hậu, cũng trong sáng hồn nhiên dịu dàng giống như những đứa trẻ. Và chỉ trong sáng hồn nhiên dịu dàng nội tại thì mới có thể khiến cho tinh thần của con người dồi dào sung mãn, tâm trí ngưng tụ hài hòa, từ đó có thể loại trừ được các loại thương hại ngoại giới và tránh vấp phải bất hạnh. Nếu túng đục tham sinh, sử dụng khí nhiều để tỏ ra mạnh, thì sẽ vấp phải tai ương. “Vật tráng tắc lão”, được gọi là “bất đạo”, “bất đạo” thì sẽ bị diệt vong nhanh chóng.

NGUYÊN VĂN

Hàm đức chi hậu, tử ư xích tử. Độc trùng (1) bất thích, mãnh thú bất cứ, quắc điều bất bác (2), cốt nhược cân nhu nhi ốc cố. Vị trí tần mẩu chi hợp nhi thuyền tác(3), tinh chi chí dã. Chung nhật hiệu nhi bất hạ, hòa chi chí dã.

Tri hòa viết thường(4), tri thường viết minh, th sinh viết tường(5), tâm sử khí viết cường.

Vật tráng tắc lão, vị chi bất đạo, bất đạo tảo hĩ. **Chú giải:**

rán... (1) Độc trùng: Chỉ các loại ong, sái (bọ cạp),

(2) Quắc điều: Con chim dùng móng chân quắp lấy thức ăn như loại chim ưng.

Bác: Chim ưng dùng móng vuốt và đôi cánh đánh các loại vật khác.

(3) Thuyên tác: Bộ máy sinh dục nhỏ của trẻ con cương cứng lên.

(4) Hòa: Hỗn hợp thành trạng thái hài hòa đều đặn. Thường: Chỉ quy luật vận động của sự vật.

(5) Ích sinh: Tham sống phóng túng tình dục.

Tường: Đây chỉ yêu tường, tức là mong ý chẳng lành.

Dịch văn:

Những người có đạo đức hàm dưỡng thâm hậu, cũng ví như đứa trẻ mới sinh ra. Các loại trùng độc không đốt họ, mãnh thú không làm hại tới họ, các loại chim hung ác cũng không tấn công họ. Cho dù gân cốt của họ mềm yếu, thế nhưng nắm tay của họ nắm được rất chắc chắn. Đứa trẻ mới sinh ra tuy không biết được sự giao hợp giữa nam và nữ, thế nhưng bộ phận sinh dục nhỏ bé của nó luôn luôn cương cứng lên, đó là vì duyên có tinh khí dồi dào. Nó suốt ngày kêu khóc, thế nhưng cổ họng của nó lại không bị khản tiếng, đó là vì duyên có nguyên khí của nó thuần hòa.

Nhận thức được đạo lý của sự thuần hòa thì gọi là “thường”, biết được “thường” thì gọi là “minh”. Kẻ ham sống phóng túng tình dục thì sẽ vấp phải tai họa, dục vọng chủ động sai khiến tinh khí thì gọi là “sính cường” (trở tài khoe mẽ).

Cường tráng quá mức thì sẽ dễ dàng đi theo xu hướng già yếu, điều này được gọi là không phù hợp với “Đạo”, không hợp với “Đạo” thì tất nhiên sẽ nhanh chóng tử vong.

CHƯƠNG NĂM MƯƠI LĂM

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là phương pháp tu dưỡng của bậc trí giả cùng với hiệu quả của nó. Với con mắt nhìn nhận của Lão Tử, trí giả là những người không thi hành bừa bãi việc thuyết giáo đối với mọi người, mà là thông qua việc tu dưỡng, bài trừ dục vọng cá nhân, không để lộ tài năng,

vượt ra ngoài sự tranh chấp, hòa hợp cùng trần thế; không phân thân sơ, lợi hại, sang hèn, mà dùng trái tim hòa đồng huyền diệu, quảng đại phóng khoáng để đối đãi với mọi người mọi vật, thì lẽ dĩ nhiên cũng sẽ giành được sự tôn sùng và trọng thị của mọi người trong thiên hạ.

Chương này cũng có thể coi là chủ trương chính trị mà Lão Tử đề xuất ra với những kẻ thống trị, để kì vọng họ sẽ dùng phương pháp tự tu dưỡng như thế mà quản lí thiên hạ.

NGUYÊN VĂN

Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri (1)

Tắc kì đoài, bế kì môn; Tỏa kì nhuệ, giải kì phân; Hòa kì quang đồng kì trăn, thị vị huyền đồng(2). Cơ bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ; Bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại; Bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện”, cố vi thiên hạ quý. (3)

Chú giải:

(1) Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri: Nhìn từ mặt chữ thì ý nghĩa của hai câu này là: người hiểu được thì không nói, người nói thì không hiểu. Thế nhưng với cách nhìn nhận của Lão Tử thì “ngôn” với “bất ngôn”, trên thực tế còn là vấn đề “hữu vi” với “vô vi”. Những người thực sự hiểu được “Đạo” là những người không để lộ tài năng, bởi chỉ có những người luôn luôn muốn thể hiện mình, muốn khoe ra năng lực của mình thì mới ba hoa khoe lác, nên loại người này mới là người “bất tri”. Vì vậy, chữ “bất ngôn” ở đây không phải là không nói chuyện, mà là “trí giả thận ngôn” - người hiểu biết thận trọng với lời nói, không thuyết giáo ba hoa, bừa bãi.

(2) Huyền đồng: Huyền diệu giống như nhau, chỉ “Đạo”.

(3) Bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ; bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại; bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện: Ý nghĩa những câu này là những Ý người đạt tới cảnh giới huyền đồng trái tim siêu thoát ra bên ngoài vật, thoát li ra ngoài phạm trù của thế tục như thân sơ, lợi hại, sang hèn v.v...

Dịch văn:

Bậc trí giả thận trọng với lời nói, nên không nói năng thuyết giáo bừa bãi với mọi người. Không thận trọng với lời nói mà lại nói năng thuyết giáo bừa bãi với mọi người thì đó không phải là bậc trí giả.

Bịt kín lỗ hở của dục vọng, đóng chặt cánh cửa của dục vọng, không để lộ tài năng, trừ bỏ mọi điều tranh chấp, thu lại sự rực rỡ chói lọi, hòa hợp cùng trần thế, điều này được gọi là “huyền đồng” (huyền diệu giống như nhau). Những người đạt tới mức “huyền đồng”, là đã siêu thoát được thân sơ, lợi hại, sang hèn, cho nên họ được mọi người trong thiên hạ tôn quý.

CHƯƠNG NĂM MƯƠI SÁU

ĐỀ GIẢI

Chương này, tuyên truyền tư tưởng chính trị "Vô vi", thời đại mà Lão Tử sống, hiện thực xã hội đã khiến ông đau đớn khi thấy rằng bọn thống trị luôn luôn dựa vào quyền thế và vũ lực mà tự ý hoành hành tàn bạo, làm mưa làm gió. Bọn thống trị luôn luôn cho rằng mình là chúa tể của xã hội và dân chúng, nên theo ý nguyện và lợi ích của mình để đặt ra những chuẩn tắc của đời sống xã hội, rồi cưỡng chế bắt dân chúng phải thi hành để đến mức tạo thành cục diện hỗn loạn "Dân chúng càng ngày càng nghèo", "Quốc gia càng ngày càng hỗn loạn thêm", "trộm cướp càng ngày càng nhiều" V...V... Vậy nên Lão Tử đã đề ra phương án trị quốc là "Vô vi", "Hiếu tĩnh", "Vô sự", "Vô dục", phản đối nền chính trị của kẻ hôn quân bạo ngược chuyên làm càn làm bậy, quấy nhiễu dân chúng tranh giành lợi ích của dân. Chủ trương chính trị của Lão Tử về căn bản không có khả năng khiến cho kẻ thống trị tiếp thu, cũng tuyệt đối không có khả năng thực hiện được, mà chẳng qua đó chỉ là ảo tưởng theo kiểu không tưởng mà thôi. Thế nhưng ý tưởng trị quốc "Ta vô vi mà dân tự hóa...; Ta vô sự mà dân tự giàu; Ta vô dục mà dân tự chất phác..." theo kiểu thế như thế này thì đối với những kẻ thống trị có đầu óc tỉnh táo trong sạch, cũng có ích lợi giáo dục vậy!

NGUYỄN VĂN

Dĩ chính() trị quốc, dĩ kì dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ.

Ta hà dĩ tri kì thiên tại? Dĩ thử:

Thiên hạ đa kị hủy (2), nhi dân di bản; Nhân đa lợi khí, quốc gia tư hơn; Nhân đa kỹ xảo, kỹ vật tư khởi(3); Pháp lệnh tư chương đạo tắc đa hữu

Cổ thánh nhân vân: "Ngã vô vi, nhi dân tự hóa; Ngã hiếu tĩnh, nhi dân tự chính; Ngã vô sự, nhi dân tự phú; Ngã vô dục, nhi dân tự phác.

Chú giải:

(1) Chính: Chỉ đạo thanh tích vô vi - yên tĩnh tuân theo quy luật tự nhiên.

(2) Kị hủy: Lệnh cấm, giới luật.

(3) Nhân đa kỹ xảo, kỹ vật tư khởi: nghĩa là kỹ năng chế tạo đồ vật của con người càng nhiều, những vật phẩm hào hoa cung cấp cho bọn thống trị càng lắm; kỹ xảo còn gọi là trí xảo tài khéo léo.

Dịch văn:

Dùng "Đạo" thanh tịnh vô vi để cai trị đất nước dùng phương pháp kỳ dị để dụng binh, dùng biện pháp không quấy rối dân chúng để cai trị thiên hạ.

Ta làm thế nào để biết được những đạo lý này? Căn cứ ở chỗ: Lệnh cấm trong thiên hạ càng nhiều thì nhân dân càng bản cùng; Vũ khí ở trong dân gian càng lắm thì đất nước càng hỗn loạn; Tài khéo léo của mọi người càng nhiều thì những vật phẩm hào hoa tinh xảo cung cấp cho bọn thống trị càng lắm; Pháp lệnh càng nhiều và càng nghiêm ngặt thì trái lại, bọn trộm cướp càng không ngừng tăng thêm.

Cho nên người có "Đạo" (Thánh nhân) nói: "Ta vô vi thì nhân dân tự nhiên sẽ thuận hóa; Ta hiếu tĩnh thì nhân dân tự nhiên sẽ được thuận hòa ngay thẳng; Ta không quấy nhiễu dân thì nhân dân tự nhiên sẽ được giàu có sung túc; Ta không xa xỉ dâm dục thì nhân dân tự nhiên sẽ lành hiền chất phác!".

CHƯƠNG NĂM MƯƠI BẢY

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở trong chương này là phương pháp biện chứng chính trị. Lão Tử cho rằng khoan dung trên mặt chính trị sẽ có thể khiến cho phong khí xã hội đồn hậu tử tế, nhân dân chất phác thật thà; Nếu còn nền

chính trị phiến hà khắc nghiệt, thì sẽ đem lại tai nạn vô tận cho nhân dân và tất nhiên sẽ vấp phải sự bất mãn và phản kháng mãnh liệt của nhân dân.

Khoan và nghiêm trên mặt chính trị có liên quan tới sự tồn và vong của kẻ thống trị, cũng giống như phúc với họa, chính và tà, thiện với ác, luôn luôn đối lập lẫn nhau, dựa vào nhau để tồn tại, dựa vào nhau để chuyển hóa. Thế nhưng, kẻ nắm giữ chính quyền từ xưa đến nay vẫn chưa thể hiểu rõ được đạo lý mọi sự việc đều biến thiên lập đi lập lại trong tình trạng đối lập, mà lại luôn muốn giữ chặt nền thống trị lâu dài của mình, nên đã thực hành nền chính trị nghiêm ngặt tàn khốc, và kết quả là họ đã đi theo hướng chống lại rồi bị nhân dân lật đổ. Quy luật phát triển biến hóa lịch sử này bất kỳ ai cũng không thể làm khác được. Ở đây, Lão Tử đã cảnh tỉnh những người đời khi quan sát sự vật không được chỉ nhìn thấy một mặt, mà đồng thời còn cần phải nhìn tới mặt phía bên kia của sự vật hiểu rõ đạo lý của sự vật là luôn luôn dựa vào nhau để tồn tại mà biến hóa và không được để cho những hiện tượng bề ngoài trước mắt mê hoặc.

NGUYÊN VẤN

Kì chính muộn muộn(), kì dân thuần thuần; Ka chính sát sát, kì dân khuyết khuyết(2)

Họa hề, phúc chi sở ỷ; Phúc hề, họa chi sở phục Thục tri kì cực? Kì vô chính dã(3). Chính phục vi kì, thiện phục vi yêu(4). Nhân chi mê, kì nhật cố cứu.

Thị đi Thánh nhân phương nhi bất cát(s), liêm nhi bất quệ, trực như bất tử”, quang nhi bất diệu(8)

Chú giải:

(1) Muộn muộn: Trạng thái trái với mơ màng bao hàm ý khoan hồng, thuần hậu.

(2) Thuần thuần: Trung thành, thuần hậu.

Sát sát: Hà khắc, nghiêm ngặt.

Khuyết khuyết: Oán trách, không hài lòng, xảo quyết.

(3) Chính phục vi kì, thiện phục vi yêu: Chính là đứng đắn, thẳng thắn; Kỳ là tà, bất chính, khác thường; Thiện là lương thiện; Yêu là yêu nghiệt, tà ác. Hai câu này có nghĩa là: Chính biến thành tà, thiện biến thành ác.

(4) Phương nhi bất cát: Đứng đắn mà không dứt bỏ lòng thương người.

(5) Liêm nhi bất quệ: Liêm: là sắc bén; Quệ là tính toán làm hại, làm bị thương. Ý tứ của câu này là: Sắc bén mà không làm hại người.

(6) Trực nhi bất tứ: Thẳng thắn mà không bừa bãi.

(7) Quang nhi bất diệu: Sáng mà không lấp lánh làm chói mắt, ý nói kẻ thống trị tuy thân ngồi trên địa vị cao, nhưng không hăm he, sừng sỏ dọa nạt người.

Dịch văn:

Nền chính trị khoan hồng thì nhân dân thuần hậu chất phác. Nền chính trị hà khắc tàn khốc thì nhân dân điêu ngoa, xảo quyệt.

Tai họa ư, hạnh phúc nương tựa gần ở bên cạnh nó; hạnh phúc ư, tai họa tàng ẩn nằm ở bên trong nó. Ai có thể biết được cuối cùng là tai họa hay là hạnh phúc? Thực sự chẳng có tiêu chuẩn nào cố định cả! Chính bỗng nhiên chuyển biến thành tà, thiện bỗng nhiên chuyển biến thành ác. Sự mê hoặc của con người nguyên do đã có từ lâu!

Vì vậy, người có “Đạo” rất đứng đắn mà không gò ép cứng nhắc, có góc cạnh mà không phương hại người, thẳng thắn mà không bừa bãi, sáng mà không lấp lánh làm chói mắt người.

CHƯƠNG NĂM MƯƠI TÁM

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải trong chương này là nguyên tắc và phương pháp dưỡng sinh trị quốc. Lão Tử cho rằng, nguyên tắc của "Sắc" (bùn xỉn, keo kiệt), thực ra không phải là chuyên dùng để chỉ sự quý tiếc đối với tiền bạc của cải, mà còn là chỉ việc chú ý tích lũy, nuôi dưỡng bảo hộ, tàng giấu nhiều cơ sở, vun trồng bồi dưỡng thực lực tinh thần. "Sắc" trên mặt tinh thần là sự tích lũy của "Đức", vì chỉ có "Đức" thâm hậu mới có thể đạt tới mục đích duy trì bảo vệ quốc gia mà cai trị lâu dài yên ổn và bảo vệ gìn giữ sinh

mạng được. Ngược lại, khi quốc gia nội loạn nổi lên tứ phương, tiếng ai oán của nhân dân đầy đường thì cũng chính là "Vô Đức"; mà "Vô Đức" chỉ có thể làm mất đất nước mà thôi!

NGUYỄN VĂN

Trì nhân sự thiên(), mặc nhược sắc(2) Phu duy sắc, thị vị tảo phục 3).

Tảo phục vị chi trọng tích đức(4); Trọng tích đức tắc vô bất khắc; vô bất khắc tắc mạc tri kì cực; mạc tri kì cực, khả dĩ hữu quốc.

Hữu quốc chi mẫu (s), khả dĩ trường cửu.

Thị vị thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo(6) **Chú giải:**

(1) Sự thiên: Thiên có hai loại ý nghĩa, một là chỉ tự nhiên, hai là chỉ thân tâm. Ở đây giải thích là tham tàn. Sự thiên tức là giữ gìn tinh khí, dưỡng hộ thân tâm.

(2) Sắc: Keo kiệt bủn xỉn. "Sắc" là khái niệm quan trọng trong tư tưởng triết học của Lão Tử ở đây là chỉ yêu quý bảo dưỡng tinh thần.

(3) Tảo phục: Phục có ý nghĩa là chuẩn bị. Tảo phục: là sớm chuẩn bị.

(4) Trọng tích đức: Không ngừng tích đức.

(5) Mẫu: Căn bản, nguyên tắc.

(6) Trường sinh cửu thị: Cửu thị có nghĩa là Cửu lập, ý nghĩa của câu này là duy trì lâu dài, tồn tại lâu dài.

Dịch văn:

Trong việc quản lý quốc gia và nuôi dưỡng bảo hộ thân tâm, không có gì quan trọng hơn là yêu quý và luyện tiết tinh lực.

Yêu quý và luyện tiết tinh lực, chính là sớm chuẩn bị.

Sớm chuẩn bị chính là không ngừng tích "Đức" không ngừng tích "Đức" thì sẽ không có gì là không thể gánh vác nổi. Không có gì là không thể gánh vác nổi, thì sẽ không có cách gì đánh giá nổi sức mạnh của anh ta. Không có cách gì đánh giá nổi sức mạnh của anh ta thì có thể gánh vác được nhiệm vụ quản lý quốc gia nặng nề.

Có được nguyên tắc quản lý quốc gia, thì nền thống trị có thể duy trì được lâu dài.

Đây chính là nguyên tắc rễ ăn sâu, gốc mọc chắc thì khiến cho quốc gia cai trị được yên ổn lâu dài.

CHƯƠNG NĂM MƯƠI CHÍN

ĐỀ GIẢI

Ở chương này giảng giải về đạo lý trị quốc. Trước tiên, Lão Tử nêu ra một ví dụ: “Cai trị nước lớn giống như rim nấu con cá nhỏ”, ý nói người thống trị nước lớn, khi quản lý quốc gia cũng cần phải giống như người đang rim nấu con cá nhỏ, không được luôn luôn lật giở. Tiếp đó Lão Tử lại giảng giải dùng “Đạo” để cai trị thiên hạ, thì sức mạnh ngoại tại mới không thể làm nguy hại tới dân chúng mà thánh nhân (người thống trị) cũng không thể làm nguy hại tới dân chúng được. Tránh được hai điều không nguy hại thì dân chúng cũng sẽ được hưởng thụ “Đức” trạch, mọi thứ đều được sinh sôi thỏa sức và được sống yên ổn vô sự. Lão Tử nhiều lần nhấn mạnh tới nền chính trị “Vô vi”, ông đã biểu hiện rõ sự đau đớn căm ghét tới tột độ đối với kẻ thống trị đương thời khi thi hành nền chính trị bạo ngược hại dân, và gửi gắm niềm hi vọng với các “Thánh nhân” sẽ thực hành được nền chính trị “Vô vi”.

NGUYÊN VĂN

Trị đại quốc, nhược phanhtiểu tiên(1), Dĩ đạo lập thiên hạ, kì quý bất thần(2). Phi kì quý bất thần, kì thần bất thương nhân. Phi kì thần bất thương thân, Thánh nhân diệc bất thương nhân.

Phu lưỡng bất tương thương(3), cố Đức giao quy yên(4)

Chú giải:

(1) Tiểu tiên: Con cá nhỏ.

(2) Kì quý bất thần: Cổ nhân thường lấy hai khí âm dương thuận hòa để nói rõ việc quốc thái dân an, âm khí quá thịnh thì gọi là “quý”. “Thần” ở đây được giải thích thành “Thân” tức là khởi tác dụng. Ý nghĩa của câu này là: “Quý không khởi tác dụng”. Âm khí quá thịnh mà khởi tác dụng tức là

làm quý thần, là đã phủ nhận quý thần vốn đã tồn tại. Đây là quan điểm duy vật chủ nghĩa chất phác của thời cổ đại.

(3) Lưỡng bất tương thương: Chỉ quý và “Thánh nhân” có “Đạo” cũng đều không làm nguy hại nhân dân cũng không làm hại tới con người.

(4) Cổ đức giao quy yên: chỉ quý và “Thánh nhân” có “Đạo” cũng đều không làm hại nhân dân, để cho nhân dân được hưởng thụ “Đức” trạch.

Dịch văn:

Quản lí nước lớn, giống như rim nấu con cá nhỏ. Dùng “Đạo” để quản lí thiên hạ, thì quý không khởi tác dụng gì.

Đó không phải là quý không khởi tác dụng mà là tác dụng của quý không làm hại người.

Không phải là tác dụng của quý là không hại người, “Thánh nhân” có “Đạo” cũng không làm hại người.

Như vậy là quý và “Thánh nhân” có “Đạo” đều không làm hại người, cho nên cả hai phương diện đều khiến cho dân chúng được hưởng thụ “Đức” trạch và an nhàn vô sự.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải trong chương này là phải xử lí mối quan hệ giữa nước lớn và nước nhỏ thế nào cho tốt, đã biểu đạt rõ chủ trương chính trị của Lão Tử. Qua cách nhìn của ông các nước lớn nhỏ có chung sống hòa bình được hay không thì mấu chốt quan trọng là ở nước lớn, cho nên Lão Tử đã nhiều lần nhấn mạnh nước lớn cần phải hạ mình khiêm tốn, không được tự ý vào sự lớn mạnh mà lăng nhục, ức hiếp, xâm lược nước nhỏ.

NGUYỄN VĂN

Đại bang giả hạ lưu), thiên hạ chi giao đầu), thiên hạ chi tẫn, tẫn thường dị tĩn thẳng mẫu, dĩ tính vi hạn

Cổ đại bang dĩ hạ tiểu bang, tắc thủ tiểu bang Tiểu bang dĩ hạ đại bang tắc thủ đại bang.

Cổ hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ (3)

Đại bang bắt quá dục kiêm súc nhân(4), tiểu bang bắt quá dục nhập sự nhân.

Phu lưỡng giả các đặc kì sở dục, đại giả nghi vi hạ

Chú giải:

(1) Đại bang giả hạ lưu: Ý nghĩa của câu này là nước lớn cần phải giống như chiếm giữ ở hạ du con sông, ở vào địa vị dung nạp trăm dòng sông suối để chảy về biển lớn.

(2) Thiên hạ chi giao dã: Giao là hội tập, hội hợp chung, chỉ nơi hội tụ của các dòng sông trong thiên hạ. Ý nghĩa ở đây là, rất nhiều nước nhỏ đều quy thuộc vào nước lớn.

(3) Hoặc hạ dĩ thủ, thủ hạ nhi thủ: ý nghĩa hai câu này khác nhau. Chữ “Thủ” trước là chỉ nước lớn giành được sự tin cậy của nước nhỏ; chữ “Thủ” sau là chỉ nước nhỏ được nước lớn dung nạp, giành được sự tín nhiệm của nước lớn.

(4) Kiêm súc nhân: Kiêm là tụ tập, tụ hội; Súc là nuôi, nuôi dưỡng. “Kiêm súc nhân” tức là tập hợp con người lại tăng cường nuôi dưỡng bảo hộ, ý nghĩa là thống trị họ.

Dịch văn:

Nước lớn cần phải giống như chiếm giữ ở vùng hạ du con sông, khiến cho trăm nghìn dòng suối trong thiên hạ tụ hợp về đây, tự coi mình ở vị trí giống cái mềm mại.

Còn giống cái mềm mại dịu dàng thường dùng sự yên tĩnh để chiến thắng giống đực hùng mạnh. Đó là vì duyên cớ yên tĩnh chiếm giữ ở dưới.

Cho nên, nước lớn hạ mình khiêm tốn đối với nước nhỏ, thì có thể giành được sự tin cậy của nước nhỏ. Nước nhỏ hạ mình khiêm tốn đối với nước lớn thì có thể giành được sự khoan dung của nước lớn.

Vậy nên, có khi nước lớn dùng sự hạ mình khiêm tốn để giành được sự tin cậy của nước nhỏ, có khi nước nhỏ dùng sự hạ mình khiêm tốn để nhận sự khoan dung của nước lớn.

Nước lớn không được có ý đồ muốn thống trị nước nhỏ, nước nhỏ cũng không được quá thờ phụng hầu hạ nước lớn.

Nước lớn, nước nhỏ đều có thể đạt được nguyện vọng của mình, đặc biệt nước lớn cần phải hạ mình khiêm tốn.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI MỐT

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, một lần nữa Lão Tử lại tuyên truyền lợi ích và tác dụng của “Đạo”. Ông cho rằng, “Đạo” thanh tịnh vô vi, chẳng những là pháp bảo của người thiện, cho dù là người bất thiện cũng cần phải có nó. Bởi vì “Đạo” có thể có cầu tất ứng, nên tội lỗi cũng có thể được miễn trừ. Chính vì “Đạo” có hiệu ứng như vậy, nên khi thiên tử lên ngôi mà cử hành nghi thức dâng hiến long trọng, hai tay bưng ngọc đi trước, xe tứ mã kéo theo sau, thì cũng chẳng bằng tiến dâng “Đạo” còn tốt hơn. Đương nhiên, đây chỉ là lí giải từ trên mặt chữ, bởi ý nghĩa càng sâu sắc hơn sẽ là cái gọi là “cầu sĩ đắc”, “hữu tội dĩ miễn tà”, thực ra không phải là Lão Tử cố ý thần bí hóa, nhân cách hóa “Đạo”, không phải là bắt người đời thờ phụng “Đạo” giống như thờ phụng thần thánh, mà là muốn tất cả mọi người trong thiên hạ, đều cần phải có “Đạo”, còn nhà vua đứng ở trên nhân dân, thì chẳng những bản thân cần phải có “Đạo”, mà đồng thời còn cần phải thi hành nền chính trị “Vô vi”.

NGUYÊN VĂN

Đạo giả, vạn vật chi áo), thiện nhân chi bảo, bất thiện nhân chi sở bảo (2)

Mĩ ngôn khả dĩ thị tôn (3), mỹ hành khả dĩ gia nhân(4). Nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu? Cổ lập thiên tử, trí tam công(5), tuy hữu cung bích đi tiên tử mã 6), bất như tọa tiến thủ Đạo)

Cổ chi sở dĩ quý thử đạo giả hà? Bất viết. Cầu dĩ đắc, hữu tội dĩ miễn tà(8) Cổ vĩ thiên hạ quý. **Chú giải:**

(1) Áo: Có hai loại ý nghĩa, một là sâu, nơi không thể cho người khác nhìn thấy; hai là, giấu, có ý che lấp, che chở.

(2) Bất thiện nhân chi sở bảo: Người không lương thiện cũng cần phải bảo vệ gìn giữ.

(3) Mĩ ngôn khả dĩ thị tôn: Những lời lẽ tốt đẹp có thể giành được sự kính trọng ngưỡng mộ của người khác.

(4) Mĩ hành khả dĩ gia nhân: Những hành vi tốt đẹp có thể được mọi người kính trọng.

(5) Tam công: Là ba chức Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

(6) Cung bích dĩ tiên tứ mã: Cung bích là hai tay bưng ngọc quý trọng ; tứ mã, xe có bốn con ngựa kéo. Cả cầu để chỉ lễ nghi dâng hiến thời cổ đại, bưng ngọc ở đằng trước, xe tứ mã ở đằng sau.

(7) Tọa tiến thử Đạo: Dâng thờ “Đạo” thanh tịnh vô vị.

(8) Hữu tội dĩ miễn tà: Câu này chính là để nói rõ hơn với câu: “Bất thiện nhân chi sở bảo” trước, với ý nghĩa là: Những người có tội, giành được “Đạo” đều có thể được miễn tội, cho nên những người bất thiện cũng cần phải bảo vệ gìn giữ “Đạo”.

Dịch văn:

“Đạo” che chở vạn vật, người thiện quý trọng “Đạo”, người bất thiện cũng cần phải bảo vệ gìn giữ “Đạo”.

Những lời nói đẹp để có thể giành được sự tôn trọng của người khác, những hành vi tốt đẹp cũng có thể được người khác tôn trọng. Người bất thiện làm sao có thể vứt bỏ họ được? Cho nên Thiên tử lên ngôi, thiết lập ra ba chức Tam công, tuy có nghi thức dâng hiến bưng ngọc đi trước xe tứ mã kéo theo sau, nhưng cũng chẳng bằng tiến dâng “Đạo” còn tốt hơn.

Tại sao từ trước tới nay, đối với “Đạo” lại được coi trọng như vậy? Há chẳng phải là nói có cầu tất có thể giành được, có tội cũng có thể được miễn trừ đó sao? Đây chính là duyên cớ để cho mọi người trong thiên hạ quý trọng “Đạo” vậy!

CHƯƠNG SÁU MƯƠI HAI

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở trong chương này là triết học xử thế “Vô vi”. Lão Tử cho rằng, nếu muốn có công trạng thì cần phải sử dụng thái độ thuận ứng theo tự nhiên; Nếu muốn làm nên sự nghiệp thì cần phải không sinh ra những chuyện rắc rối; Nếu muốn cuộc sống có thi vị hứng thú, thì cần phải thanh tịnh điềm đạm. Trái ngược với, nếu làm càn làm bậy, cố tình gây sự, suốt ngày ăn của ngon vật lạ, thì không thể có công trạng gì, cũng không thể làm nên sự nghiệp gì, cũng không thể thưởng thức được vị ngon và không ngon. Lão Tử còn nhắc nhở cảnh tỉnh mọi người cần chú ý; khi làm bất kỳ công việc gì, đều phải từ nhỏ đến lớn, từ ít tới nhiều, từ dễ đến khó. Nhiều chứa đựng những cái ít, lớn chứa đựng những cái nhỏ, khó tiềm ẩn những cái dễ, cho nên những người có "Đạo" khi xử lý công việc luôn luôn bắt đầu từ việc nhỏ việc dễ, rồi sau đó sẽ hoàn thành được việc lớn, việc khó. Nếu coi mọi việc đều dễ cả, thì sẽ gặp những khó khăn càng nhiều, càng lớn. Những kiến giải này đều là những kiến giải phù hợp với biện chứng pháp, có thể tiếp nhận được cả.

NGUYỄN VĂN

Vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị (1)

Đại tiểu đa thiểu(2), báo oán dĩ đức (3).

Đồ nam ư kì dị, vi đại ư kì tế. Thiên hạ nan sự, tất tác ư dị; Thiên hạ đại sự, tất tác ư tế.

Thị dĩ Thánh nhân chung bất vi đại (4), có năng thành kì đại.

Phu khinh nặc tất quả tín, đa tất đa nạn.

Thị đi Thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan hĩ. **Chú giải:**

(1) Vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị: Ý nghĩa của ba câu này là coi vô vi là công trạng, coi vô sự là công việc, coi vô vị là ý vị.

(2) Đại tiểu đa thiểu: Từ trước tới nay, nhiều người đã giải thích không giống nhau, nhưng các cách nhìn chủ yếu là: Một, lớn sinh ra bởi nhỏ, nhiều sinh ra bởi ít; Hai, cái lớn coi là nhỏ, cái nhỏ coi là lớn, cái nhiều coi là ít, cái ít coi là nhiều; Ba, bỏ cái lớn lấy cái nhỏ, bỏ cái nhiều lấy cái ít. Thánh nhân bỏ công danh, tức là bỏ cái lớn và cái nhiều của họ, mà lấy cái

nhỏ và có ít của họ. Điều này nói rõ thái độ của người có "Đạo" đã đối xử với công danh lợi lộc khác hẳn những người thường. Căn cứ vào câu văn ở dưới, tại đây lấy thuyết cái lớn sinh ra bởi cái nhỏ, cái nhiều bắt đầu từ cái ít.

(3) Báo oán dĩ đức: Ý văn của câu này không liên quan gì đến câu văn trên và câu văn dưới. Câu này nên chuyển xuống đằng sau câu “Tất hữu dư oán” ở chương bảy mươi chín, còn tại đây không dịch.

(4) Bất vi đại: Nghĩa là những người có "Đạo" không tốt cho rằng mình lớn.

Dịch văn:

Dùng thái độ “Vô vi” sẽ lập nên công trạng dùng phương pháp không tăng thêm sự việc để xử lý sự việc, dùng điềm đạm vô vi coi là điều ý vị.

Lớn sinh ra bởi nhỏ, nhiều sinh ra bởi ít.

Xử lý khó khăn cần phải bắt tay từ việc dễ, thực hiện công việc lớn lao xa xôi cần phải bắt đầu từ điều nhỏ bé. Việc khó trong thiên hạ nhất định là phải bắt đầu từ việc dễ; việc lớn trong thiên hạ nhất định phải bắt đầu từ việc nhỏ bé.

Vì vậy, Thánh nhân có "Đạo" thoát đầu không tự cho rằng mình lớn, cho nên mới có thể làm nên những việc lớn.

Tùy tiện bằng lòng thì tất sẽ làm mất lòng tin; coi sự việc quá dễ dàng, thì tất khó khăn sẽ càng lắm.

Vì vậy, Thánh nhân có "Đạo" gặp sự việc luôn luôn coi trọng khó khăn, cho nên cuối cùng đã không có khó khăn.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI BA

ĐỀ GIẢI

Chương này là miêu thuật pháp biện chứng phát triển biến hóa của sự vật. Lão Tử cho rằng, sự vật luôn bắt đầu từ những vật nhỏ phát triển mà lớn lên; Sự xuất hiện của bất kỳ sự vật nào cũng có quá trình tự thân hình thành, biến hóa và phát triển. Từ đó, mà nắm được quy luật khi phát sinh những tai họa chính trị trong xã hội, để tăng cường dự phòng và quản lý.

Xuất phát từ quan niệm “Lớn sinh ra bởi nhỏ”, Lão Tử còn tiến thêm một bước là trình bày rõ quy luật phát triển biến hóa của sự vật, nói rõ những sự việc to lớn xa xôi như “Hợp bão chi mộc”, “Cửu tầng chi đài”, “Thiên lí chi hành” đều bắt đầu từ “Sinh ư hào mạt”, “Khởi ư lũy thổ”, “Cửu ư hào mạt”, “Khởi ư lũy thổ”, “Thủy ư túc hạ”, rồi khuyên răn mọi người rằng: bất kỳ làm công việc gì cũng đều cần phải có nghị lực kiên cường và giữ lòng quyết tâm ở bền bỉ, phải làm tốt từ đầu chí cuối, thì mới có thể hoàn thành được những công việc cao quý lớn lao.

NGUYÊN VẤN

K7 an dị trí, kì vị triệu dị mưu; K7 xuế dị phán(); K vi dị tán. Vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn.

Hợp bão chi mộc, sinh ư hào mạt; Cửu tầng chi đài, khởi ư lũy thổ(2); Thiên lí chi hành, thủy ư túc hạ.

Vi giả bại chi, chấp giả thất chi(3). Thị dĩ Thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất.

Dân chi tòng sự, thường ư kì thành nhi lại chi. Thận chung như thủy, tắc vô bại sự.

Thị dĩ Thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi hóa; Học bất học(4), phục chúng nhân chi sở quá, dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên nhi bất cảm vi.

Chú giải:

(1) Kì xuế dị phán: Phán là tản, phân giải. Đồ vật giòn mềm thì dễ gãy.

(2) Lũy thổ: Có hai cách giải thích: Một, là đất thấp, đất trũng; Hai, là đắp đất, một sọt đất, một đồng đất ở đây lấy cách giải thích thứ hai.

(3) Vi giả bại chi, chấp giả thất chi: Hai câu này đã thấy ở chương hai mươi chín, câu “Thị dĩ Thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất” ở sau nghi là của chương chín vì nhầm mà đã lược bỏ.

(4) Học: Đây chỉ bài giáo huấn do làm việc có sai lầm.

Dịch văn:

Khi cục diện ổn định thì dễ dàng duy trì; khi sự biến chưa xuất hiện dấu hiệu thì dễ dàng mưu tính; khi sự vật giòn mềm thì dễ dàng tiêu giải; khi sự

vật nhỏ bé thì dễ dàng đánh bại. Cần phải xử lý thỏa đáng trước khi sự việc chưa phát sinh. Cần phải tăng cường cai trị quản lý trước khi tai họa loạn lạc chưa nảy sinh.

Cây gỗ lớn vừa vòng tay người ôm, được lớn lên từ một mầm cây nhỏ bé; Đài cao chín tầng được xây dựng lên từ một đồng đất bùn. Cuộc đi xa nghìn dặm được bắt đầu từ bước đầu tiên ở dưới bàn chân người.

Làm việc xuất phát từ hành vi xằng bậy dựa vào sức mạnh thì nhất định sẽ thất bại; thao túng nắm giữ quyền lực xuất phát từ lợi ích riêng nhất định sẽ mất hết quyền lực. Vì vậy, Thánh nhân có "Đạo" không dựa vào sức mạnh làm càn, cho nên không thể thất bại được; Không xuất phát từ lợi ích riêng để khẳng khẳng đòi thao túng nắm giữ quyền lực, cho nên không thể mất đi quyền lực.

Mọi người làm việc thường làm vào lúc sắp sửa thành công thì lại bị thất bại, cho nên khi sự sắp sửa hoàn thành, cũng cần phải thận trọng giống như lúc mới bắt đầu, thì sẽ không thể làm hỏng công việc được.

Vì vậy, Thánh nhân có "Đạo" ý muốn những người khác không thích, không tham cầu những vật phẩm khó giành được; học tập được những bài học mà người khác chưa học tập qua, bổ cứu những sai lầm mà mọi người thường xuyên phạm phải. Như vậy thì sẽ có thể hỗ trợ cho sự phát triển tự nhiên của vạn vật mà không can dự bừa bãi.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI TƯ

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là nguyên tắc vi chính, mà người đời sau hầu hết đều hiểu lầm thành chính sách chủ trương ngu dân của Lão Tử. Thực ra, không phải là Lão Tử không muốn để cho nhân dân thông minh, càng không phải là ông muốn khiến cho mọi người ngu muội vô tư, mà là nói những người giỏi "Đạo" không được dạy nhân dân sáng suốt trong việc gian xảo giả dối, mà phải dạy nhân dân biết chất phác thành thực. Lão Tử cho rằng, sở dĩ nhân dân khó cai trị là vì họ khôn khéo có nhiều tâm cơ (biện pháp), cho nên những người thống trị không thể dùng tâm cơ khôn khéo xảo trá để trị quốc được. Những nguyên tắc và chủ trương mà Lão Tử

đề xuất, là từ cảm nhận sâu sắc đối với đời loạn đương thời, con người thường đấu trí với nhau, và cạnh tranh giả dối; nên ông đã nhằm trúng vào những tệ nạn xã hội và vạch ra hướng để sửa chữa. Có điều, từ trên mặt chữ mà xét, những nguyên tắc và chủ trương của Lão Tử dễ dàng bị hiểu lầm, còn kẻ thống trị cũng đã lấy đó làm chính sách “Ngu dân” rồi tăng cường thi hành. **NGUYỄN VĂN**

Cổ chi thiện vi Đạo giả, phi dĩ minh dân(), tương dĩ ngu chi (2)

Dân chi nan trị, dĩ kì trí đa (3)

Cổ di trí trị quốc, quốc chi tặc(4); Bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc.

Tri thử lường giả, diệc khổ thức(s). Thường tri khổ thức, thi vị huyền đức.

Huyền đức thâm hĩ, viễn hì, dữ vật phản h nhiên hậu nãi chi đại thuận

Chú giải:

(1) Minh dân: Minh là hiểu biết xảo trá. Minh dân là để cho nhân dân hiểu biết xảo trá.

(2) Tương dĩ ngu chi: Ngu là đôn hậu, chất phác thành thực, không có trái tim xảo trá. Ý nghĩa của câu này là phải khiến cho dân chúng không có trái tim xảo trá, đôn hậu chất phác thành thực.

(3) Trí đa: Nhiều trí tuệ xảo trá giả dối.

(4) Tặc: Nghĩa là làm thương hại.

(5) Khế thức: Hay nói là “khải thức”, tức là cách thức, phép tắc.

(6) Dữ vật phản hĩ: “Phản” có hai loại giải thích; một là tương phản, tức là sự vật cụ thể trái ngược với bản tính của “Đức”; hai là quay trở lại quay trở về, tức là “Đức” với sự vật cụ thể đều quay trở về với chất phác chân thật. Tại đây lấy cách giải thích sau.

(7) Đại thuận: Tự nhiên, nghĩa bóng là hoàn toàn không trái ngược với nguyên tắc của "Đạo". **Dịch văn:**

Từ trước những người giỏi hành đạo, không phải là dạy dỗ nhân dân hiểu biết sự khôn khéo giả dối, mà là dạy dỗ nhân dân thuần hậu thật thà chất phác.

Sở dĩ nhân dân khó thống trị, là gì họ có trí tuệ khôn khéo lại có nhiều tâm cơ.

Cho nên nếu dùng tâm cơ khôn khéo cai trị quốc gia tất nhiên sẽ làm nguy hại quốc gia. Không dùng tâm cơ khôn khéo cai trị quốc gia, mới là hạnh phúc của quốc gia.

Nhận thức được sự khác nhau của hai phương thức trị quốc này, chính là một phép tắc. Thường xuyên nhận thức được phép tắc này, chính là “Huyền đức”.

“Huyền đức” vừa sâu sắc lại vừa xa xôi, cùng sự vật cụ thể quay trở về với chân thật chất phác, sau đó mới có thể thuận ứng theo tự nhiên.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI LĂM

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là triết học chính trị “Bất tranh”. Lão Tử cho rằng kẻ thống trị cần phải ở dưới đứng sau, bởi như vậy mới có thể khoan dung nhân hậu đối với nhân dân được. Điều này cũng giống như biển rộng đứng ở hạ du thì mới có thể được nước của trăm nghìn sông suối. Lão Tử cảm thấy sâu sắc rằng: Những kẻ thống trị nắm giữ quyền binh lại ngồi ở trên cao, rồi từng giờ từng phút tạo thành sự uy hiếp và áp lực đè nặng nề cho nhân dân sống ở dưới, đứng ở sau. Bởi vì chúng có điều kiện sử dụng quyền hành và vũ lực, nên hễ bọn chúng tùy tiện làm càn thì nhân dân khổ sở không thể chịu nổi. Với cách nhìn của Lão Tử, nếu thánh nhân nắm giữ chính quyền (vi chính) sẽ có thể khiêm nhường đứng ở dưới, không tranh lợi với dân, dùng “bất tranh” để giành được sự tin phục và yêu mến ủng hộ của nhân dân. Chính bởi vì thánh nhân bất tranh, nên thiên hạ không có người nào tranh giành với họ. Ngược lại, nếu kẻ thống trị việc nào cũng đứng trước nhân dân, nhìn thấy lợi và tranh giành, tất nhiên sẽ mang lại rất nhiều tổn hại và tai nạn vô cùng vô tận cho nhân dân, đương nhiên nhân dân không thể yêu mến và ủng hộ loại vua chúa tham lam tàn bạo này được, tất nhiên nhân dân sẽ đứng lên làm phản, lật đổ nền thống trị của chúng.

NGUYỄN VĂN

Giang hải chi sở dĩ năng vi bách cốc vương(), đã kì thiên hạ chi, cố năng vi bách cốc vương.

Thị dĩ Thánh nhân dục phượng dân, tất di ngôn hạ chi; Dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi.

Thị dĩ Thánh nhân xử thượng nhi bất trọng (2) Xử tiền nhi dân bất hại.

Thị dĩ thiên hạ lạc suy nhi bất yếm.

Dĩ kì bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh. **Chú giải:**

(1) Bách cốc vương: Trăm sông suối đều quy tụ về theo.

(2) Trọng: Mệt mỏi, không chịu đựng nổi. Nghĩa bóng là áp lực, gánh nặng. “Dân bất trọng” chỉ nhân dân không cảm thấy gánh nặng trầm trọng.

Dịch văn:

Sở dĩ biển cả là nơi hội tụ nước đổ về của mọi dòng sông suối, là vì biển cả giới đứng ở hạ du, cho nên có thể làm nơi hội tụ nước của mọi dòng sông suối.

Vì vậy, người nắm giữ chính quyền lãnh đạo nhân dân, thì cần phải dùng lời lẽ biểu thị sự khiêm tốn hạ mình đối với nhân dân. Muốn trở thành mẫu mực của nhân dân, thì cần phải đặt lợi ích của mình đứng ở phía sau lợi ích của nhân dân.

Vì vậy, người có “Đạo” tuy địa vị đứng ở trên nhân dân, thế nhưng họ đã khiến cho nhân dân không cảm thấy gánh nặng trầm trọng; đứng ở đẳng trước nhân dân, mà nhân dân không cảm thấy có điều gì phương hại.

Vì vậy, nhân dân trong thiên hạ vui sướng với việc ủng hộ họ mà không chán ghét ruồng bỏ họ.

Bởi vì họ không tranh giành với nhân dân, cho nên trong thiên hạ không có người nào có thể tranh giành với họ được.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI SÁU

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là những nguyên tắc của "Đạo" được vận dụng cụ thể trong các mặt chính trị, quân sự. Lão Tử cho rằng, nguyên tắc

của "Đạo" có ba điều (tức là Tam Bảo): “Tù”, “Kiệm”, “Bất cảm vi thiên hạ tiên”. Những người có "Đạo" vận dụng được ba điều nguyên tắc này thì sẽ có thể giành được hiệu quả vô cùng tốt đẹp; vứt bỏ ba điều nguyên tắc này, thì sẽ dẫn đến diệt vong. Điều đáng chú ý là, trong ba nguyên tắc đó, Lão Tử đặc biệt nhấn mạnh “Tù”, là bởi vì ông sống trong thời loạn, đã tận mắt nhìn thấy sự tàn khốc của bạo lực, cùng với sự xấu xa độc ác của tranh giành xâu xé, nên ông cảm thấy một cách sâu sắc giữa con người với con người rất thiếu trái tim từ ái, cho nên ông dốc sức tuyên truyền nguyên tắc “Tù”.

NGUYÊN VĂN

Thiên hạ giai vị ngã "Đạo" đại(), tự bất tiêu (2) Phụ duy đại, cố tự bất tiêu. Nhược tiêu, cừu hĩ kì tế đã phụ!

Ngã hữu tam bảo(3) trì nhi bảo chi: Nhất viết tù, nhị viết kiệm(4), tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên.

Tù cố năng dũng), kiệm cố năng quảng(6), bất vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trường”.

Kim xả tù thả dũng xả kiệm thả quảng xả hậu thả tiên, tử hĩ.

Phu tù, dĩ chiến tắc thắng dĩ thủ tắc cố. Thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi.

Chú giải:

(1) Ngã Đạo: Ta tức là "Đạo", "Đạo" tức là ta.

(2) Tự bất tiêu: Tiêu là tượng giống như “Tự bất tiêu”, không giống sự vật cụ thể.

(3) Ngã hữu tam bảo: Tức là "Đạo" có ba phép quý báu, "Đạo" có ba điều nguyên tắc.

(4) Kiệm: Sắc, bủn xỉn, keo kiệt, bảo thủ. Ở đây chữ “Kiệm” có nghĩa bóng là có mà không tận dụng hết, ở đây đồng nghĩa với chữ “Sắc” ở chương năm mươi chín.

(6) Kiệm cố năng quảng: Do tiết kiệm cho nên mới có thể khoan hồng rộng rãi.

(7) Khí trường: Khí ở đây chỉ vạn vật. “Khí trường” tức là thủ trường của vạn vật.

Dịch văn:

Mọi người trong thiên hạ đều nói “Đạo” ta rộng lớn, không giống như bất kỳ vật cụ thể nào.

Chính bởi vì nó rộng lớn cho nên nó không giống bất kỳ vật cụ thể nào. Nếu nó giống như một vật cụ thể, thế thì “Đạo” sớm đã thể hiện ra rất nhỏ bé rồi.

Ta có ba phép quý báu, mà cần phải nắm vững và bảo toàn: thứ nhất là từ ái, thứ hai là tiết kiệm, thứ ba là không dám ở trước mặt mọi người trong thiên hạ.

Từ ái cho nên có thể dùng mãnh uy nghiêm; tiết kiệm dè sẻn cho nên có thể khoan dung quảng đại; không dám ở trước mặt mọi người trong thiên hạ, cho nên có thể trở thành thủ trường của vạn vật.

Bây giờ vứt bỏ từ ái mà cầu lấy dùng mãnh uy nghiêm, vứt bỏ tiết kiệm dè sẻn mà cầu lấy khoan dung quảng đại, vứt bỏ sự lùi bước nhường nhịn mà tranh giành lấy trước tiên, kết quả là sẽ bước tới tử vong.

Từ ái, dùng nó để chinh chiến thì có thể giành thắng lợi, dùng nó để phòng thủ thì có thể được vững chắc. Ông trời sẽ cứu giúp bảo hộ ai, sẽ dùng từ ái để bảo hộ người đó!.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI BẢY

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là nguyên tắc chiến lược chiến thuật. Lão Tử cho rằng không thể hiện dùng mãnh uy nghiêm, không tùy tiện phát sinh giận dữ, không xung đột chính diện, thì mới phát huy đầy đủ năng lực tài trí của con người, bất tranh để đạt tới mục đích của tranh. Đó chính là điều phù hợp với phép tắc tự nhiên.

NGUYÊN VĂN

Thiện vi sĩ giả(1), bất vũ; Thiện chiến giả, bất nội Thiện thắng địch giả, bất dữ; Thiện dụng nhân giả, vi chi hạ. Thị vị bất tranh chi đức, thị vị dụng

nhân chi lực, thị vị phối thiên cổ chi cực(3)

Chú giải:

(1) Thiện vi sĩ giả: Sĩ tức là võ sĩ, đây chỉ tướng soái. Ý nghĩa của câu này là: Những người giỏi làm tướng soái.

Ồ (2) Bất dữ: Ứng phó, đối phó. Ở đây có nghĩa bóng là không đối chiến, không xung đột chính diện.

(3) Phối thiên cổ chi cực: Phù hợp với phép tắc tự nhiên. Chữ “Cổ” ở đây là chữ thừa.

Dịch văn:

Người giỏi làm tướng soái không thể hiện dũng mãnh uy nghiêm một cách bừa bãi. Người giỏi tác chiến, không dễ dàng bị người khác khiêu khích làm cho giận giữ. Người giỏi chiến thắng kẻ địch không thể đánh liều lĩnh vào chính diện kẻ địch được. Người giỏi dùng người thái độ cần phải khiêm tốn. Đây gọi là “Đức” không tranh giành, đây được gọi là năng lực vận dụng người khác, đây được gọi là phép tắc phù hợp với tự nhiên.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI TÁM

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là phương châm và phương pháp dụng binh tác chiến. Lão Tử chủ trương chiến tranh phải lấy thủ làm chủ yếu, lấy thủ để giành chiến thắng. Chủ trương này chính là Lão Tử vận dụng triết học xử thế lấy lùi để tiến vào trong chiến tranh, cũng đã biểu hiện tư tưởng phản chiến của Lão Tử. Bởi vì tư tưởng lấy lùi để tiến và phản chiến, đương nhiên không thể nghĩ tới việc phải phát động chiến tranh, để tấn công nước khác. Khi nước địch tấn công, thì bắt buộc phải đánh trả, vì không thể không như vậy. Chủ trương này là chủ trương không toàn diện, vì muốn giành thắng lợi trong chiến tranh, thì không thể chỉ giữ thế thủ đơn thuần, mà phải cần đánh thì đánh. Thế nhưng Lão Tử cũng đề xuất, trong việc dùng binh tác chiến, thì khinh địch là tai họa lớn nhất. Hai đội quân ngang nhau, đội quân nào nặng cảm hờn thì quân đội sẽ chiến thắng, hai điều kiến giải này có tính chất rất hợp lí.

NGUYỄN VĂN

Dụng binh hữu ngôn: “Ngô bất cảm vi chủ, nhi vi khách(); Bất cảm tiến thối, nhi thoái xích”. Thị vị hành vô hành, nhượng vô tí, nhưng vô địch, chấp vô binh(2)

Họa mạc đại ư khinh địch, khinh địch cơ tang ngô bảo.

Có kháng binh tương nhược(3), ai giả thắng hĩ. **Chú giải:**

(1) Ngô bất cảm vi chủ, nhi vi khách: Chủ là chủ động tấn công khi chiến tranh, thế công; Khách là phòng thủ khi chiến tranh, thế thủ. Ý nghĩa của hai câu này là, ta không dám chủ động tấn công, mà sử dụng thế thủ.

(2) Hành vô hành, nhượng vô tí, nhưng vô địch, chấp vô binh: “Hành vô hành”, tuy rằng có thể trận, nhưng mà lại giống như hình dạng không có thể trận để mà bày. “Nhượng vô tí”, tuy rằng vung tay phần đầu tiến lên mà giống như dáng vẻ không có cánh tay phần đầu tiến lên, không có cánh tay có thể vung lên. “Nhưng vô địch”, tuy rằng đối mặt với kẻ địch mạnh thế, nhưng lại giống như dáng vẻ không có kẻ địch nào vậy. “Chấp vô binh”, tuy có binh khí trong tay nhưng lại giống như dáng vẻ không có binh khí nào có thể cầm được.

(3) Kháng binh tương nhược: Ý là thế lực hai quân tương đương nhau.

Dịch văn:

Những người dùng binh thường nói: “Ta không dám sử dụng thế tấn công trước, mà chỉ sử dụng thế phòng thủ; không dám tiến lên trước một tấc, mà phải lùi về phía sau một thước”. Điều này được gọi là: “Tuy đã có thể trận, mà lại giống như dáng vẻ không có thể trận để có thể bày được; tuy sắp sửa vung tay tiến đánh mà lại giống như dáng vẻ không có cánh tay để vung lên; tuy đối mặt với kẻ địch, nhưng lại giống như dáng vẻ không có kẻ địch mà đánh; tuy trong tay cầm vũ khí mà lại giống như dáng vẻ không có vũ khí mà cầm”.

Tại họa không có gì lớn bằng khinh địch, khinh địch hầu như đã làm mất “ba vật báu” của ta.

Cho nên, khi thế lực quân tương đương nhau, bên nào nặng cảm hờn thì bên ấy giành thắng lợi.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI CHÍN

ĐỀ GIẢI

Ở chương này, Lão Tử cho rằng lý luận của mình rất dễ dàng tìm hiểu, rất dễ dàng thực hành, thế nhưng thiên hạ không có người nào có thể hiểu biết được, cũng không có người nào có thể thực hành được. Ở trong các chương của bộ sách này, Lão Tử đã đề xuất một hệ thống chủ trương chính trị, cung cấp những phương án xử như thế cho những kẻ thống trị, cho nên “người” được nhắc tới ở đây cần phải hiểu rằng đó là chỉ giai cấp thống trị. Thế nhưng Lão Tử đã không hiểu là nếu, lý luận không thích hợp với nhu cầu thống trị của giai cấp thống trị thì không thể phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị được, nên giai cấp thống trị không thể hiểu biết nổi, cũng không thể thực hành nổi. Trái ngược lại, nếu lý luận thích hợp với nhu cầu của họ, có thể phục vụ cho lợi ích của họ, thì họ không những có thể hiểu được, có thể thực hành được, mà còn có thể cưỡng bức nhân dân tiếp thu, cưỡng bức nhân dân thực hành. Giai cấp thống trị thời đó đã qua đời hơn hai nghìn năm, vậy thế mà lý luận của Lão Tử vẫn còn lưu truyền đến ngày nay, và những người hiểu biết lý luận của ông càng ngày càng nhiều, sao ông lại than rằng “Tri ngã giả hi”.

NGUYỄN VĂN

Ngôn ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành.

Ngôn hữu tông, sự hữu quân. Phu duy vô tri(2), thị dĩ bất ngã tri.

Tri ngã giả hi, tắc ngã giả quý(3). Thi dĩ thánh nhân bị hạt nhi hoài ngọc (4)

Chú giải:

(1) Ngôn hữu tông sự hữu quân: Ngôn luận có tôn chỉ, hành sự có căn cứ.

(2) Vô tri: Chỉ người khác không thể lý giải được. (3) Tắc ngã giả quý: Tắc, phép tắc, làm theo. Ý nghĩa của câu này là những người có thể bắt chước được ở ta càng khó có được.

(4) Bị hạt nhi hoài ngọc: Bị là mặc, tiếp xúc; Hạt là quần áo vải thô, quần áo của người nghèo khổ thời cổ đại; Ngọc, ngọc quý, ở đây có nghĩa bóng là tri thức và tài năng.

Dịch văn:

Lời của ta rất dễ hiểu, rất dễ thi hành. Vậy mà, ở trong thiên hạ không có người nào có thể hiểu được, cũng không có người nào có thể thi hành được.

Ngôn luận có mục đích chính, làm việc có căn cứ. Nhưng bởi mọi người không hiểu biết được đạo lý này, cho nên không hiểu biết được ta.

Người có thể hiểu biết được ta rất ít, người có thể bắt chước phương pháp của ta càng khó tìm thấy. Bởi vì người có “Đạo” luôn luôn mặc quần áo vải nâu, nên khó có thể phát triển được tài năng của họ.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở trong chương này là con người cần phải có sự sáng suốt để biết rõ mình. Trong đời sống thường ngày, có người luôn luôn tự cho mình là hiểu biết, nên dù không hiểu cũng làm ra vẻ hiểu, rồi làm bộ làm tịch, làm ra vẻ hiểu biết rất nhiều, không gì không biết. Cũng có người căn bản không hiểu biết một chút nào, nhưng lại dựa vào địa vị quyền thế, tự coi mình đương nhiên là bậc trí giả, mà huênh hoang khoác lác, lòn bịp lừa người. Có người chỉ hiểu biết lơ mơ, nhưng cứ một mực cho là biết, chỉ mới biết bề ngoài của sự vật, mà đã tự khoe khoang nhìn thấu suốt được chân tơ kẽ tóc của sự vật. Tất cả những loại người như thế này, Lão Tử đều gọi là mắc “bệnh”. Mắc phải loại bệnh này tất nhiên sai lầm xằng bậy diễn ra hàng trăm kiểu. Là người không hiểu biết không có gì hổ thẹn, mà suy tới cùng thì căn bệnh này của họ vẫn bắt nguồn từ chỗ tài khoe mẽ, tâm trí trống rỗng làm càn. Với cách nhìn nhận của Lão Tử, những người thực sự

có "Đạo", cho dù đối với những sự vật mà mình đã biết rõ, cũng không được tùy tiện khẳng định phán đoán, mà là coi điều đã biết thành điều chưa biết, để không thăm dò phán đoán chân tướng của sự vật. Vì vậy mới nói, trong quá trình tìm tòi để biết nên dùng thái độ “Tri bất tri, thượng hĩ” - Biết mà coi là không biết, đó là thượng sách vậy! Thành thật đối xử với bản thân mình, nhận thức và đối xử chính xác với những khuyết điểm và bệnh tật của bản thân trong quá trình nhận biết sự vật bên ngoài để hoàn thiện bản thân mới là điều quan trọng nhất. Vì chỉ có như vậy, thì mới có thể thực sự làm điều “Tự tri chi minh” - tự biết rõ mình, đạt tới cảnh giới “bất bệnh”.

NGUYỄN VĂN

Tri bất tri(), thượng hĩ; Bất tri tri, bệnh da (2) Thánh nhân bất bệnh, dĩ kì bệnh. Phu duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

Chú giải:

(1) Tri bất tri: Có hai cách giải thích: Một, biết mà tự cho là không biết; Hai, biết mình có điều không biết. Bản dịch này lấy cách giải thích sau.

(2) Bất tri tri: Không biết mà lại tự cho là mình biết; là bệnh tật, khuyết điểm.

Dịch văn:

Biết rõ bản thân mình có những điều không biết là tốt nhất; Không biết rõ mà lại tự cho là biết, đây chính là khuyết điểm. Những người có "Đạo" không có khuyết điểm, bởi vì họ coi khuyết điểm chính là khuyết điểm. Chính vì họ coi khuyết điểm chính là khuyết điểm, cho nên họ không khuyết điểm.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI MỐT

ĐỀ GIẢI

Chương này diễn đạt những quan điểm chính trị của Lão Tử, phản đối chính trị áp đặt từ trên cao. Lão Tử cho rằng hễ nhân dân không sợ uy lực của kẻ thống trị, thì tai họa loạn lạc đáng sợ sẽ phát sinh. Những kẻ thống trị thông minh xuất phát từ chỗ tự biết mình, tự yêu mình, không tự cậy mình có địa vị cao quý, không tự biểu hiện rõ quyền lực mình, mà thực hiện

nền chính trị tốt đẹp, thì sẽ không vấp phải sự chán ghét và phản đối của nhân dân.

NGUYỄN VĂN

Dân bất úy uy(), tắc đại uy chí(2)

Vô hạp(3) kì sở cư, vô yếm(4) kì sở sinh. Phu duy bất yếm, thị dĩ bất yếm.

Thị dĩ thánh nhân tự tri bất tự hiện(5), tự ái bất tự quý. Có khử thủ thứ 6)

Chú giải:

(1) Bất úy uy: Không sợ uy lực bức bách, không sợ uy lực trấn áp.

(2) Đại uy: Chỉ những sự việc đáng sợ, đây mượn chỉ tai họa loạn lạc.

(3) Vô hạp: Chữ “hạp” ở đây mượn chữ “hiệp”, chặt hẹp, tức là bức bách, trấn áp. Vô hạp có nghĩa là không được bức bách.

(4) Vô yếm: Yếm, cản trở bế tắc, áp bức; Vô yếm là không được áp bức.

(5) Bất tự hiện: Không tự mình biểu hiện mình, không tự mình tỏ rõ mình.

(6) Khử bỉ thủ thứ: Chỉ vứt bỏ “Tự hiện”, “Tự quý” mà chỉ lấy “Tự tri”, “Tự ái”.

Dịch văn:

Nhân dân không sợ uy lực áp bức của kẻ thống trị, thế thì tai họa loạn lạc đáng sợ sẽ sắp sửa phát sinh.

Không được bức bách làm cho nhân dân không được ở yên, không được cản trở con đường mưu sinh của nhân dân. Chỉ có không áp bức nhân dân, thì nhân dân mới không cảm thấy áp bức.

Vì vậy, những thánh nhân có “Đạo” không những cầu lấy tự biết, mà còn không tự biểu hiện ra sự cao quý. Cho nên cần phải bỏ thứ sau (tự hiện, tự quý), mà bảo vệ lấy thứ trước (Tự tri, tự ái).

CHƯƠNG BẢY MƯƠI HAI

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là triết học nhân sinh. Lão Tử cho rằng, hai loại “Dững” khác nhau sẽ sản sinh ra hai kết quả khác nhau, một loại là vấp phải tai hại, một loại được sống còn. Với cách nhìn nhận của Lão Tử, mọi sự vật trong thiên hạ đều dựa vào quy luật tự nhiên mà biến hóa phát triển thì sẽ đều có kết quả tốt, không thể có thiếu sót sơ hở. Tại đây, Lão Tử chỉ chú trọng tới quy luật tự nhiên mà coi nhẹ nhân tố chủ quan của con người, không giảng giải tới tác dụng nỗ lực chủ quan của con người, cho nên triết học nhân sinh của ông là triết học mang tính phiến diện.

NGUYỄN VĂN

Dững ư cảm tắc sát, Dững ư bất cảm tắc hoạt (1) Thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại. Thiên chi sở ố, thực tri kì cố? Thị dĩ thánh nhân do nan chi.

Thiên chi đạo(2), bất tranh nhi thiện thắng bất ngôn nhi thiện ứng bất triêu nhi tự lai, đơn nhiên (3) nhi thiện mưu. Thiên võng khôi khôi(4), sơ như bất thất.

Đào Lú người Hứa ở 249

Chú giải:

(1) Dững ư cảm tắc sát, Dững ư bất cảm tắc hoạt: Cảm là kiên cường; bất cảm là nhu nhược. Ý nghĩa của hai câu này là: Dững cảm với kẻ kiên cường tất sẽ chết, dững cảm với kẻ nhu nhược thì có thể sống.

(2) Thiên chi đạo: Chỉ những quy luật tự nhiên.

(3) Đơn nhiên: Thản nhiên, điềm nhiên, chậm chạp.

(4) Thiên võng khôi khôi: Thiên võng là lưới trời chỉ phạm vi của tự nhiên. Khôi khôi là rộng lớn, bao la vô hạn. Ý nghĩa của câu này là phạm vi của tự nhiên rộng lớn vô biên.

Dịch văn:

Dững cảm với đáng vẻ kiên cường thì sẽ chết, dững cảm với đáng vẻ nhu nhược thì có thể sống. Kết quả của hai loại dững cảm này, có thứ được lợi, có thứ bị hại. Những điều ông trời chán ghét, có ai biết được duyên cớ thế nào? Vì vậy, các thánh nhân có “Đạo” cũng khó có thể giải thích được rõ ràng minh bạch.

Quy luật của tự nhiên là không tranh đấu mà giỏi giành được thắng lợi, không nói năng mà giỏi ứng phó, không triệu gọi mà tự động đến, khoan dung chậm chạp và giỏi trừ bị mưu hoạt. Phạm vi của tự nhiên rộng rãi vô biên, lơ thơ thừa thớt mà chưa bao giờ bỏ sót để lọt.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI BA

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là những chủ trương chính trị của Lão Tử, ông phản đối kẻ thống trị giết người, đặc biệt là ông phản đối kẻ thống trị đã giết nhiều người. Lão Tử cho rằng, sự chết chóc tự nhiên của con người là bởi “Đạo trời” do “người chủ trì việc giết người” nắm giữ, thế nhưng những ông vua ở trong nhân dân đã tàn bạo thay thế “Đạo trời” xua đuổi con người bước tới chỗ chết chóc, như vậy là hoàn toàn đi ngược lại phép tắc tự nhiên. Ông cũng cảnh báo những tên vua bạo ngược ở trong nhân gian thay thế “người chủ trì việc giết người”, bởi giết người nhiều tuyệt đối không thể có kết cục tốt đẹp được.

NGUYỄN VĂN

Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi? Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kì giả), ngô đắc chấp như sát chi, thực cảm.

Thường hữu Tử sát giả sát(2). Phu đại Tử sát giả sát(3), thị vị đại đại tượng chúc. Phu đại tượng chúc giả, hi hữu bất thương kì thi giả hĩ.

Chú giải:

(1) Vi kì giả: Kì có nghĩa giả dối kì quặc làm rối loạn mọi thứ. Vi kì chỉ những kẻ làm điều gian tà độc ác.

(2) Tử sát giả: Chỉ người chuyên quản việc giết người. Đây chỉ Đạo trời.

(3) Đại tử sát giả: Thay thế người chuyên quản việc giết người.

Dịch văn:

Dân chúng không sợ chết, tại sao lại đem cái chết ra dọa họ? Nếu có thể làm cho dân chúng thường xuyên sợ chết, thế thì, đối với những kẻ không thuần phục kia ta cần phải bắt lấy và giết chết hết chúng đi, ai còn dám không thuần phục nữa?

Thường xuyên có những người chuyên quản việc giết người đi giết người. Người thay thế người chuyên quản việc giết người đi giết người, như vậy được gọi là thay thế thợ mộc đi chặt gỗ, nên rất ít người không chặt bị thương bàn tay mình.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI TƯ

ĐỀ GIẢI

Ở chương này miêu thuật tình trạng mâu thuẫn đối lập giữa nhân dân và bọn thống trị. Bởi bọn thống trị vơ vét bóp nặn, sưu cao thuế nặng, dùng làm bổng hậu để tự nuôi dưỡng mình. Chính sách mệnh lệnh nhiều và hà khắc, tùy tiện làm càn làm bậy, đã khiến cho nhân dân không những sa vào cảnh đói rét mà còn hơi một tí là mắc lỗi, điều này đã bức bách khiến cho nhân dân không sợ chết, mà tiến hành phản kháng, vì sinh tồn mà phải đấu tranh. Do đó, Lão Tử cho rằng, nền chính trị khoan dung mà còn cao cả sáng suốt hơn nhiều so với nền chính trị bạo ngược.

NGUYỄN VĂN

Dân chi cơ, đi kì thượng thực thuế chi đa, thị đi cơ. Dân chi nan trị, dĩ kì thượng chi hữu vị(1), thị dĩ nan trị

Dân chi khinh tử, đi kì thượng cầu sinh chi hậu), thị dĩ khinh tử.

Phu duy vô dĩ sinh vi giả, thị hiền ư quý sinh (3)

Chú giải:

(1) Hữu vị: Chỉ chính lệnh phiền phức hà khắc của kẻ thống trị, họ dựa vào sức mạnh làm càn làm bậy.

(2) Dĩ kì thượng cầu sinh chi hậu: Bởi phải phụng dưỡng quá ư phong phú hậu hĩnh cho kẻ thống trị.

(3) Hiền ư quý sinh: Hiền là thẳng qua; quý sinh là hậu dưỡng sinh mệnh. Ý của câu này là “thẳng” được những người phụng dưỡng xa xỉ hậu hĩnh.

Dịch văn:

Sở dĩ dân chúng đói khổ, là bởi vì người cầm chính quyền chiếm đoạt thu thuế quá nhiều, do đó dân chúng mới sa vào cảnh vào đói khổ.

Sở dĩ dân chúng khó cai trị là vì người nắm giữ chính quyền có những chính lệnh phiền phức, hà khắc mà lại tùy tiện làm càn làm bậy, cho nên dân chúng mới khó cai trị.

Sở dĩ dân chúng không sợ chết, là vì kẻ thống trị phụng dưỡng cuộc sống của mình quá ư xa xỉ và hậu hĩnh, cho nên dân chúng mới không sợ chết.

Chỉ có những người không coi trọng sinh mạng của mình, mới cao minh hơn những kẻ quá ư coi trọng sinh mạng của mình.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI LĂM

ĐỀ GIẢI

Ở chương này đã diễn đạt tư tưởng biện chứng của Lão Tử. Từ trong hiện tượng sinh tồn của con người và cây cỏ, Lão Tử đã quy nạp ra một nguyên lý phổ biến là những thứ đang sống đều là những thứ mềm yếu, nhưng lại có sức sống, do đó cũng sẽ lớn mạnh lên; những thứ tiếp cận với cái chết đều là những thứ kiên cường rắn chắc, thế nhưng lại đang mất đi sức sống, vì vậy cũng sẽ yếu mềm. Cách nhìn này của Lão Tử, là bắt nguồn từ sự quan sát và tổng kết đối với những hiện tượng tự nhiên và xã hội. Tại đây, mềm yếu và cứng rắn, “sinh chi đồ” với “tử chi đồ”, đều là những nhân tố nội tại biến hóa phát triển của sự vật phát huy tác dụng. Những thứ cứng rắn đang dần dần mất đi sức sống, cho nên ở vào địa vị đi xuống; những thứ mềm yếu, đang sinh trưởng phát triển, cho nên nó ở vào địa vị đi lên.

NGUYÊN VĂN

Nhân chi sinh đã nhu nhược, kì tử đã kiên cường Thảo mộc chi sinh đã nhu xuế, kì tử đã khô cảo.

Cổ kiên cường giả tử chi đồ (2), nhu nhược giả sinh chi đồ.

Thị đi binh cường tắc diệt, mộc cường tắc chiết. Kiên cường xử hạ, nhu nhược xử thượng.

Chú giải:

(1) Nhân chi sinh đã nhu nhược, kì tử đã kiên cường: Nhu nhược chỉ cơ thể người mềm yếu; kiên cường chỉ cơ thể người cương cứng. Ý nghĩa của

hai Ý câu này là: khi con người sống thân thể mềm yếu, sau khi chết thì biến thành cương cứng.

(2) Tử chi đồ: Thuộc về loại đã chết.

(3) Sinh chi đồ: Thuộc về loại đang sống. **Dịch văn:**

Khi con người đang sống thân thể mềm yếu, sau khi đã chết thân thể biến thành cương cứng.

Khi cây cỏ sinh trưởng cành và thân cây mềm giòn, sau khi chết đã biến thành khô cứng.

Cho nên những thứ rắn chắc thuộc về loại đã chết, những thứ mềm yếu thuộc về loại đang sống.

Vì vậy dụng binh để tỏ ra mạnh thì sẽ vấp phải diệt vong; cây cối lớn mạnh thì sẽ vấp phải chặt chém tàn phá.

Tất cả những thứ lớn mạnh, luôn luôn ở vào địa vị đi xuống; tất cả những thứ mềm yếu, luôn luôn ở vào địa vị đi lên.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI SÁU

ĐỀ GIẢI

Chương này diễn đạt lý tưởng xã hội của Lão Tử, ông dùng “Thiên chi đạo” để so sánh đối chiếu với “Nhân chi đạo”, cho rằng “Thiên chi đạo” công bằng nhất còn “Nhân chi đạo” rất không công bằng. Với cách nhìn của Lão Tử, chỉ có người có “Đạo” mới có thể vượt bỏ kiểu “làm tổn hại kẻ thiếu để phụng dưỡng kẻ thừa” của “Nhân chi đạo” mà giữ lấy phép tắc “làm tổn hại kẻ có thừa để phụng dưỡng thiên hạ” của “Thiên chi đạo”. Việc Lão Tử đề xuất “làm tổn hại kẻ có thừa để phụng dưỡng thiên hạ” đã thể hiện rõ quan điểm bình quân hóa giàu nghèo trong xã hội và con người sống bình đẳng với ông, đồng thời cũng phản ánh sự khát vọng và ngưỡng mộ đối với xã hội lý tưởng của ông.

NGUYỄN VĂN

Thiên chi đạo, kì do trương cung dư? Cao giả ức chi, hạ giả ải chi, hữu dư giả tổn chi, bất giả bổ chi.

Thiên chi đạo, tôn hữu dư nhi bổ bất túc. Nhân chi đạo(1), tắc bất nhiên, tổn bất túc đi phụng hữu dư.

Thực năng tổn hữu dư dĩ phụng thiên hạ? Duy hữu Đạo giả.

Thị đi Thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử, kì bất dục kiến hiên(2)

Chú giải:

(1) Nhân chi đạo: Chỉ phép tắc nói chung của xã hội.

(2) Thị dĩ Thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử, kì bất dục kiến hiên: Ba câu này, từ xưa đến nay các nhà chú giải đều cho rằng không có gì liên quan đến ý văn của câu trên, và nghi là những người chú giải văn thời cổ đã đưa nhầm vào đây.

Dịch văn:

Có lẽ nào quy luật tự nhiên lại không giống như giương cung bắn tên hay sao? Chênh lên cao thì hạ thấp xuống một chút, chênh xuống thấp thì nâng lên cao một chút, kéo quá căng thì buông chùng một chút, kéo không được căng thì lồi căng thêm.

Quy luật tự nhiên, chính là giảm bớt cái có thừa dùng để bổ sung cho cái không đủ. Thế nhưng phép tắc của xã hội lại không như vậy, nó đã tước đoạt những người thiếu thốn để cung phụng cho những kẻ dư thừa.

Ai có thể đem những thứ dư thừa ra để cung cấp cho những người thiếu thốn ở trong thiên hạ? Chỉ có những người có “Đạo” mới có thể làm được điều này.

Do đó, những người có “Đạo” làm mọi sự việc mà không tự cậy mình có tài năng, có thành tựu mà không kiêu ngạo cậy mình có công, lại không muốn biểu hiện sự thông minh tài trí của mình với mọi người.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI BẢY

ĐỀ GIẢI

Ở chương này Lão Tử dùng nước làm ví dụ, để giảng giải đạo lí nhu thắng cương. Nhìn bề ngoài nước rất mềm yếu, thế nhưng những giọt nước mềm yếu có thể xuyên thủng tảng đá rắn chắc, nước lũ có thể xối đổ những

thành trì, những cây cầu kiên cố, làm tràn ngập ruộng vườn làng xóm. Cho nên những thứ rắn chắc, ngược lại không thể chiến thắng được mềm yếu. Đương nhiên sự mềm yếu của nước mà Lão Tử nói, thực ra không phải là nói nước mềm yếu không có sức mạnh, mà là ca ngợi nước có sức kiên nhẫn nội tại, có đầy đủ năng lượng mà bất kì sức mạnh nào cũng không thể thay thế, thế nhưng lại cam tâm tình nguyện ở dưới chỗ thấp nhất. Thông qua việc ca ngợi phẩm cách của nước, Lão Tử đã nói rõ nhà vua của một quốc gia cũng cần phải giống như nước, gánh vác mọi điều khuất nhục, tựa hồ như ở địa vị thấp, nhưng trên thực tế vẫn có thể bảo đảm được địa vị trên cao chót vót với đầy đủ sức mạnh kiên cường.

Câu nói cuối cùng của chương này là “Chính ngôn nhược phản” là sự khái quát tập trung tư tưởng biện chứng của Lão Tử. Trong tác phẩm của Lão Tử có rất nhiều lời biểu đạt những mặt của sự vật, như “Đại thành nhược khuyết”, “Đại ư doanh nhược xung” v.v... và cũng có rất nhiều khái niệm đối lập lẫn nhau như tĩnh động, nhu cương v.v... Những sự diễn đạt này đã phản ánh những thuộc tính chuyển hóa lẫn nhau, dung hòa lẫn nhau dưới những điều kiện nhất định như đối lập lẫn nhau bài xích lẫn nhau, dựa vào nhau để tồn tại của sự vật, mà sự chuyển hóa lẫn nhau giữa hai mặt của sự vật lại được quyết định bởi sự vận động của bản thân sự vật, cùng với sự biến hóa và ảnh hưởng của những điều kiện nội ngoại. Dùng những lí lẽ này để nhận thức mọi sự vật của giới tự nhiên và xã hội loài người, thì sẽ hiểu được hàm nghĩa sâu sắc của “Chính ngôn nhược phản”.

NGUYỄN VĂN

Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng dĩ kì vô đã dịch chi (1)

Nhược chi thắng cường nhu chi thắng cương thiên hạ mạc bất trị, mạc năng hành.

Thị dĩ Thánh nhân vân: “Thụ quốc chi cấu (2) thị vị xã tắc chủ thụ quốc bất tương (3), thị vị thiên hạ vương” ”

Chính ngôn nhược phản)

Chú giải:

(1) Vô dĩ dịch chi: Dịch là thay thế, không có sức mạnh nào có thể thay nó.

(2) Thụ quốc chi cấu: Cấu là khuất nhục. Ý nghĩa của câu nói này là gánh vác sự ô nhục của cả nước.

(3) Thụ quốc bất tường: Bất tường là tai nạn, tai ương, tai họa loạn lạc. Ý nghĩa của câu nói này là Ý gánh vác những tai họa loạn lạc cho cả nước.

(4) Chính ngôn ngược phản: Lời nói chính diện giống như lời nói ngược lại.

Dịch văn:

Trong thiên hạ không có gì mềm yếu hơn nước, thế nhưng công kích vào những thứ cứng rắn, thì không có gì có thể vượt qua được nước. Do đó không có sức mạnh nào có thể thay thế được nước.

Yếu có thể thắng mạnh, mềm có thể thắng cứng trong thiên hạ không có người nào không hiểu, thế nhưng không có người nào có thể thực hành được.

Vì vậy những người có “Đạo” nói: Có thể gánh vác được sự ô nhục của cả nước, mới xứng đáng được gọi là ông vua; có thể gánh được tai họa của cả nước, mới có thể xứng đáng được gọi là ông vua của thiên hạ.

Lời nói chính diện mà giống như lời là lời nói ngược lại.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI TÁM

ĐỀ GIẢI

Điều giảng giải ở chương này là về mâu thuẫn giữa kẻ thống trị với quần chúng nhân dân. Lão Tử đã cảnh cáo kẻ thống trị không được tích oán với nhân dân, vì tích oán quá sâu thì sẽ khó hòa giải, cho dù ngoài mặt họ có làm một vài việc có ích cho dân, và muốn dùng những việc này để mua chuộc lòng dân, hòa giải mỗi oán hận của dân, thì kết quả vẫn là phí công vô ích. Vì vậy, những người nắm giữ chính quyền cần phải giống như những thánh nhân có “Đức”, “nắm giữ quyền lực mà không tích oán với dân”, “dùng Đức” để giáo hóa dân chúng bởi đó là mô thức thống trị lí tưởng nhất. Dùng sưu cao thuế nặng để bóp nặn vơ vét nhân dân, đòi hỏi

lớn hơn ban cho; dùng hình phạt để kìm kẹp dân chúng, hà khắc thậm tệ hơn khoan dung đều là kết oán với nhân dân. Nền chính trị như vậy chính là nền hình trị “vô đức”, mà nền chính trị “vô đức” thì sẽ tất nhiên không thể khoan dung hòa với “Đạo trời” được, sẽ vấp phải phản kháng của nhân dân. Cái gọi là “Thiên Đạo vô thân, thường dữ thiện nhân”, thực ra không phải không phải là nói có một “Đạo trời” nhân hóa tồn tại, để giúp đỡ người thiện, mà là nói sở dĩ người thiện được giúp đỡ, là vì họ có “Đức”, vì những việc làm của họ phù hợp với quy luật của tự nhiên (Đạo trời) tất nhiên sẽ giành được kết quả tốt đẹp.

NGUYỄN VĂN

Hòa đại oán, tất hữu dư oán. Báo oán dĩ Đức (1) khả dĩ vi thiện? an ,
Thị dĩ Thánh nhân chấp tả khế(2), nhi bất trách ư nhân. Hữu đức tư khế,
vô đức tư triệt(3).

Thiên Đạo vô thân (4), thường dữ thiện nhân.

Chú giải:

(1) Báo oán dĩ Đức: Câu này vốn đứng sau câu “Đại tiểu đa thiểu” ở chương sáu mươi ba, các nhà chú giải đều cho rằng ý nghĩa của câu này là không có liên quan phụ thuộc gì với câu trên dưới, và cho rằng đã đưa nhầm câu này vào đây.

(2) Tả khế: Phiếu văn tự: Thời cổ vay nợ khắc trên gỗ làm văn tự sau đó chẻ ra làm hai nửa tả hữu, một nửa bên trái gọi là “Tả khế”, do người vay nợ kí kết rồi giao cho chủ nợ thu giữ. Khi trả nợ, chủ nợ sẽ đưa ra một nửa bên trái trả lại cho người vay nợ. Hai mảnh khế ước tả hữu là một tập tục mà ở mỗi nơi thực hiện có khác nhau. Theo cách nói của Lão Tử, văn tự mà người chủ nợ lưu giữ là tả khế (mảnh văn tự bên trái).

(3) Hữu đức tư khế, vô đức tư triệt: Tư khế, tư triệt đều chỉ người quản lí thu thuế thời cổ đại. Triệt là cách thu thuế thời Chu. Ý nghĩa của hai câu này là người có “Đức” ung dung giống như cầm trong tay giấy văn tự vay nợ, người vô “Đức” thì gian trá khe khắt giống như kẻ nắm giữ việc quản lí thu thuế.

(4) Thiên Đạo vô thân: Vô thân là không có tình yêu thiên lệch. Đạo trời không có tình yêu thiên lệch. Câu này có ý là Đạo trời đối với con người không có tình cảm riêng tư. Câu này cũng đồng nghĩa với câu “Thiên địa bất nhân” đã nói ở chương Năm.

Dịch văn:

Hòa giải sự oán hận sâu sắc nặng nề, tất nhiên vẫn còn có dư âm của oán hận; Lấy “Đức” để báo đáp oán hận, điều này làm sao có thể coi là xử lý oán hận hoàn hảo được?

Vì vậy, người có “Đạo” bảo tồn lấy cuống biên lai vay nợ mà không cưỡng phải trả ngay món nợ. Người có “Đức” khoan dung như Thánh nhân nắm giữ cuống biên lai vay nợ, người vô “Đức” thì gian trá khe khắt giống như kẻ nắm giữ việc quản lý thu thuế.

Quy luật tự nhiên đối với bất kì người nào cũng đều không có tình yêu thiên lệch, thế nhưng lại vĩnh viễn giúp đỡ những người làm việc dựa theo quy luật tự nhiên.

CHƯƠNG BẢY MƯƠI CHÍN

ĐỀ GIẢI

Chương này miêu tả tình hình sinh hoạt của xã hội nông thôn “Nước nhỏ dân ít”, đã diễn đạt li tường chính trị xã hội của Lão Tử. Với cách nhìn của Lão Tử, giai cấp thống trị đương thời vì thực hiện cuộc chiến tranh thôn tính đối với đông đảo quần chúng, nên đã đem lại tai họa nghiêm trọng cho nhân dân. Vì truy cầu cuộc sống xa xỉ nên họ đã tranh đoạt của cải vật chất, vơ vét bóp nặn thành quả lao động của nhân dân. Họ đã sử dụng những thủ đoạn giả dối xảo quyệt đối với nhân dân để thực hành thống trị, dẫn tới sự bất mãn và phản kháng của nhân dân, mà lại nói là nhân dân khó trị v.v... Các vấn đề hiện thực xã hội này nên giải quyết như thế nào? Lão Tử đã đề xuất ra một ý tưởng “Tiểu quốc quả dân” theo kiểu phục cổ. Dựa theo tư tưởng này, thì đất nước nhỏ, các loại vật dùng như thuyền bè, tàu xe cho đến các trang bị binh khí, đều không nhất thiết phải sử dụng, mà mọi người dùng phương thức buộc nút dây thừng để ghi nhớ công việc, chứ không nhất thiết phải dụng tâm đầu trí. Ở trong một nước nhỏ dân ít như vậy,

không phải dùng sức mạnh và bạo lực để giành giật, thì không có xảo trá và lừa đảo, dân phong thuần phác và đôn hậu, sinh hoạt đầm ấm và ổn định, nên cho dù là đưa mắt nhìn thấy quốc gia lân cận, thậm chí còn nghe thấy tiếng gà gáy chó sủa của quốc gia bên cạnh, con người từ lúc sinh ra cho tới lúc chết đi cũng không hề qua lại với nhau. Nếu nhân dân của các nước nhỏ bé trong thiên hạ đều trải qua cuộc sống hòa bình yên ổn như vậy, thì cũng không nhất thiết phải liều mình vượt nguy hiểm đi tới nơi xa xôi để mưu sinh. Loại ý tưởng này của Lão Tử chỉ là ảo tưởng theo kiểu không tưởng nên không thể nào có thể thực hiện được.

NGUYỄN VĂN

Tiểu quốc quả dân(), sử hữu thập bá chi khí nhi bất dụng(2); Sử dân trọng tử nhi bất viễn si(3) Tuy hữu châu dư, vô sở thặng chi; Tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi; Sử đan phục kết thặng nhi dụng chi.

Chi trị chi cực, cam kì thực, mĩ kì phục an kì cư, lạc kì tục. Lân quốc tương vọng, kê khuyến chi thanh tương văn, dân chí Lão Tử, bất tương vãng lai.

CHÚ GIẢI

(1) Tiểu quốc quả dân: Quốc gia nhỏ, nhân dân ít. Đây là xã hội lí tưởng lấy kinh tế tiểu nông làm cơ sở mà Lão Tử suy nghĩ tạo dựng ra.

(2) Sử hữu thập bá chi khí nhi bất dụng: Thập có nghĩa là nhiều, là tạp; bá có nghĩa là bách (trăm). Khí là khí cụ. Ý nghĩa là cho dù có các dạng đồ dùng nhưng cũng không sử dụng đến.

(3) Sử dân trọng tử nhi bất viễn si: Trọng tử là sợ chết, chỉ việc không tùy tiện dẫn thân vào nơi nguy hiểm; si là di chuyển, li tán. Cả câu này có nghĩa là: Khiến cho dân coi trọng cái chết mà không dám dời tới nơi xa.

Dịch văn:

Quốc gia nhỏ bé, nhân dân ít ỏi, cho dù có các loại đồ dùng cũng không sử dụng tới, khiến cho nhân dân sợ chết mà không di chuyển tới nơi xa. Tuy có thuyền bè tàu xe, thế nhưng cũng không cần thiết phải ngồi phải cưỡi; tuy có trang bị vũ khí, nhưng không có nơi nào để bố trí trận địa đánh nhau;

khiến cho nhân dân dùng biện pháp buộc nút thùng thời viễn cổ để ghi nhớ công việc.

Quốc gia cai trị cực kì tốt, nhân dân có được sự ăn uống ngon lành, quần áo mặc đẹp đẽ, mới ở được yên ổn thoải mái, tập tục được sung sướng. Giữa nước này và nước kia nhìn thấy nhau, tiếng gà gáy chó sủa cũng có thể nghe thấy của nhau, nhân dân từ lúc sinh ra tới chết già, cũng không qua lại với nhau.

CHƯƠNG TÁM MƯƠI

ĐỀ GIẢI

Trong chương này miêu thuật một số hiện tượng xã hội, vạch rõ sự không nhất trí giữa hiện tượng bên ngoài với thực chất của sự vật. Nói rõ mâu thuẫn đối lập giữa thật với giả, đẹp và xấu, thiện và ác. Điều này chứng tỏ rằng, Lão Tử có tư tưởng biện chứng phong phú, quan sát sự vật tương đối sâu sắc. Với con mắt nhìn của ông, sở dĩ lời nói việc làm của con người có sự phân chia ra thật với giả, xấu và đẹp, thiện và ác, là bởi vì có người chỉ muốn lợi mình, có người lại không muốn lợi mình. Chỉ có thánh nhân mới là người “bất tích”, mới là người “vì dân”, “cho dân”, phù hợp với “lợi nhi bất hại” của “Đạo trời”, phù hợp với “Vi nhi bất tranh” của “Đạo thánh”.

NGUYỄN VĂN

Tín ngôn bất nữ, mỹ ngôn bất tín()

Thiện giả”) bất biện, biện giả bất thiện. Tri giả bất bác, bác giả bất trị.

Thánh nhân bất tích(3), kí dĩ vi nhân kỉ dù hữu, kĩ dĩ dữ nhân kỉ dù đa.

Thiên chi Đạo, lợi nhi bất hại. Thánh nhân chi Đạo, vi nhân bất tranh.

Chú giải:

(1) Tín ngôn bất nữ, mỹ ngôn bất tín: Tín ngôn là lời nói chân thành. Mỹ ngôn là lời nói hoa lệ, tức là khéo léo, nói lời đẹp. Ý nghĩa hai câu này là lời nói Ý chân thành không hoa mỹ, lời nói hoa mỹ không chân thành.

(2) Thiện giả: Có thể lí giải là người có hành vi lương thiện, hoặc là người giỏi nói năng.

(3) Thánh nhân bất tích: Người có “Đạo” không tự tư, không chiếm hữu, không có lòng tham lam. **Dịch văn:**

Lời nói chân thành không hoa mỹ, lời nói hoa mỹ không chân thành.

Người có hành vi lương thiện không thể eo éo khéo biện luận, người eo éo khéo biện luận không thể lương thiện được.

Người có kiến giải sâu sắc thực sự không hiểu biết sâu rộng, người hiểu biết sâu rộng không thể có thể kiến giải sâu rộng được.

Thánh nhân có “Đạo” không giấu giếm, không tư hữu, họ sẽ dốc hết tất cả những gì mà mình có để giúp đỡ người khác, trái ngược lại, bản thân họ sẽ càng dồi dào sung túc. Những thứ mà họ ban cho người khác càng nhiều, thì bản thân họ càng phong phú.

Quy luật tự nhiên chỉ có lợi cho vạn vật mà không làm hại vạn vật, quy tắc chuẩn của thánh nhân là chỉ ban phát cho dân mà không tranh giành với dân.

Mục lục

Vài nét về cuộc đời của Lão Tử..... “Đạo đức kinh” ra đời như thế nào? Nội dung cơ bản của “Đạo đức kinh”5 13

TÁC PHẨM "ĐẠO ĐỨC KINH"

Chương một. 41

Chương hai

Chương ba

Chương bốn.....

Chương năm..... ..

45

..... 51

Chương sáu.....

Chương bảy.

Chương chín.....

48

53

Chương tám..... L.....

56

.....

58

64

.....

Chương mười

Chương mười một.....

Chương mười hai.....

Chương mười ba

Chương mười bốn.....

66

Chương mười lăm

Chương mười bảy. VP

bo.....

.....

..... 69

.72

.76

80

Chương mười sáu 87

.... 83

..... 90

Chương mười tám

Chương hai mươi.....

..... 93

Chương hai mươi mốt

.....	95
Chương mười chín	
.....	98 .103
Chương hai mươi hai	
Chương hai mươi ba	
Chương hai mươi bốn	
.....	
.....	106
Chương hai mươi lăm.....	Chương hai mươi sáu.....
Chương hai mươi bảy.	
Chương ba mươi.....	
Chương ba mươi mốt	
Chương ba mươi hai	
Chương ba mươi ba	
Chương ba mươi tư....	
Chương ba mươi lăm	
Chương ba mươi sáu.....	
.....	108 .111
.....	113
.116	
Chương hai mươi tám.....	
Chương hai mươi chín.....	
.....	122
.....	125
128	
.134	
131	
137	

.139

.141

.....

Chương ba mươi bảy Chương ba mươi tám..... Chương ba mươi chín.
Chương bốn mươi. bốn mươi..... Chương bốn mươi mốt

.143

.....

.146

.....

.149

Chương bốn mươi hai

153

.157

.....

.159

.....

.163

Chương bốn mươi ba

Chương bốn mươi tư

Chương sáu mươi.

.....167

....169

Chương bốn mươi lăm

Chương bốn mươi sáu

Chương bốn mươi bảy

Chương bốn mươi tám.....

Chương bốn mươi chín.

Chương sáu mươi hai..... Chương sáu mươi ba

.172	
.174	
.....	
.....	
.....176 178	
Chương năm mươi.....	
Chương năm mươi mốt.	
Chương năm mươi hai	
Chương năm mươi tư	
Chương năm mươi lăm	
Chương năm mươi sáu	
Chương năm mươi tám.	
Chương sáu mươi lăm	
.181	
.....	
.184	
.187	
Chương năm mươi ba	
.190	
Chương năm mươi bảy.....	
Chương năm mươi chín	
Chương sáu mươi tư	
192	
Chương sáu mươi sáu	
Chương sáu mươi bảy.	
.....	
.194	
..... 197	

.....	200
..	203
.....	207
.....	210
Chương sáu mươi mốt.....	
.....	213
.....	
..	216
.....	
..	219
..	222
.....	226
.....	229
.....	235
.....	
Chương sáu mươi tám	
Chương sáu mươi chín Chương bảy mươi.....	
..	237
..	240
Chương bảy mươi hai	
.....	243
Chương bảy mươi mốt	
.....	246
Chương bảy mươi ba	
....	248
Chương bảy mươi tư..	
Chương bảy mươi lăm	
Chương bảy mươi sáu.....	

Chương bảy mươi bảy.

Chương bảy mươi tám.

Chương bảy mươi chín.

Chương tám mươi

.....250

.....252

.254

.256

..... 259

.262

.269

..266

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC 18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH
- HÀ NỘI Điện thoại: 04.37161518 - 04.37163409, Fax: 04.38294781
Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.vn E-mail:
tonghopvanhoc@vnn.vn * Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh 290/20 Nam Kỳ
Khởi Nghĩa - Quận 3 Điện thoại: 08.38469858, Fax: 08.38483481 * Văn
phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng 344 đường Trưng Nữ Vương - thành
phố Đà Nẵng Điện thoại - Fax: 0511.3888333

ĐẠO LÝ CỦA NGƯỜI XƯA

Chịu trách nhiệm xuất bản NGÔ THU PHƯƠNG

Biên tập: ĐẶNG THỊ HÀ Bìa: XUÂN NHI Trình bày: MAI ANH Sửa
bản in: SBOOKS

Liên kết xuất bản: CÔNG TY CỔ PHẦN SBOOKS SBOOKS trân trọng
cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả. Mọi thông tin phản hồi vui lòng
liên hệ: Facebook: www.facebook.com/Sbooks.vn Hotline: 0901360088 -
Website: www.sbooks.vn

In 5.000 cuốn, khổ 13x20.5 cm, tại Xí nghiệp In Fahasa. Địa chỉ: 774
Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. SỐ ĐKXB:

134-2023/CXBIPH/37-06NH, ngày 12/01/2023. Quyết định xuất bản: Số 1055/QĐ-VH, cấp ngày 07/9/2023. Mã ISBN: 978-604-394-048-0. In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.

sadasd

Notes

[← 1]

Vô vi (từ triết học) là thuận theo lẽ tự nhiên. Hữu vi là đạt thành tích.

[← 2]

Utopia (tiếng Anh) có nghĩa là không tưởng.